

HỘI KIẾN TRÚC SƯ VIỆT NAM  
VIỆN KIẾN TRÚC

**KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ QUỸ KIẾN TRÚC  
THỜI KỲ 1945 - 1986**

**Nhóm nghiên cứu**

Chịu trách nhiệm chung: THS.KTS. Lã Thị Kim Ngân

Đồng tham gia nghiên cứu: KTS. Nguyễn Thúc Hoàng

PGS.KTS Trần Hùng

Ths. KTS. Nguyễn Thị Kim Anh

Hà Nội, 2014

<b>MỤC LỤC</b>	<b>Trang</b>
<b>A. PHẦN MỞ ĐẦU</b>	3
<b>LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI – TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI</b>	3
<i>1. Đánh giá Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài</i>	3
<i>2. Ý nghĩa và lý do lựa chọn đề tài</i>	4
<b>B. PHẦN NỘI DUNG</b>	6
<b>TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 -1986</b>	6
<b>CHƯƠNG I: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC Ở PHÍA BẮC GIAI ĐOẠN 1945-1986</b>	6
1.1. Thủ đô Hà Nội	6
<i>1.1.1. Kiến trúc Hà Nội thời kỳ 1945-1954</i>	6
<i>1.1.2. Giai đoạn 1954 – 1965</i>	7
<i>1.1.2.1. Giai đoạn 1954 – 1957</i>	7
<i>1.1.2.2. Giai đoạn 1958 - 1965</i>	10
<i>1.1.3. Giai đoạn 1965 – 1975</i>	16
<i>1.1.3.1. Giai đoạn chiến tranh đánh phá miền Bắc của Mỹ (1965 - 1972)</i>	16
<i>1.1.3.2. Chấm dứt đánh phá Hà Nội , dấu ấn những công trình mới (1973 -1975)</i>	18
<i>1.1.4. Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 1975 – 1986</i>	22
1.2. Các tỉnh phía Bắc	30
<i>1.2.1. Giai đoạn 1945 – 1954</i>	30
<i>1.2.2. Giai đoạn 1954– 1975</i>	32
<i>1.2.2.1. Giai đoạn khôi phục kinh tế (1955- 1957)</i>	32
<i>1.2.2.2. Giai đoạn cải tạo và phát triển kinh tế 1958- 1960</i>	33

1.2.2.3.	<i>Giai đoạn kế hoạch 5 năm lần thứ 1 (1961- 1965)</i>	33
1.2.2.4.	<i>Thời kì chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc- Thống nhất đất nước 1965-1975</i>	35
1.2.2.5.	<i>Kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976- 1980)</i>	37
1.2.2.6.	<i>Đại Hội Đảng V - Kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981- 1986)</i>	37
<b>CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC Ở PHÍA NAM GIAI ĐOẠN 1945-1986</b>		39
1.1.	Thành phố Hồ Chí Minh	39
1.1.1.	<i>Giai đoạn 1945-1954</i>	40
1.1.2.	<i>Kiến trúc Sài Gòn từ 1954 – 1964</i>	41
1.1.3.	<i>Kiến trúc Sài Gòn giai đoạn 1964 – 1975</i>	41
1.1.4.	<i>Kiến trúc Sài Gòn giai đoạn 1976 -1986</i>	43
1.2.	Các tỉnh phía Nam	44
1.2.1.	<i>Giai đoạn 1945- 1954</i>	44
1.2.2.	<i>Giai đoạn 1954 -1975</i>	44
1.2.3.	<i>Giai đoạn 1975 -1986</i>	46
<b>CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KIẾN TRÚC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1986</b>		49
3.1.	Về xây dựng nói chung	49
3.1.1.	<i>Mười năm đầu (1945-1955)</i>	49
3.1.2.	<i>Hai mươi năm tiếp theo (năm 1955- 1975)</i>	49
3.1.3.	<i>Mười năm cuối (năm 1975- 1985)</i>	50
3.2.	Về giá trị kiến trúc	50
3.2.1.	<i>Kiến trúc được xây dựng theo quy hoạch</i>	50
3.2.2.	<i>Kiến trúc được định hướng phát triển</i>	51
3.2.3.	<i>Kiến trúc khí hậu – tạo bản sắc.</i>	52

3.2.4. <i>Nhìn nhận riêng về kiến trúc ở Miền Nam</i>	53
3.3. <i>Về môi trường hoạt động</i>	53
<b>C. QUỸ KIẾN TRÚC</b>	55
<b>CHƯƠNG I: CƠ SỞ XÁC ĐỊNH QUỸ KIẾN TRÚC VIỆT NAM</b>	
1.1. <i>Quỹ- quỹ kiến trúc</i>	55
1.2. <i>Cơ sở xác định quỹ kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945- 1986:</i>	55
1.3. <i>Nhìn nhận giá trị quỹ kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945-1986 từ góc độ nghệ thuật và phong cách kiến trúc</i>	56
1.3.1. <i>Kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954</i>	56
1.3.2. <i>Kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975</i>	56
1.3.2.1. <i>Kiến trúc ở miền bắc</i>	56
1.3.2.2. <i>Kiến trúc ở miền Nam</i>	58
1.3.3. <i>Kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1975 - 1986</i>	59
1.4. <i>Xếp hạng và phân loại quỹ kiến trúc</i>	59
<b>THỐNG KÊ DANH MỤC DỰ KIẾN QUỸ KIẾN TRÚC VIỆT NAM THỜI KỲ 1945 -1986</b>	59
<b>HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH QUỸ KIẾN TRÚC GIAI ĐOẠN 1945 -1986</b>	86
<b>CHƯƠNG II: ĐỊNH HƯỚNG BẢO TỒN VÀ GÌN GIỮ VÀ PHÁT TRIỂN “QUỸ KT” 1945-1986</b>	119
2.1. <i>Thực trạng “ Quỹ Kiến trúc” ở thời điểm hiện nay</i>	119
2.2. <i>Định hướng bảo tồn gìn giữ quỹ kiến trúc 1945 – 1986 trong sự phát triển chung xã hội cũng như phát triển kiến trúc</i>	119
<b>D. KẾT LUẬN</b>	121
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	122

## A. PHẦN MỞ ĐẦU

### LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI – TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

#### 1. Đánh giá Tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực đề tài

Trong những năm qua, đã có một số nghiên cứu về kiến trúc, nhưng đến nay chỉ mới có những sản phẩm đánh giá “quỹ” kiến trúc của một số đô thị như: Đà Lạt, Huế và các đô thị lớn. Hay những đánh giá di sản kiến trúc phục vụ phát triển du lịch: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Hội An.... Chưa nhìn nhận kiến trúc các thời kỳ ở góc độ tổng hợp, cả nước, đặc biệt chưa có những đánh giá về kiến trúc Xã hội Chủ nghĩa ở miền Bắc, đặc biệt chưa có mục tiêu “ứng xử” với các giá trị đó như thế nào. Khi đối mặt với các nguy cơ tác động: đô thị hóa ngày càng tăng, phát triển đô thị đòi hỏi biến động quy hoạch- xây dựng, quan hệ thị trường, hàng hóa, sở hữu, nhu cầu sử dụng.... tác động làm biến đổi, thậm chí phá bỏ kiến trúc cũ. Đó là chưa tính đến các lúng túng về quản lý đối với di tích- di sản khi không còn “bao cấp” của nhà nước (phải phát triển theo hướng xã hội hóa).

Kiến trúc Việt Nam (miền Bắc) những năm 1960- 1980 thế kỷ trước và dư âm tiếp nối, theo xu hướng Xã hội Chủ nghĩa (thường được gọi là kiến trúc Xã hội Chủ nghĩa) là kiến trúc thực sự “hiện thực, đầy tính nhân văn”. Kiến trúc đó đã phản ánh trung thành, thực chất, thực trạng xã hội, đặc biệt mong ước của con người trong bối cảnh bấy giờ.

Kiến trúc giai đoạn này thể hiện được đúng bản chất của nó. Trước hết là công năng sử dụng, cố gắng “hoàn hảo” tối đa về dây chuyền hoạt động theo nguyên lý hiện đại tiên tiến, nhưng trong tình thế bị hạn chế nhiều mặt (suất đầu tư, vật liệu, công nghệ thiết bị).

Bản thân kiến trúc sư- người sáng tác thiết kế cũng như xã hội nói chung đều mong ước về giá trị nghệ thuật ở kiến trúc. Và họ đã cố gắng “biến hóa” để tạo cho bộ mặt kiến trúc có thêm chút hấp dẫn, mặc dù rằng phương châm thiết kế lúc bấy giờ chỉ cho phép “đẹp trong điều kiện có thể”. Nhưng cũng vì thế mà kiến trúc có được sự giản dị mộc mạc chân thật, cho đến ngày nay nó vẫn mang giá trị nhất định của thời kỳ đó.

Phát triển kiến trúc thời kỳ ấy, chú trọng mục tiêu xây dựng cơ sở vật chất cho Chủ nghĩa Xã hội, mà cốt lõi là xây dựng công nghiệp. Đồng thời ưu việt của chế độ được biểu thị ở sự chăm lo về mặt dân sinh, trước hết là học hành và được chăm sóc y tế- văn hóa. Kiến trúc lĩnh vực này được hệ thống hóa xuyên suốt từ TW đến cơ sở địa phương.

Việc tạo lập môi trường sống mới cho dân cư đô thị theo mô hình “tiểu khu nhà ở” đồng bộ, dành cho cán bộ công nhân viên chức, tuy bước đầu còn khó khăn, nhưng định hướng cho tương lai về xu thế văn minh, tiện nghi, quan hệ con người

với con người gần gũi, tính cộng đồng, tập thể gắn bó, trách nhiệm, con người hòa đồng với thiên nhiên một cách hữu cơ.

Hoạt động kiến trúc thời gian ấy, khi nhà nước đầu tư và xây dựng cho xã hội chung, do tự chủ, người quản lý đầu tư đến người thiết kế- xây dựng đều chung một mục đích đó là làm sao cho kết quả công trình tốt nhất... đã tạo nên một môi trường quan hệ rất “thuận lợi và an lành”, KTS được coi trọng.

## **2. Ý nghĩa và lý do lựa chọn đề tài**

Hơn nửa thế kỷ qua kiến trúc Việt Nam phát triển trong những điều kiện khó khăn nên ít có những tác phẩm tiêu biểu cho thời đại. Chúng ta đã dành hơn một nửa chặng đường cho cuộc chiến đấu chống ngoại xâm. Và hậu quả là đất nước rơi vào sự nghèo đói, binh quân thu nhập đầu người vào loại thấp nhất thế giới. Trong những hoàn cảnh, điều kiện khó khăn như vậy thì những gì nền kiến trúc của chúng ta đang có hôm nay nên được xem là thành tựu ban đầu đáng khích lệ và cần được kế thừa, phát huy.

Lịch sử luôn luôn là một tiến trình liên tục có thể thăng trầm thay đổi. Lịch sử kiến trúc- xây dựng cũng thăng trầm theo vận mệnh đất nước. Thời kỳ 1945- 1986 Việt Nam trải qua muôn ngàn biến động nghiệt ngã với những quyết định và cuối cùng đã đạt được mục đích tối cao: độc lập toàn vẹn lãnh thổ.

Kiến trúc- xây dựng Việt Nam cũng rất chật vật, gian nan song cũng đã đánh dấu được những mốc son lịch sử và đạt được những thành tựu có tính chiến lược đáng ghi nhận. Một số công trình xây dựng trong thời kỳ này là do các nước XHCN, cũng như một số nước phương Tây hỗ trợ thiết kế xây dựng cùng với đội ngũ kiến trúc sư trong nước được đào tạo từ nhiều nguồn đã tạo được cho nền kiến trúc Việt Nam có đặc thù. Nhiều công trình đã thể hiện được tính ưu việt của CNXH, nó vượt qua khỏi giá trị về mặt vật chất, khẳng định giá trị tinh thần: là ước mơ và sự phấn đấu, là niềm kiêu hãnh của nhiều người. Tuy nhiên qua thời gian, với những đổi thay nhanh chóng về kinh tế, xã hội nhiều công trình kiến trúc thời kỳ này đã bộc lộ không ít những hạn chế. Mặt khác, với những tiến bộ về khoa học kỹ thuật thì nhiều công trình xây dựng thời kỳ này đã nhanh chóng lạc hậu dẫn đến phá dỡ tùy tiện để phục vụ cho nhu cầu dân sinh.

Con người phát triển hơn, điều kiện xã hội tốt hơn, văn minh hơn, tư duy trên xuất phát điểm khác hơn .... Khi nhìn nhận lại quá khứ thường hay hạ thấp giá trị của vật chất thời kỳ cũ. Mặt khác, với kiến trúc, giá trị sử dụng là một trong những giá trị thực dụng, giá trị này hầu như luôn chóng bị lạc hậu, không thích ứng kịp với đòi hỏi của cuộc sống, phải biến đổi, thậm chí thay thế.

Các công trình này đang đứng trước sự lựa chọn và cả thách thức: được cải tạo hoàn thiện hay là phá bỏ để xây dựng mới. Việc lựa chọn giải pháp nào thường chủ yếu dựa vào yếu tố quy mô, sự xuống cấp, chất lượng công trình..., còn giá trị phi vật

*thể, giá trị văn hóa, giá trị tinh thần của thời đại thì được xem xét một cách nghiêm túc.*

*Trước những thử thách ấy, nguy cơ không còn lưu giữ được những giá trị kiến trúc có ý nghĩa lịch sử xã hội là hiện thực đã và đang diễn ra. Vì vậy nhìn nhận “quỹ” kiến trúc đất nước các thời kỳ, trong đó có thời kỳ 1945- 1986 là rất cần thiết, không chỉ trung thực khách quan với những cố gắng của thế hệ trước mà còn “định hướng ứng xử” với những thành tựu ấy, nhằm bảo tồn hay phát huy nó trong cuộc sống đương đại. Giúp các địa phương xác định được những giá trị kiến trúc đã có và tìm cách ứng xử hay bảo tồn các công trình trong danh sách quỹ kiến trúc của địa phương mình.*

*Thực tiễn cho thấy, phát triển xã hội luôn có những mâu thuẫn khách quan và nội tại, giữa trước mắt và lâu dài, giữa các lợi ích, giữa các lĩnh vực, các mục tiêu... Các tác động của xã hội làm phai mờ, méo mó, thậm chí hủy hoại những giá trị của quá khứ, mà thời gian không bù đắp được. Đây cũng là trách nhiệm của xã hội, của thế hệ hôm nay.*

## **B. PHẦN NỘI DUNG**

### **TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC VIỆT NAM**

#### **GIAI ĐOẠN 1945 -1986**

### **CHƯƠNG I: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC Ở PHÍA BẮC**

#### **GIAI ĐOẠN 1945-1986**

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “*Trong 4 điều quan trọng cho dân sinh: Ở và đi là hai vấn đề cũng cần thiết như ăn và mặc. Vì vậy việc kiến trúc là một việc rất quan hệ*”.

*(Thư gửi Hội nghị Kiến trúc sư tại chiến khu Việt Bắc 4/1948)*

Sự quan tâm, định hướng vai trò kiến trúc- xây dựng của Bác Hồ và nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được thể hiện ngay sau khi Cách mạng tháng 8 thắng lợi, thể hiện rất rõ trong các sắc lệnh của Chính phủ lâm thời ban hành:

- Nghị Định 41 (28/8/1945) về thành lập Bộ Giao thông Công chính
- Sắc lệnh 78 (31/12/1945) thành lập Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết quốc gia của Chính phủ

Trong khoảng thời gian từ 1945-1986, sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế có nhiều biến động, theo đó kiến trúc- xây dựng Việt nam cũng phát triển khá rõ theo các giai đoạn sau:

- 1945- 1954 Cách mạng Tháng 8- kháng chiến lần thứ 1. Hòa bình lập lại tại miền Bắc
- 1954- 1975 Đất nước bị chia cắt- kháng chiến lần thứ 2. Thống nhất đất nước về một mối.

#### **1.1. Thủ đô Hà Nội**

##### ***1.1.1. Kiến trúc Hà Nội thời kỳ 1945-1954***

*Bối cảnh xã hội:*

Cách mạng Tháng 8/1945 thành công, lật đổ chế độ thực dân áp bức bóc lột (của Pháp- Nhật) giành độc lập dân tộc, đưa nước ta vào kỷ nguyên mới. Nó mang ý nghĩa vô cùng trọng đại: Là dân tộc thuộc địa đầu tiên ở Đông Nam Á đứng lên lật đổ ách thống trị Chủ nghĩa thực dân thành lập chế độ Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 2/9/1945 Chính phủ cách mạng lâm thời ra mắt quốc dân đồng bào, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn độc lập” tại Ba Đình, Hà Nội. Đầu năm 1946 Tổng tuyển cử, Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

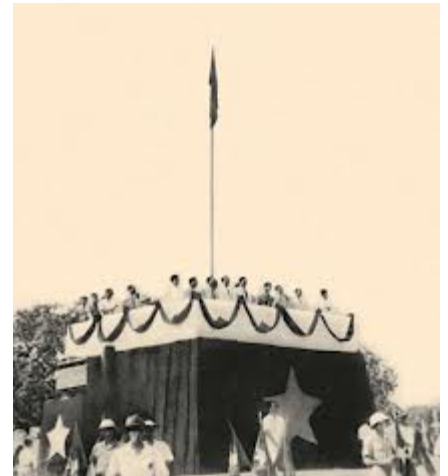
*Chủ trương xây dựng:*

Sau khi tiếp quản đất nước, nhà nước ta tiếp quản các thành phố, Chính phủ và các cơ quan nhà nước sử dụng kiến trúc có sẵn mà chế độ thực dân để lại, phần do chưa cần thiết xây mới, phần đang lo ứng phó nhằm bảo vệ chính quyền. Do vậy, thời gian này kiến trúc xây dựng mới hầu như chưa có.

*Công trình tiêu biểu:*

Để phục vụ cho lễ nghi nhà nước, được sự chỉ đạo các kiến trúc sư và thợ thuyền cùng nhau xây dựng công trình tuy nhỏ bé nhưng mang ý nghĩa lịch sử to lớn:

- Ngày 1/9/1945 Lễ đài ở Ba Đình Hà Nội, Hồ Chủ Tịch đọc “Tuyên ngôn độc lập” ra mắt Chính phủ cách mạng lâm thời- 2/9/1945”: KTS Ngô Huy Quỳnh (tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương)



*Lễ đài ở Ba Đình Hà Nội, ngày 2/9/1945.  
KTS Ngô Huy Quỳnh*

### **1.1.2. Giai đoạn 1954 – 1965**



*Quy hoạch chung  
thành phố Hà Nội  
1954 -1960*

#### **1.1.2.1. Giai đoạn 1954 – 1957**

*Bối cảnh xã hội:*

Sau chín năm trường kỳ kháng chiến thắng lợi, ngày 10/10/1954 Hà Nội hân hoan đón chào đoàn quân chiến thắng trở về. Cùng với bọn bè sửa sang,

dọn dẹp Thành phố, khắc phục những đổ nát, cả việc bắt tay dựng lại ngôi chùa Một Cột bị đánh mìn phá sập hôm 11 tháng 9.

*Chủ trương xây dựng:*

Là thời kỳ đất nước tạm thời bị chia cắt, chờ ngày tổng tuyên cử tự do theo hiệp định Giơ-ne-vơ. Nhiệm vụ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân lúc này là phải nhanh chóng phục hồi kinh tế, củng cố quốc phòng, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ trong cả nước.. Phải nhanh chóng biến Hà Nội từ bản doanh bộ máy xâm lược của giặc Pháp, một thành phố tiêu thụ, cơ sở sản xuất và dịch vụ quá nhỏ bé trở thành một trung tâm chính trị văn hoá có công nông nghiệp phát triển cân đối. Dựa vào sức mình, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em, phấn đấu xây dựng xứng với Thủ đô của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà, một tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa lúc bấy giờ.

Những ngày đầu có thể tạm thời sử dụng những công sở có sẵn, hoặc chuyển đổi một số biệt thự thành nơi làm việc. Nhưng phải có thêm nhiều chỗ ở cho cán bộ và gia đình trở về tiếp quản Thành phố, trong đó số cán bộ thuộc cơ quan và xí nghiệp của Trung ương tập hợp từ nhiều địa phương trên miền Bắc và từ miền Nam vừa tập kết là rất lớn, chưa kể đòi hỏi từ những tầng lớp nhân dân lao động khác.

*Công trình tiêu biểu:*

- Ngày 1/1/1955 Một lễ đài trang nghiêm bằng gỗ nhanh chóng được dựng lên trên quảng trường Ba Đình, Ở giữa là một khối lớn đặt trên ba công vòm. khán đài có mái che. Do độ dốc mái không lớn, hình thức kiến trúc khối khán đài chính chưa được nhẹ nhàng, hai khán đài phụ dành cho quan khách, nền bậc cấp. Ở vị trí Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh hiện nay. Phía đối diện, lùi về đường Hoàng Văn Thụ, đài ghi công anh hùng liệt sĩ, giản dị mà trọng thể là những hình ảnh kiến trúc đầu tiên của Thủ đô giải phóng. Lễ đài (và đài liệt sỹ) tại Ba Đình đón Chính Phủ và Hồ chủ tịch về Thủ Đô: KTS Nguyễn Văn Ninh - lúc đó lãnh đạo nha kiến trúc (1960 được xây lại kiên cố)



*Đài tổ quốc ghi công (1955)  
KTS Nguyễn Văn Ninh*



*Lễ đài Ba Đình (1955) KTS Nguyễn Văn Ninh*

- Các khu ở một tầng mái ngói như An Dương, Phúc Xá, Mai Hương, Đại La, được nhanh chóng xây dựng với những dãy nhà dài ngắn nhiều gian có khu phụ đặt phía sau.
- Tập thể Hàm Tử Quan, gần trung tâm hơn cả, là một khu nhà b hai tầng gồm những nhà ở tập thể, sân chung, nhà trẻ, trạm bơm... mọi người vẫn gọi là khu tập thể Bờ Sông ...(KTS Trần Hữu Tiềm). Khu nhà sử dụng một lượng gỗ khá lớn, thứ vật liệu dễ tìm thời đó. Mỗi nhà ở tập thể có chung khu phụ một tầng tách ra bởi khoảng sân. Cột, sàn, cầu thang, tường hồi đều bằng gỗ, mái lợp ngói, tường vách toóc-xi. Khu phụ, kể cả bể nước chậu rửa, bàn giặt đều xây bằng gạch. Tất cả các loại nhà ở kê trên đều gọi chung là khu tập thể, loại hình nhà ở đơn giản nhất, niên hạn sử dụng tạm thời của những năm sau giải phóng.
- Để mừng giải phóng Thủ Đô, kịp đón tiếp những đoàn nghệ thuật lớn từ các nước anh em đến thăm và biểu diễn, đón đoàn văn công TW từ Việt Bắc về, đoàn văn công Trung Quốc, Triều Tiên sang chào mừng chiến thắng. Đáp ứng được chỗ cho những sinh hoạt văn nghệ và gặp mặt quần chúng đông người, một Nhà hát Nhân Dân đã được xây dựng trên phần đất Khu Đấu xảo cũ. Nhà hát ngoài trời chứa gần 300 chỗ : KTS Nguyễn Cao Luyện - KTS Không Toán (chỉ đạo thi công) Một công trình kiến trúc bán kiên cố, giản dị mà thuận tiện, tàn xuất sử dụng cao, gắn bó với mọi tầng lớp người Hà Nội cho tới giữa thập kỷ 80 khi nơi đây được thay thế bởi Cung hữu nghị Việt - Xô.

Trong thành phố các phòng trưng bày triển lãm gần như thường xuyên mở cửa. Bờ Hồ và phố Tràng Tiền luôn là một địa chỉ đông người lui tới, đặc biệt là cán bộ và bà con miền Nam tập kết tìm gặp nhau trong những năm tháng xa quê hương với trung tâm là Câu lạc bộ Thống Nhất (toà nhà Khai trí Tiến Đức cũ) được sửa sang lại. Số rạp chiếu bóng vốn có không còn đủ dùng, phải tổ chức thêm các bãi chiếu ngoài trời như: Lương Yên, Khương Thượng, Cầu Giấy, Gia Lâm...mỗi nơi phục vụ nhiều nghìn người. Bệnh viện Việt Đức được khánh thành với sự giúp đỡ của nước Cộng hoà Dân chủ Đức trên cơ sở bệnh viện Phủ Doãn cũ. Đường sắt Hà Nội - Lào Cai được nối liền.

- Sau khai giảng Trường đại học Nhân Dân ngày 19/1/1955, năm 1957 năm trường đại học lớn: Tổng Hợp, Sư Phạm, Y Dược, Bách Khoa, Nông Lâm, được thành lập và khai giảng khoá đầu tiên. Những cơ sở giảng dạy, thư viện, thí nghiệm, thực hành và ăn ở cho sinh viên phải nhanh chóng xây dựng.
- Dù với quy cách tạm thời, nhưng một hội trường với sức chứa hơn năm ngàn chỗ như Hội trường lớn Đại học Bách Khoa Hà Nội (KTS Nguyễn Cao Luyện ) chỉ với gạch, gỗ hồng sắc, mái ngói không trần, sàn xi măng, cửa kính... Trang trí hầu như chẳng có gì nếu không kể đến các chùm đèn trên bốn thân cột lớn hắt ánh sáng bằng những chao đồng hình lá A- can. Các góc nhìn, âm thanh cũng như yêu cầu tối thiểu cho sân khấu được giải quyết khéo léo. Có lẽ trước đây, và cả sau này chúng ta khó gặp lại một công trình đầy thách thức về công năng, lại eo hẹp về kinh phí và nguyên vật liệu xây dựng đến vậy.

Trọng tâm của thời kỳ này là khôi phục lại hệ thống cầu đường, nhà cửa đô thị đã bị chiến tranh tàn phá hoặc tiêu thổ kháng chiến.

#### 1.1.2.2. Giai đoạn 1958 - 1965

*Giai đoạn cải tạo và phát triển kinh tế (1958 - 1960) và kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961 - 1965)*

*Bối cảnh xã hội:*

Kiến trúc Hà Nội cũng như cả miền Bắc vào lúc này được thực hiện theo phương châm: **“Thích dụng, bền vững, tiết kiệm và mỹ quan trong điều kiện có thể”**. Đồi mặt với khó khăn của một đất nước lạc hậu, vừa qua chiến tranh lâu dài, nguyên vật liệu trang thiết bị thiếu thốn, lực lượng xây dựng nhỏ lẻ. Lực lượng kiến trúc sư có được thật ít ỏi, đa phần không có cơ hội hành nghề qua một thời gian dài...nhờ sự phối hợp khéo léo, những cán bộ chuyên môn trở về từ vùng kháng chiến và những người từng ở lại nội thành đã nhanh chóng tạo nên một lực lượng thiết kế đầy tin cậy, hăng hái cống hiến, cho dù ngày đầu còn nhiều dè dặt, kê cả

chênh lệch tạm thời khá lớn trong đăi ngộ, theo chính sách về cán bộ lưu dụng có lý có tình của nhà nước.

Đây cũng là giai đoạn ý thức hệ của con người Hà Nội chuyển biến sâu sắc, trách nhiệm và nghĩa vụ với tập thể được đề cao, những quyền lợi và toan tính cá nhân dần trở nên giản đơn. Sự quan tâm tới những yêu cầu và cuộc sống của nhân dân lao động được coi trọng. Ranh giới cách biệt cũng như những tiện nghi và phúc lợi xã hội giữa người giàu và người nghèo, giữa cấp trên và cấp dưới giảm thiểu đáng kể. Sự giữ gìn những truyền thống cần kiệm liêm chính được quan tâm trong mọi cấp bậc của cán bộ Nhà nước.

Kiến trúc đã gắng bám sát những yêu cầu và khả năng của Thành phố, các đồ án thiết kế được cân nhắc nhiều đến tính thích dụng quan tâm các điều kiện thông thoáng, che nắng mùa hè, ấm áp mùa đông đủ sức chống chọi trước gió bão bất thường.

*Công trình tiêu biểu:*

***Kiến trúc nhà ở:***

Tiếp theo những khu ở một hai tầng theo lối kiến trúc và kết cấu tương đối đơn giản, vẫn sử dụng vật liệu gỗ là sự ra đời của một loạt khu ở:

- Khu tập thể Kim Liên (1960) lần đầu tiên nhà ở được bố trí theo hình thức tiểu khu, có nhóm nhà, có hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo, trường học với sân vận động, cửa hàng, bách hoá và cả hệ thống xử lý nước thải... Nhà ở cao 5 tầng, chủ yếu bố cục chạy dài và song song để khai thác hướng gió, nắng tốt. Khu A được xây dựng đầu tiên, lắp bằng tấm nhỏ với sự giúp đỡ của chuyên gia Triều Tiên. Mặt bằng bố trí những căn hộ hoàn chỉnh, mỗi căn hai phòng 18,2m<sup>2</sup> có bếp, xí tắm. Ngay sau đó được sử dụng làm nơi ở cho chuyên gia nước ngoài.
- Những năm sau, triển khai khu ở 5 tầng xây gạch Thọ Lão, tiếp theo Khu Quỳnh Lôi, cũng là một tiểu khu nhà ở, dành cho công nhân nhà máy dệt 8/3 cao 4 tầng thí điểm loại sàn chịu lực ở giữa đặt trên tường ngang (sàn cánh chim kiểu Triều Tiên) cho hai dãy nhà xây dựng đầu tiên.
- Khu ở Nguyễn Công Trứ được triển khai khá hoàn chỉnh trên khu đất 6 ha theo đường Nguyễn Công Trứ, vốn là một nghĩa trang ngoại kiều mới được giải toả, chỉ giữ lại duy nhất một kiến trúc kiên cố là nhà quản, mãi sau này mới dùng làm nơi sinh hoạt câu lạc bộ. Trong khu bố trí hai dãy nhà ở năm tầng, trong đó hai nhà làm nơi ở tập thể cho cán bộ độc thân. Các nhà ở gia đình được chia cỡ 20m<sup>2</sup>, 24,8m<sup>2</sup>, 25,2m<sup>2</sup> cho mỗi căn ở được khoảng 4.200 người( 4m<sup>2</sup>/người). Toàn khu có nhà mẫu giáo, nhà trẻ, có cửa hàng bách hoá với mặt chính theo đường Nguyễn Công Trứ, phần quay vào trong là nhà ăn và giải khát. Trong khu giữa các khối nhà có cây xanh, sân chơi, nơi thu rác

cùng với hạ tầng hoàn chỉnh. Chỉ riêng đường cấp nước chính phải đặt nổi vì an toàn vệ sinh.

- Khu nhà ở Văn Chương, xây dựng năm 1963 lại được bố cục bởi những nhóm nhà ở hai tầng mái ngói, mỗi nhà có khu phụ tập trung một bên vào phía giữa, tạo mặt bằng dạng “Chuôi vồ”. Kết hợp với những nhà xây gạch năm tầng, bố trí mềm dẻo theo tuyến đường bao bên ngoài, một số ở dưới có cửa hàng. Trong khu cũng có đủ trường học, nhà trẻ, mẫu giáo. Thời gian xây dựng kéo dài vì chiến tranh, những nhà mái ngói hai tầng được xây dựng đầu tiên nhanh chóng xuống cấp..

### ***Công trình công cộng.***

Nhiều công trình lần lượt được xây dựng, tiêu biểu như:

- Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc (KTS Nguyễn Ngọc Chân, KTS Trần Hữu Tiềm);
- Đại học Thương mại (KTS Tạ Mỹ Duật);
- Học viện Thủy lợi (KTS Đoàn Văn Minh)
- Tổng cục thống kê Trung ương ( nay là Bộ kế hoạch và đầu tư),
- Trụ sở Tổng cục Lâm nghiệp (KTS Đoàn Văn Minh);
- Cải tạo Bách hoá Tổng hợp (KTS Hoàng Như Tiếp);
- Trụ sở ban trị thủy Sông Hồng (nay là Bộ Xây dựng, KTS Nguyễn Ngọc Chân);
- Lễ đài Ba Đình , Nhà sàn Bác Hồ (KTS Nguyễn Văn Ninh);
- Cổng và cầu Công viên Thống Nhất phía đường Nam Bộ (KTS Nguyễn Ngọc Diệm);
- Bệnh viện mắt Trung ương (KTS. Đoàn Ngọ);
- Hội trường Ba Đình (KTS Trần Hữu Tiềm, Nguyễn Cao Luyện),
- Nhà hát Quân đội (KTS Hoàng Linh);
- Bệnh viện đa khoa Gia Lâm (KTS Nguyễn Ngọc Ngoạn).
- Trụ sở Bộ Công nghiệp nặng;
- Viện thí nghiệm Vật liệu xây dựng ở Nghĩa Đô (do Trung Quốc thiết kế).

Công trình kiến trúc ở giai đoạn này nói chung quy mô vừa phải, chủ yếu với phong cách tiền hiện đại, đa phần có mặt bằng đối xứng ngay ngắn. Mặt nhà với nhiều tìm tòi trong hình khối và tương quan tỷ lệ, khai thác những giải pháp và đường nét gần gũi với văn hoá dân tộc... song vẫn chưa thoát nhiều khỏi tư duy xây dựng gạch đá thấp tầng. Các ngôi nhà có khẩu độ hẹp, trang thiết bị thiếu thốn, cửa hầu hết là kính chớp bằng gỗ.

- Ngôi nhà của ban trị thủy Sông Hồng đưa vào sử dụng ( KTS Nguyễn Ngọc Chân, KS Phạm Đình Biều), giải pháp lắp sàn bằng panen hộp

lần đầu tiên sử dụng, được rút kinh nghiệm và nhanh chóng áp dụng khắp nơi ở miền Bắc. Sàn và mái đúc tại chỗ không còn sử dụng nữa (cho tới 1986). Giải pháp tường gạch với khung bê tông cốt thép chịu lực gần như phổ biến trong mọi công trình xây dựng.

- Trường đại học Bách Khoa Hà Nội xây dựng với viện trợ của Liên Xô (Năm 1961). Vẫn chủ yếu bằng bê tông cốt thép, nhưng lần đầu tiên Hà Nội có một công trình rõ nét của kiến trúc hiện đại. Mặt bằng ấn tượng bởi công năng, đường nét nhẹ nhàng, tận dụng khả năng làm việc của kết cấu; sử dụng các bộ phận che nắng theo những hình thức mới mà hiệu quả. Cả tổng thể được chọn màu tươi tắn trẻ trung. Ngay ở Liên Xô, vào đầu thập kỷ 60, phong cách này vẫn chưa phải đã xây dựng nhiều.

Một công trình viện trợ khác là:

- Viện khoa học Việt Nam xây dựng ở Nghĩa Đô. Quá trình xây dựng bị kéo dài vì chiến tranh, ban đầu chỉ thiết kế cho một số ngành nghiên cứu, sau này khi đáp ứng yêu cầu của đa ngành, tổng thể đã bị phá vỡ.

### ***Kiến trúc công nghiệp.***

Ngay sau giải phóng Thủ đô, Hà Nội bắt tay đẩy mạnh sản xuất, phát triển nông nghiệp làm khâu chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực... và giải quyết phần lớn người tiêu dùng... Bao gồm 134 cơ sở Công nghiệp (79 của Trung Ương và 55 của địa phương):

- Nhà máy Diêm,
- Nhà máy gỗ dán Cầu Đuống,
- Nhà máy điện Yên Phụ;
- Nhà máy xay Lương Yên, Cơ khí trung quy mô,
- Nhà máy cao su, Nhà máy xà phòng, nhà máy thuốc lá;
- Văn phòng phẩm Hồng Hà;
- Dệt Kim Đông Xuân;
- Xí nghiệp dược phẩm II;
- Cao su tái sinh...

Vào kế hoạch năm năm (1961-1965) xây dựng tiếp:

- Nhà máy Bông đèn phích nước Rạng Đông,
- Dệt 8 tháng 3 ,
- Nhà máy Đông lạnh Cầu Diễn,
- Đại tu ô tô Cự Chính,
- Điện cơ Thống nhất,
- Bê tông Chèm;
- Nhà máy in Tiến Bộ;

- Phân lân Văn Điển,
- Nhà máy Pin,.....

Phần lớn được sự giúp đỡ của các nước Xã hội chủ nghĩa. Hàng loạt xí nghiệp tư nhân được chuyển sang hợp doanh và hoạt động hiệu quả như Điện Thông, Thủy tinh Thanh Đức, Dệt Cự Doanh... Thành phố đã hình thành những khu công nghiệp tập trung: Thượng Đình, Minh Khai, Văn Điển, Chèm, Cầu Đuống, Yên Viên, Đông Anh. Bên cạnh còn những cơ sở sản xuất ở phạm vi nội thành như nhà máy in Tiên Bô, viện trợ của Cộng hòa Dân chủ Đức trên đường Nguyễn Thái Học, Dệt kim Đông Xuân gần phố Nguyễn Công Trứ, Dược phẩm 2 cạnh vườn hoa Pát-xơ.

### ***Quy hoạch đô thị và một số công trình đô thị.***

Đáng ghi nhận của thời kỳ này là sự giúp đỡ của đoàn chuyên gia Liên Xô, từ Thành phố Mát-xcơ-va do Kiến trúc sư Dem-mét-cốp-sky dẫn đầu. Họ không những giúp ta phác thảo quy hoạch Thành phố Hà Nội mà còn mở lớp học tại Bộ Kiến trúc để đào tạo cán bộ quy hoạch đô thị, lần đầu tiên, cung cấp những kiến thức tương đối hệ thống, cho cán bộ Việt Nam. Phác thảo quy hoạch Hà Nội của đoàn chuyên gia cùng với phác thảo trước đó của KTS Ngô Huy Quỳnh và tập thể Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, là cơ sở để những khu nhà ở, khu công nghiệp, kho tàng, bến cảng theo đó hình thành.

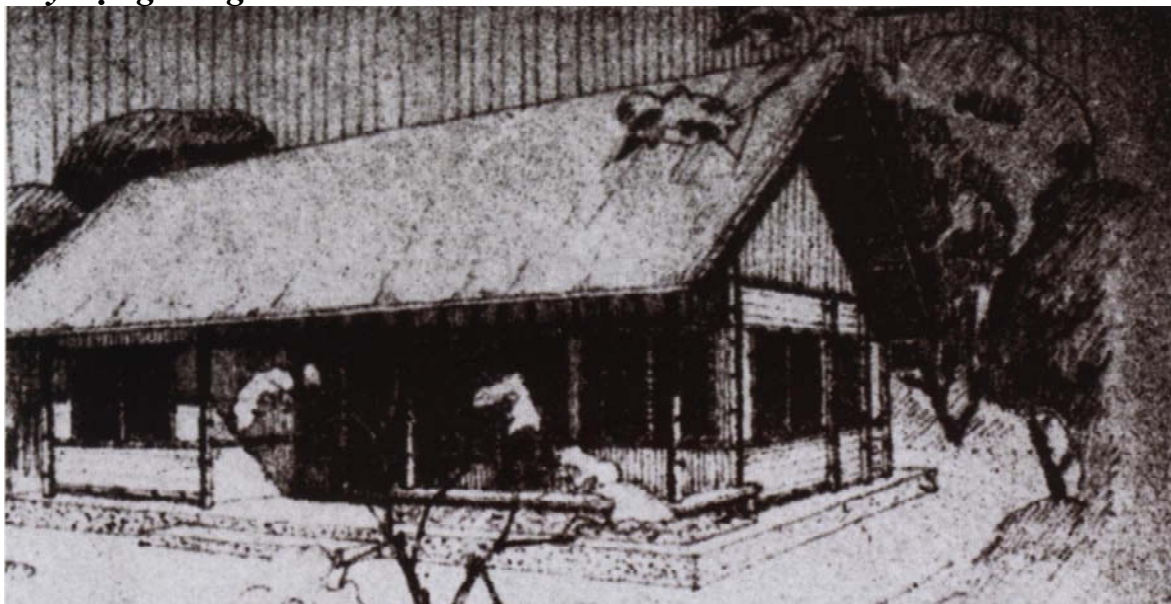
Để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, một vườn Bách Thảo cũ đã trở nên quá nhỏ bé. Thành phố bắt tay xây dựng các khu vui chơi mới:

- Công viên Thống Nhất (KTS. Đàm Trung Phùng),
- Công viên Thủ Lệ (KTS Lê Văn Lân, KS Trần Quý Khâm). Thế hệ người Hà Nội những năm 60 đã bỏ nhiều công sức lao động thủ công xây dựng nên hình hài đầu tiên của những cơ sở vui chơi giải trí ấy.
- Giới học sinh, sinh viên thì chung sức thay đổi một đường Cổ Ngư nhỏ bé thành con đường Thanh Niên như ngày nay.

Trong tình hình Hà Nội chưa đủ điều kiện để xây dựng một trung tâm Thủ đô mới. Trước yêu cầu của Nhà nước và Quốc hội, năm 1961, quy hoạch chi tiết khu Quảng trường Ba Đình được triển khai thực hiện. Giai đoạn đầu là tổ chức trục Bắc Sơn và đường phía Đông quảng trường, xây dựng Hội trường Ba Đình và quần thể trụ sở cho 6 Bộ làm việc (KTS Ngô Huy Quỳnh, KTS Lê Văn Lân). Các công trình được tập trung thiết kế khá gấp. Hội trường Ba Đình do các KTS Trần Hữu Tiềm, Nguyễn Cao Luyện, Tạ Mỹ Duật phụ trách, trụ sở của 6 bộ do KTS Nguyễn Ngọc Chân và các cộng sự thực hiện. Tất cả đều đã khởi công xây dựng, nhưng sau đó các trụ sở được quyết định dừng lại, chỉ tập trung cho nhà Hội trường. Ngôi nhà kiến trúc giản dị mà trang nghiêm, nơi ghi dấu những cuộc họp quan trọng, chứng kiến những thời khắc đáng nhớ của dân tộc và Chủ tịch Hồ Chí

Minh, gắn bó với người Hà Nội và cả nước cho đến năm 2008, nơi đây phải chuẩn bị để xây dựng công trình Nhà Quốc hội mới. Ý tưởng về nơi yên nghỉ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mặc dầu đã được cân nhắc và phác thảo, nhưng cũng như mọi bản vẽ quy hoạch thời đó, người thiết kế hết sức e ngại, không nỡ nhắc đến một điều quá hệ trọng, quá kiêng kỵ.... Mãi đến sau ngày Bác đi xa (ngày 2 tháng 9 năm 1969), Trung ương Đảng và Nhà nước mới công bố quyết định xây dựng nơi giữ gìn thi hài của Người ở vị trí hiện nay.

### *Xây dựng nông thôn*



Nông thôn Hà Nội cho tới ngày giải phóng, nói chung không gian làng xã và văn hoá truyền thống vẫn được duy trì gần như từ đầu thế kỷ. Thực dân Pháp từng dựa vào cơ cấu hành chính này như một công cụ để bình định và cai trị trong một thời gian dài.

Đổi thay to lớn nhất bắt đầu từ cải cách ruộng đất, thực hiện người cày có ruộng. Tiếp theo là thực hiện khôi phục cải tạo và phát triển kinh tế (1955 -1959) và Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965). Địa giới Hà Nội từ 1.200ha tăng lên 2.000 ha. Ở ngoại thành bốn huyện Gia Lâm, Đông Anh, Thanh Trì, Từ Liêm cũng mở rộng với diện tích 58.600ha. Quy hoạch nông thôn ngoại thành lúc này chủ yếu là cải tạo xã - hợp tác xã, với nội dung cải tạo làng xóm, đường sá, vệ sinh môi trường, đưa điện về các xóm, di chuyển những xóm nhỏ ngoài đê vào phía trong. Cải tạo trục đường, mương thủy lợi, ao hồ, phân bố quy hoạch đồng ruộng, xây dựng trung tâm xã: Trụ sở Ủy ban nhân dân, nhà trẻ, trường học, trạm xá, hợp tác xã mua bán. Một số xã đã được lập quy hoạch mẫu như Trung Mậu, Kiều Kỵ, Đa Tốn, Phù Đổng ở huyện Gia Lâm, Thượng Cát ở huyện Từ Liêm, Yên Sở ở huyện Thanh Trì... Lối sống khép kín của cộng đồng làng xã xưa đã dần chuyển đổi theo hướng tập thể xã hội chủ nghĩa, qua thực hiện tổ đổi công rồi xây dựng hợp tác xã cấp thấp tiến lên hợp tác xã cấp cao. Đây cũng là thời kỳ các công trình

công cộng được đầu tư xây dựng, tuy với hình thức và tiện nghi khiêm tốn. Những ngôi nhà ở mới vẫn khá giản dị nhưng đã có đuôi mái cao hơn, thêm những cửa sổ lấy sáng và cách ly tốt hơn với nơi chăn nuôi và vệ sinh. Những nhà ở để lại từ những thế hệ trước, được giữ gìn trân trọng.



*Trạm bơm tiêu úng nội thành*

### **1.1.3. Giai đoạn 1965 – 1975**

#### **1.1.3.1. Giai đoạn chiến tranh đánh phá miền Bắc của Mỹ (1965 -1972)**

##### *Bối cảnh xã hội:*

Cuộc đấu tranh thống nhất đất nước của đồng bào ta ở miền Nam sau hiệp định Giơ - ne - vơ, nhất là sau thời hạn tổng tuyển cử tự do ngày một mạnh mẽ và ác liệt. Để hạn chế chi viện của ta, đế quốc Mỹ bắt đầu thực hiện cuộc chiến tranh ra miền Bắc, mở đầu bằng “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” ngày 5/8/1964. Bằng không quân, cuộc “chiến tranh leo thang” nhanh chóng chuyển sang “chiến tranh phá hoại”, với dã tâm “đưa miền Bắc trở lại thời kỳ đồ đá”. Ở Hà Nội, các cơ sở sản xuất, trường học, bệnh viện, cơ quan và cả nhân dân, ai không vì nhiệm vụ chiến đấu, duy trì sản xuất và dịch vụ cần thiết đều sơ tán về các vùng nông thôn. Hàm hào tránh máy bay được xây dựng khắp nơi, vỉa hè đầy những hố cá nhân. Nhiều đoạn phố được ngăn lại để xây dựng thành nơi trú ẩn. Các hầm chỉ huy, hầm phòng tránh cho lãnh đạo Nhà nước, các bộ ngành và Thành phố nhanh chóng phải có để sử dụng.

##### *Công trình tiêu biểu:*

- Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam (1968) HS Nguyễn Đỗ Cung. Trên phố Nguyễn Thái Học, ngôi nhà số 66 vẫn khảm trang cải tạo xây dựng cho Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Ngôi nhà, vốn là một tu viện kiến trúc kiểu Pháp, nay được cải tạo lại. Tác giả, họa sỹ Nguyễn Đỗ Cung đã khéo tạo thêm những đuôi mái cong, những phần bệ nhà mang cột tròn ẩn vào tường nhiều họa tiết dân gian gần gũi, tiếc là những hàng con-son đỡ sê nô vẫn lại kiểu Trung Hoa...

- Trường Nguyễn Trãi (Viện thiết kế Quy hoạch Hà Nội thiết kế) trên phố Giang Văn Minh ,
- Đài tiếng nói Việt Nam trên phố Quán Sứ vẫn làm thêm phần nhà nói, xây và hoàn thiện phòng thu âm.
- Trong Công viên thống nhất, quán giải khát vẫn xây dựng, (KTS Nguyễn Ngọc Ngoạn)...

Nhiều nơi khác trong Thành phố, cũng hồi hã ấy, một kiểu hồi hã lặng yên.... Đô thị ít người qua lại, phần lớn nhà ở, cửa hàng, công sở, đã đóng cửa, pa nô biểu ngữ chủ yếu là chào mừng những trận đánh thắng, chỉ những dịp lễ hội, đón khách quốc tế, có thêm sắc thắm cờ hoa và những dãy phố sơn lại màu vui mới.

Nếu như ở nội thành, các hoạt động xây dựng là hạn chế thì ở nông thôn ngoại thành lại thực sự khẩn trương với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh công cuộc hợp tác hoá. Trường học, trạm y tế, trạm điện, chuồng trại, đường nông thôn thực hiện khá tốt và bài bản. Đây cũng là lúc ngành thiết kế có điều kiện đúc rút kinh nghiệm, đánh giá và nhận xét về các thể loại công trình, lập các thiết kế mẫu và thiết kế điển hình, gấp rút đào tạo lực lượng, kể cả gửi cán bộ ra nước ngoài học tập, nghiên cứu. Gắng kết hợp nhà trường với thực tiễn, những cán bộ giảng dạy của Trường đại học Xây dựng đã cùng với Hà Nội bắt tay nghiên cứu lắp ghép nhà ở bằng tấm lớn đúc tại chỗ. Mẫu nhà của tiến sĩ Phạm Sỹ Liêm, và giáo sư Trương Tùng bắt đầu được thực nghiệm tại Tương Mai trong sự cổ vũ của nhân dân và các cấp lãnh đạo.

Trong khó khăn một số công trình thể thao vẫn được xây dựng như:

- Bể bơi Thiếu nhi Tăng Bạt Hổ (KTS Nguyễn Ngọc Ngoạn) xây dựng năm 1970. Công trình có mặt bằng mềm mại với phần tập và phần bể vầy trang nhã, cùng với sân chơi, nhà thay đồ và quản lý xinh xắn, xây gạch mái ngói, luôn thu hút đông đảo các cháu. Rất tiếc công trình nhanh chóng xuống cấp và hư hỏng.

Về kiến trúc trụ sở làm việc, dấu ấn đáng kể nhất của thời kỳ khó khăn này là:

- Trụ sở liên Cơ quan Vân Hồ, một tổng thể bề thế, nơi làm việc của một số cơ quan Thành phố Hà Nội. Đã đưa vào sử dụng phần nhà làm việc phía ngoài thuộc giai đoạn I vào năm 1971, (KTS Nguyễn Ngọc Ngoạn, KTS Tạ Mỹ Duật). Khối công trình khá hoàn chỉnh và mạch lạc, tác giả đã sử dụng một loại gạch thông thường thời đó( gạch vẩy cá) để che nắng, vừa là trang trí mặt nhà và phần lô-gia, hiệu quả khá ấn tượng. Điều không may mắn nhất lại chính ở giải pháp che nắng này. Những viên gạch “vẩy cá” sản xuất thủ công như chỉ thích hợp với những công trình nhỏ và niên hạn sử dụng ngắn. Chỉ hơn mười năm sau, chúng đã long lở mà không sẵn nguồn thay thế. Việc sửa chữa sẽ giản đơn nếu toàn ngôi nhà có chung một chủ, ở đây từng phần lại được quản lý và

sửa chữa khác nhau kê cả coi nói theo cách của từng cơ quan sử dụng. Sau năm 2000, người ta đã vội vã chuẩn bị để xây một khu nhà văn phòng mới, phá dỡ dần nhà cũ, dù những phần chủ yếu vẫn trong tình trạng rất tốt.

Suốt thời gian này đại bộ phận sản xuất công nghiệp của Thành phố được sơ tán. Những cơ sở ở lại đều được tổ chức phòng tránh tốt, đồng thời cũng là những điểm hỏa lực quan trọng đánh trả máy bay giặc của lực lượng tự vệ xí nghiệp. Nhiều đường phố rợp bóng cây của Hà Nội đã nhanh chóng biến thành những cơ sở sửa chữa ô tô, hoặc chế tạo các loại bồn chứa nhiên liệu, ngày đêm hồi hả lửa hàn, chỉ tạm ngưng khi máy bay đến gần.

### 1.1.3.2. Chấm dứt đánh phá Hà Nội , dấu ấn những công trình mới (1973 - 1975)

#### *Bối cảnh xã hội:*

Kiến trúc Hà Nội lại tiếp với dấu ấn của những công trình mới. Có dự án vốn được thiết kế từ nơi sơ tán, thứ thì vừa làm gấp từ ngày trở về, một số khác được nước ngoài thiết kế và hỗ trợ xây dựng. Chỉ trong vòng 3 năm, tất cả các loại hình kiến trúc đều đồng loạt triển khai, nhiều công trình được tiếp tục thi công sau ngày hoà bình thống nhất.

#### *Công trình tiêu biểu:*

#### **Kiến trúc các công trình công cộng**

- **Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.** Là công trình mang ý nghĩa thiêng liêng và đặc biệt của đất nước, gửi gắm lòng thành kính và tiếc thương vô hạn của nhân dân ta và bạn bè quốc tế với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Được chuẩn bị từ sau ngày Bác đi xa, ngày 2/9/1969, tập hợp những tình cảm, mong muốn và khả năng cao nhất của cả nước. Với sự tham gia của đông đảo kiến trúc sư, kỹ sư, văn nghệ sỹ, trí thức và Việt kiều, một phác thảo phương án đã được lựa chọn. Sau đó nhà nước Liên Xô cử đoàn chuyên gia (đứng đầu là KTS B. Mê-den-xép) tiếp theo là KTS Ga-rôl I-xa-cô-vích nghiên cứu hoàn thiện, triển khai thiết kế và giúp đỡ xây dựng. Với vị trí chủ đạo trên quảng trường Ba Đình, Lăng có chiều cao 21,6mét, phần trung tâm là phòng thi hài, có tầm cao ngang với ngực của Đoàn chủ tịch đứng trên lễ đài chính phía ngoài. Hai bên Lăng bố trí lễ đài cho đại biểu nhân dân và quan khách. Sau hai năm xây dựng, ngày 29/8/1975, tổng thể Lăng được đưa vào sử dụng cùng với quảng trường và đại lộ diễu hành Hùng Vương phía trước và nhiều hạng mục quan trọng khác. Cùng với khu di tích, nơi ở làm việc và nơi Bác Hồ từ biệt ra đi... không xa khu Lăng... Tất cả đã trở thành một tổng thể thiêng liêng, năm tháng cùng với dòng người kính cẩn về đây không dứt.

### ***Công trình văn hoá thể thao***

- Nhà Văn hoá thiếu nhi Hà Nội: Khởi công 10/1/1974, hoàn thành 19/2/1977, KTS Lê Văn Lân. Trên khuôn viên khu ấu trĩ viên cũ, công trình được gắn kết hài hoà những khối kiến trúc mới với một ngôi nhà có từ thời Pháp, nơi Hồ Chủ tịch ký Hiệp định sơ bộ 8/3. Giải pháp mới mẻ, hiện đại, dành được sự thông thoáng ở phía dưới. Khối Cầu lạc bộ với các không gian sinh hoạt, bố cục sinh động. Phần cao tầng là nơi được lắp đặt thang máy đầu tiên ở Hà Nội. Phòng khán giả 520 chỗ ngồi, với điều kiện biểu diễn, âm thanh và tầm nhìn hoàn hảo. Khối truyền thống, phương pháp câu lạc bộ, hành chính. thuận tiện, được đoàn thanh niên Tiệp Khắc giúp đỡ một số trang thiết bị. Nhiều thể hệ tài năng đã trưởng thành nơi đây. Công trình từng được giới thiệu trên bưu ảnh về Hà Nội cũng như tem bưu chính những năm sau đó. Nay mang tên Cung Thiếu nhi Hà Nội.
- Cung Văn hoá Lao động Thủ đô, trên đường phố Trần Hưng Đạo, ở khu đấu xảo cũ, nơi lần đầu tiên tổ chức mítting chào mừng ngày 1 tháng 5 trước mũi súng của thực dân Pháp, đã bị máy bay phá hỏng trong chiến tranh thế giới thứ 2. Sau giải phóng xây dựng nhà hát Nhân Dân. Đây là món quà của công đoàn Liên Xô tặng những người lao động Hà Nội. Quy mô khối nhà chính được lấy theo thiết kế mẫu của Cung văn hoá công nhân ở Thủ đô Tbi-li-xi nước Cộng hoà Gru-dia. Kiến trúc sư G. I-xa-cô-vích nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện và làm thêm hàng cột bao quanh, đỡ một bờ mái vát cong vượn kín thân nhà, đồng thời thiết kế mới ngôi nhà câu lạc bộ kỹ thuật ở phía sau. Khởi công năm 1974, hoàn thành ngày 1/9/1985.
- Bể bơi câu lạc bộ quốc tế KTS Nguyễn Trục Luyện. Là thành phần của Câu lạc bộ Quốc tế trên đường Hùng Vương, gồm nhà đón tiếp, giải khát và bể bơi. Kiến trúc hài hoà, khúc triết. Toàn khu sau này phải nhường chỗ cho xây dựng Trung tâm Hội nghị Quốc tế.

### ***Công trình khách sạn trụ sở bệnh viện và trường học.***

- Khách sạn *Thắng Lợi*: quà tặng của Chính Phủ Cuba: KTS Cuba Quintana, KTS Việt Nam Trần Đức Duyệt, Nguyễn Huỳnh. Khởi công năm 1974, hoàn thành năm 1976, quy mô 342 giường. Là quà tặng của nhân dân Cu Ba, được gấp rút xây dựng chủ yếu với lao động trực tiếp của công nhân bạn. Phần lớn cấu kiện đúc sẵn, vật liệu thiết bị được chở tới Việt Nam bằng đường biển. Một kiến trúc xinh xắn, hiện đại, mang phong cách nhiệt đới, đầu tiên khoe mình bên Hồ Tây thơ mộng. Không ở chiều cao, mà bằng sự chuyển tiếp không gian sinh động, bằng những đường nét sang trọng và khai thác tối đa lợi thế cảnh quan, công trình đã tạo được ấn tượng kiến trúc mạnh. Nước bạn Cu Ba đã không tiếc

tôn kém, tôn thất phương tiện chuyên chở, nhận những khó khăn bất lợi về mình để công trình thực sự hoàn hảo. Tiếc vì cấp cho bạn cao trình nước hồ không đúng, dẫn đến những móng cột phải nhô lên mặt nước. Gần đây qua những lần sửa chữa, công trình đã dần pha tạp, không còn tinh khiết về ý tưởng như ban đầu, dễ thấy ở những vật liệu thay thế, những gờ chỉ mới bổ sung đây đó, nhất là ở những phòng ăn lớn. Sự trở lại của thẩm mỹ phú nông Việt Nam mấy chục năm trước.

- *Bưu điện thành phố Hà Nội*: KTS Nguyễn Kim. Là công trình đầu tiên xây dựng ở phần trung tâm thành phố. Đồ án sử dụng phần móng nhà đã có từ trước 1945. Kết hợp với cơ sở điện thoại tự động do Công hoà dân chủ Đức giúp đầu những năm 60. Toà nhà 4 tầng với tháp đồng hồ ở giữa, là công trình đầu tiên ở Hà Nội có vòm bê tông ở sảnh 15,3m x 15,3m. Nếu không vì chiều cao và sự dàn trải ở mặt đứng, công trình đã có thể gần gũi hơn với không gian Hồ Gươm.
- *Nhà khách chính phủ*: KTS Diêu Công Tuấn. Xây dựng phía sau khuôn viên nhà khách Chính Phủ (Bắc Bộ phủ cũ) mặt bên theo phố Lê Thạch. Công trình 4 tầng, có cố gắng khai thác gôm truyền thống vào trang trí. Hoàn thành năm 1975.
- *Bệnh viện nhi Ólóp Panmơ*: Viện trợ của Chính phủ Thụy Điển. Quy mô 500 giường, khu đất 30ha với 21 hạng mục công trình. Khối nội trú cao 8 tầng.
- *Bệnh viện đông y Hà Nội- Nguyễn Châu Loan*

Công trình sử dụng nhiều cấu kiện lắp ghép kết hợp với đúc tại chỗ, bộc lộ tính chân thật của kết cấu, chắc khoẻ, vẻ thô mộc, nhưng bên trong là sự hiện đại của thiết bị và hoàn hảo của vật liệu. Cùng thời gian xây dựng với Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, một khối lượng lớn đất lấy từ công trường Lăng được chuyển thẳng về đây sử dụng cho phần hạ tầng. Nay gọi là Bệnh viện Nhi Trung ương.

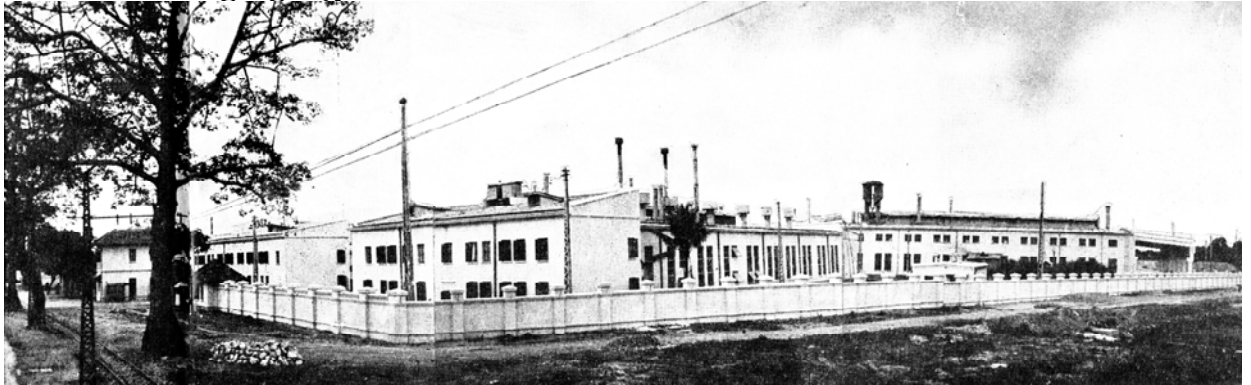
### ***Kiến trúc nhà ở.***

- *Nhà lắp ghép ở khu Trương Định (1971)*. Lần đầu tiên Hà Nội phát triển các kiểu nhà lắp ghép đơn giản. Mẫu nhà ở 2 tầng lắp ghép tấm lớn độn vật liệu xi, thí điểm từ 1971 - 1972 đã được xây hoàn chỉnh thành khu ở tại Trương Định và Yên Lãng. Các căn hộ 2 phòng 13m<sup>2</sup> ở tầng 1 và tầng 2 nối nhau bằng 1 thang dốc, gắn với khu bếp và vệ sinh một tầng ở sân sau. Giải pháp này có ý nghĩa về thí điểm lắp ghép hơn là giải quyết nơi ở đô thị, vì sự hạn hẹp của tiện nghi, tôn nhiều quỹ đất cũng như nghèo nàn về hình thức.

Các mẫu tấm lớn 5 tầng có nhiều ưu điểm hơn. Được thành phố triển khai hàng loạt tại Trung Tự, Khương Thượng, Giảng Võ, Vĩnh Hồ,... cùng với lẻ tẻ những mẫu nhà khung, nhà xây gạch. Công trình có kiến trúc tốt hơn cả là:

- Nhà ở khu ngoại giao đoàn Vạn Phúc (1967) các KTS Nguyễn Trục Luyện, Nguyễn Kim, Nguyễn Văn Oanh.

***Kiến trúc Công nghiệp:***



- Nhà máy cơ khí Trung quy mô được mở rộng với tên gọi Nhà máy chế tạo công cụ.
- Khu công nghiệp Thượng Đình.
- Các nhà máy mới như Sửa chữa ô tô Hoà Bình,
- Xí nghiệp may X40,
- Giày vải Thượng Đình;
- Dệt len Mùa đông;
- Cơ khí Điện ảnh,
- Cơ khí Chính xác,
- Xí nghiệp khăn mặt khăn tay, mở rộng Dệt 8 tháng 3.
- Dệt 10 tháng 10 trong nội thành Hà Nội;
- Mỳ Chùa Bộc,
- Mỳ Nghĩa Đô,
- Kẹo bánh Hải Châu;
- Xí nghiệp nước chấm,

Nhiều xí nghiệp công nghiệp nhanh chóng được xây dựng tăng công suất bia, rượu, thuốc lá. Cung cấp những mặt hàng thiết thực cho thành phố và chi viện hiệu quả cho chiến trường.

***Xây dựng nông thôn.***

Là thời kỳ của chiến tranh phá hoại, nông thôn ngoại thành đã đón nhận nhiều cơ quan, xí nghiệp và nhân dân từ Thành phố sơ tán. Nhà nhà dành những gian tốt nhất cho khách ở và làm việc, những lớp học trường làng phải tăng thêm chỗ ngồi cho các cháu từ nội thành chuyển tới. Nông thôn đông vui và đầm ấm tình người. Lác đác một số nhà ăn, nhà trẻ được dựng thêm bằng tre lợp rạ tạm thời. Trong khó khăn, điện vẫn được kéo về theo từng ngõ xóm. Trên đồng, phần lớn bờ thửa đã không còn. Máy cày đang dần thay một phần sức kéo trâu bò và thể chân sức trẻ,

phần lớn đã ra tiền tuyến. Nối tiếp những đổi thay từ thời kỳ 1955 - 1965, nhưng là giai đoạn phát triển cao hơn, tất cả cho sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Gần 10 năm kiến trúc Hà Nội phát triển trong điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh. Vừa phục vụ kịp thời cho sản xuất chiến đấu, vừa tạo lập cuộc sống nơi sơ tán. Tranh thủ đúc rút kinh nghiệm, đào tạo và chuẩn bị mọi mặt cho ngày thắng lợi. Đây là thời gian, có thêm những thế hệ kiến trúc sư mới được tốt nghiệp từ trong nước và nước ngoài. Một số đã qua công tác được tu nghiệp tại các nước Đông Âu, trở về sau các năm 1971, 1972. Lực lượng thiết kế lớn mạnh đáng kể. Hội Kiến trúc sư Việt Nam được cổ vũ và ủng hộ hết lòng của Hội Liên hiệp Kiến trúc sư Quốc tế (UIA) vì sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa và những khó khăn của hoạt động nghề nghiệp, nhiều năm được miễn niên liễm. Tuy không thuận lợi nhưng kiến trúc sư trong nước vẫn có điều kiện nắm bắt những tiến bộ và xu hướng phát triển của kiến trúc. Sang thập kỷ 70 kiến trúc Hà Nội đã có sự chuyển biến rõ nét theo chiều sâu, còn dần được chuyên môn hoá theo thể loại, phù hợp với dây chuyền công nghệ hiện đại và tư duy thẩm mỹ mới. Những thiết kế được chuẩn bị chờ ngày hoà bình, đã chứng tỏ sự chắc tay và trưởng thành của kiến trúc sư trong giai đoạn khó khăn này.

#### ***1.1.4. Kiến trúc Hà Nội giai đoạn 1975 – 1986***



*Quy hoạch chung thành phố Hà Nội 1976-1981*

*Bối cảnh xã hội:*

*Miền Nam hoàn toàn giải phóng*

Chiến thắng ngày 30-4-1975 đã kết thúc những năm tháng gian khó và kiên cường nhất của dân tộc, giang sơn thu về một mối. Kiến trúc lại sang một trang mới, thời kỳ cả nước cùng phát triển trong hoà bình. Trong niềm hân hoan lớn, đội ngũ kiến trúc sư bắt tay vào thiết kế lại đất nước mười lần đàng hoàng to đẹp hơn.

*Công trình tiêu biểu:*

***Kiến trúc nhà ở và các công trình dịch vụ trong khu ở***

Vượt qua khó khăn, Hà Nội vẫn tập trung cho xây dựng nhà ở. Cùng với kinh nghiệm thiết kế của mấy chục năm trước, nhu cầu ở của người dân đang đòi hỏi một chất lượng cao hơn. Lối ở mang tính công xã trước đây được thay thế dần bằng những căn hộ độc lập khép kín, thiết kế khá đa dạng.

Kiến trúc nhà ở phản ánh rất sát với điều kiện kinh tế xã hội mỗi thời kỳ. Khả năng nhà nước thì có hạn lại phải công bằng. Mẫu nhà ở phải bám sát các tiêu chuẩn cho phép. (Tiêu chuẩn thiết kế ban hành năm 1969 vẫn còn quy định 2 hộ chung nhau một khu phụ!). Nhà ở còn phải bố trí sao cho xây xong thì dễ phân phối, trước mắt và lâu dài đều phù hợp! Vật liệu xây dựng phải tiết kiệm. Từ những năm 60, Hà Nội đã sử dụng cửa đi và cửa sổ không khuôn, chỉ với bàn lề gông chôn chặt vào tường, các định mức sắt thép cho từng loại công trình cũng được hướng dẫn. Quá trình phấn đấu để diện tích ở cho mỗi người từ 4 lên 6m<sup>2</sup> là căn cơ lâu dài, đi cùng với tăng lên của diện tích phụ, rồi chuyển đổi từ dùng chung, ngăn chia đến khép kín.

Ngày vừa giải phóng, Hà Nội chỉ có 152 Km<sup>2</sup> với 53 vạn dân, ba mươi năm sau đã tăng lên 2.130 km<sup>2</sup> với 2 triệu 67 vạn dân( riêng nội thành 4.000 ha với 83 vạn dân, quỹ nhà ở từ 2,27 triệu m<sup>2</sup> lên 6,95 triệu m<sup>2</sup>, diện tích ở tăng từ 1,5 đến 3,45 triệu m<sup>2</sup>, dù chiến tranh đã phá đi hàng vạn mét vuông. Năm 1983 Hà Nội mới đạt khoảng 3,5 m<sup>2</sup> đầu người, nhiều hộ chỉ 1,5m<sup>2</sup>. Số người trong mỗi hộ lúc này cũng đã giảm đi đáng kể, qua nhiều năm thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Ban công, lô gia, những thứ ai cũng muốn, nhưng phải theo thời gian mới được khá dần.

Việc đun nấu trong gia đình, sang thập kỷ 60 đã nhanh chóng chuyển từ than củi sang dầu hoả, phải tới thập kỷ 90 đun gas mới thực sự phổ biến, theo đó các tiện nghi khu bếp và vệ sinh trong mỗi gia đình cũng chuyển đổi cơ bản.

Từ 1975 đến 1980, sau những khu nhà ở lớn đã triển khai như:

- Khu nhà ở Thành Công,
- Giảng Võ, Trung Tự,
- Thanh Xuân ...

Các công trình nhà ở giai đoạn này có quy mô đất đai nhanh chóng nhỏ dần (bé hơn 4,5ha), phải bố trí rải rác trên hàng trăm điểm thi công khác nhau. Một số

còn quá xa mà người dân rất sợ phải đến ở như Sài Đồng, Yên Viên, Cầu Bươu, Yên Ngưu... vì đi lại bất tiện.

Xe máy sử dụng chưa nhiều, xe đạp vẫn là phương tiện đi lại chủ yếu, thứ tài sản khá quan trọng với mỗi người. Đưa những chiếc xe như vậy lên tầng cao không đơn giản, nhất là phụ nữ. Bởi vậy khi có mẫu nhà tám lớp của GS Trương Tùng người ta mới quý vệt đất xe giữa vế thang. Còn bao nhiêu thứ phải giải quyết, thông thoáng mà phải kín đáo an toàn, đông không lạnh, vách chống được ồn, cách được nhiệt v.v... Rồi những năm về cuối, tất cả đã như không còn là quan trọng so với sự coi nới tùy tiện ở những ngôi nhà tập thể. Thời gian đầu thì đối tượng nói rộng là phân lô - gia, sau thì đến cả phần hành lang phía trước. Bài toán được giải bởi không biết bao nhiêu giải pháp cấu tạo và thi công khác nhau nhưng đều là liều mạng coi trời bằng vung. Mọi người học nhau nhanh chóng và không quên “cải tiến” hơn một chút cho đỡ cơn khát về diện tích, mặc ngôi nhà oằn mình chịu đựng, chưa kể những phần tường chịu lực phía trong, nhiều chỗ đã bị bốt đi hoặc cắt hẳn cho “đỡ vướng”. Người ta gọi những phần làm thêm là “chuồng cọp”, là hình ảnh về một thời khó khăn, kèm với sự buông lỏng quản lý. Trong những “chuồng cọp” ấy có nơi chỉ để chậu hoa cây cảnh, nơi là một góc học tập của trẻ, nơi ngủ của vợ chồng mới cưới, là bếp và sửa soạn thức ăn, thậm chí có nơi là khu vệ sinh... Những ai ở tầng một đều phải chấp nhận khó chịu của rác thải, của những lần đục phá vì tắc đường cống. Nhiều năm chịu đựng rồi cũng được bù lại tương xứng, đó là những diện tích lấn ra phía trước, phía sau và cả phía bên, có giá còn hơn cả chỗ mình đang ở. Một số hộ, “ý thức chung” có cao hơn, người ta xây phần mới sát với lưng nhà và cho hộ phía trên sử dụng xây dựng lên đó. Nếu mọi dàn xếp thông suốt, trò xếp chồng này có thể lên tới nhiều tầng phía trên, dù có phải đè lên hoặc làm hỏng các phần ngầm ở dưới. Điện mất thất thường, kéo theo việc cấp nước cũng lúc có lúc không, nhiều nơi phải quy định cấp nước theo giờ.

Chính những bất cập về diện tích sử dụng và vận hành tùy tiện những khu ở tập thể, đã tạo nên một tâm lý mệt mỏi quay lưng với lối sống chung cư. Kiến trúc nhà ở nhiều căn hộ đứng trước một thách thức mang tính thời sự, ít được ghi nhận xứng với cố gắng không ngừng vươn lên trong cả chặng đường dài.

### **Những mẫu nhà ở phố cập.**

*Loại nhà lắp ghép tám lớp (đúc tại hiện trường - sân pô - ly - gôn)*

\*Mẫu T - L - 71: Đã xây dựng hàng loạt ở Khương Thượng, Trung Tự, Giảng Võ, Vĩnh Hồ, Thành Công..

Các nhà mẫu này cao 5 tầng, hành lang bên, mỗi căn 2 phòng  $10,43m^2 + 13,37m^2$  và căn cuối đơn nguyên  $10,43m^2 + 17,3m^2$  có khu phụ đi kèm (GS Trương Tùng).

\* Mẫu T-L-73: Giống mẫu trên nhưng thêm loại căn hộ 3 phòng. Xây dựng ở nhóm C Giảng Võ, K2 Hào Nam... (Viện thiết kế Nhà ở Hà Nội)

\* Mẫu T- L -76: Có số căn hộ và số phòng thay đổi: 2 hộ (4 phòng và 3 phòng) 4 hộ ( 2 hộ 2 phòng và 2 hộ 1 phòng) được xây tiếp tục ở Thành Công và Trung Tự. (Viện thiết kế nhà ở Hà Nội).

*Loại nhà khung chịu lực*

\*Mẫu LG 1V: Xây ở tiểu khu Bách Khoa. Nhà hành lang bên 5 tầng (KTS Nguyễn Đức Thiềm). Có căn hộ 1 phòng 16,8m<sup>2</sup>, căn hộ 2 phòng rưỡi 24,8m<sup>2</sup>.

*Loại nhà lắp ghép khung cột 5 tầng:*

Hành lang bên, đơn nguyên có 4 căn (2 phòng, 1 phòng, 1 phòng, 2 phòng) (KTS Huỳnh Thanh Xuân, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật Xây dựng)

*Loại nhà Giếng trời kiểu đơn nguyên:*

Loại căn 3 phòng 35,8m<sup>2</sup> (15 + 10 + 10,8) có lô-gia rộng. Loại căn 2 phòng 28m<sup>2</sup> (15 + 10,8) với lô gia phục vụ (KTS Ngô Quang Sơn - Viện Thiết kế Nhà ở và Công trình công cộng)

*Loại nhà ở cao cấp:*

Khu ngoại giao đoàn Vạn Phúc. (KTS Nguyễn Trục Luyện, KTS Nguyễn Kim, Viện Thiết kế Nhà ở và Công trình công cộng) gồm nhà dài ghép đơn nguyên và loại nhà độc lập hình chữ Y. Bố trí phòng có kích thước lớn, trang bị đầy đủ.

*Loại nhà kép xây lệch tầng:*

Mẫu A - Nghĩa Đô - 76: Gồm 2 nhà song song gần nhau, cầu thang ở giữa, lên mỗi vé vào mỗi nhà tới 2 căn hộ. Khung bê tông, tường gạch. Tầng dưới bố trí cửa hàng và nhà trẻ. (Viện thiết kế Nhà ở Hà Nội).

*Loại nhà xây bằng gạch:*

Mẫu HN - G - 505- 78: Cao 5 tầng, kết hợp hành lang giữa và hành lang bên. Đơn nguyên với cầu thang và 4 căn hộ, loại 2 phòng (18,5 + 9,37) với khu phụ 9,3m<sup>2</sup> và loại 2 phòng (17,17 + 10,23) với khu phụ 11,32m<sup>2</sup>.

*Nhà 11 tầng thí điểm:*

Năm 1975 xây dựng ở Giảng Võ (KTS Huỳnh Thanh Xuân) mỗi tầng bố trí 4 căn hộ. Công trình xây dựng xong nhưng chưa hoàn thiện, sau 1980 chữa thành khách sạn.

*Loại nhà lắp ghép tấm lớn Thanh Xuân Bắc:* Lắp bằng tấm lớn sản xuất tại nhà máy, 5 tầng, được bố cục theo hình thức tiểu khu (KTS Ngô Quang Sơn) có 3 loại đơn nguyên, với căn hộ khác nhau: 16m<sup>2</sup>, 27m<sup>2</sup>, 32m<sup>2</sup>, 35m<sup>2</sup> và 40m<sup>2</sup> độc lập khép kín, trang thiết bị đã nâng lên một bước, Các nhóm nhà ở được tổ hợp với không gian âm cúng và ít đơn điệu, phối hợp với mạng lưới trường học, nhà trẻ và cửa hàng tương đối hợp lý.

#### *Các loại nhà ở thấp tầng Nhà nước đầu tư*

Tiếp theo những khu ở lắp ghép 2 tầng triển khai từ 1971 đến 1974. Thời gian này Hà Nội có thêm những khu ở 2 tầng mới như Mai Động, Kim Giang, Trại Găng, Mai Dịch, Lương Quy, Thượng Thanh, Sài Đồng... ngoài mẫu cũ năm 1970, đã có thêm các mẫu:

- Mẫu HN 203B và HN 203C: Xây ghép bởi các đơn vị 2 căn hộ thành dãy (HN 203B) hoặc riêng biệt nhà 2 căn hộ (HN 203C)

- Mẫu HN 206 và HN 208: Là loại nhà biệt lập 2 tầng 4 căn hộ (2 trên, 2 dưới) cầu thang ngoài.

- Mẫu HN 207: Là loại ghép nhiều đơn nguyên 2 tầng, mỗi đơn nguyên 4 căn hộ.

Ngoài ra là các loại nhà theo phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” phần lớn là 2 tầng.

#### *Trường học, nhà trẻ và công trình dịch vụ trong các khu ở*

Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nhà ở theo hình thức tiểu khu, những mẫu nhà trẻ, trường học và cửa hàng được xây dựng đồng thời.

##### *Các công trình trường học.*

- Trường phổ thông Yên Lãng được xây dựng từ năm 1973 (KTS Trịnh Hồng Triển) với các thành phần hoàn chỉnh, có 24 lớp học với khu hành chính, hội trường, xưởng trường, nhà phụ trợ... cùng các sân sinh vật, địa lý, thể dục thể thao, kiến trúc nhẹ nhàng phù hợp với kết cấu khung chịu lực. Sau ngày thống nhất, nhiều mẫu trường học mới tiếp tục được thiết kế và xây dựng:
- Trường phổ thông trung học Trung Tự (KTS Nguyễn Quốc Thái) thiết kế theo những tiêu chuẩn mới của ngành giáo dục, hoàn chỉnh và đồng bộ. Kết cấu khung bê tông xây gạch. Được chọn như một thiết kế điển hình, sử dụng xây dựng cho nhiều trường như:
- Trường Khương Thượng,
- Trường Tô Hoàng,
- Trường Hoàng Hoa Thám,
- Trường Việt Nam - Ba Lan,
- Trường Thành Công ...

- Trường Phổ thông trung học Hà Nội - Am - xtec - dam (KTS Nguyễn Thành) quy mô 1200 học sinh, có hội trường 700 chỗ, phòng thể thao, xưởng trường... sử dụng một số cấu kiện lắp ghép và có mức hoàn thiện khá.
- Trường Phổ thông cấp I, II Thanh Xuân (KTS Cao Xuân Lê) gồm khối hành chính và lối vào 1 tầng, khối cấp II ba tầng, hai khối cấp I hai tầng.

*Các công trình nhà trẻ mẫu giáo, cửa hàng:* Nhiều nhà trẻ đã được thiết kế nổi bật là nhà trẻ 10 và 5 nhóm (KTS Nguyễn Văn Thành), riêng nhà trẻ 10 nhóm đã được sử dụng làm mẫu điển hình với trợ giúp thiết bị của UNICEF xây dựng ở Trung Tự, Giảng Võ, Thành Công ... và một số địa phương trong nước.

Một số nhà trẻ khác, có thiết kế khá tốt, theo trợ giúp toàn bộ từ nước bạn như:

- Nhà trẻ Việt Triều (của Triều Tiên) ở Trung Tự,
- Nhà trẻ Hoa Hồng (của Bun-ga-ri) ở khu Hai Bà Trưng ...

Kèm theo các khu ở là các:

- Cửa hàng Yên Lãng (KTS Ngô Toàn Thắng)
- Bách hóa Thành Công (KTS Nguyễn Văn Thành);
- Nhà hàng Đông Đô Giảng Võ (KTS Đặng Kim Bảo);
- Bách hoá Thanh Xuân (KTS Hoàng Minh Phái)...

Các loại hình dịch vụ đã kịp thời xây dựng, nói chung loại hình dịch vụ này luôn có sự biến động trong suốt thời gian sử dụng, kéo theo sự thay đổi lớn về kiến trúc so với ban đầu. Để dễ cơ động trong sử dụng, hàng loạt nhà ở xây dựng theo những đường phố lớn đã được dành phần không gian ở tầng một cho các kinh doanh dịch vụ thuê hoặc mua sử dụng sau này, như trên đường Láng Hạ, Giảng Võ, Chùa Bộc - Kim Liên, Lò Đúc - Minh Khai cũng là cách giải quyết hợp lý, đặc biệt khi mà nhận thức về kinh tế tư nhân, về thị trường, trong mỗi người còn mờ nhạt, cần nghe ngóng và thử nghiệm.

### ***Kiến trúc các công trình công cộng***

Thời kỳ với những điều kiện phát triển mới. Đầu tiên là tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện những công trình đã khởi công trong những năm 1973 - 1975 như:

- Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh,
- Bảo tàng Hồ Chí Minh 1985- 1990 Liên Xô
- Nhà Văn hoá Thiếu nhi Hà Nội,
- Cung Văn hoá lao động Việt Xô,
- Khách sạn Thăng Lợi,
- Bệnh viện Nhi,

- Viện Khoa học Việt Nam...

Tiếp theo, nếu không là những công trình được viện trợ của nước ngoài, tất cả đều có sự cân nhắc kỹ về đầu tư, trong hoàn cảnh rất khó khăn của đất nước:

- Sửa chữa nhà ga Hà Nội (1976 KTS Hoàng Nghĩa Sang)
- Bể bơi Tăng Bạt Hổ và bể bơi Đống Đa (1975, 1976 KTS Trịnh Hồng Triển)
- Viện Thiết kế Bộ Lương thực thực phẩm (1976 KTS Đỗ Thế Sính).
- Công chính công viên Thống Nhất (1976 KTS Lê Văn Lân).
- Nhà triển lãm Giảng Võ (1976 KTS Vương Quốc Mỹ).
- Khách sạn Hữu Nghị (1978 KTS Lương Anh Dũng).
- Nhà ga hàng không Nội Bài (1978 Viện thiết kế Hàng không).
- Bệnh viện Phụ Sản (1979 Liên Xô thiết kế, Hội Phụ nữ dân chủ quốc tế tặng).
- Trường PTCS Việt Nam- Angierie (1980, KTS Cao Xuân Lê).
- Ngân hàng kiến thiết Trung ương (1980, KTS Trần Quốc An).
- Nhà trẻ Việt Triều (1980 thiết kế và xây dựng của Triều Tiên).
- Bệnh viện Thanh Nhàn (1982, KTS Trần Thị Ninh và Viện Thiết kế công trình Hà Nội).
- Nhà trò chơi Điện tử Công Viên Thống Nhất (1984) KTS Lê Văn Lân.
- Khoa Pháp trường đại học Sư phạm Hà Nội (1984) thiết kế và xây dựng của Pháp.
- Trụ sở nhà xuất bản sự thật (1984) KTS Hoàng Nghĩa Sang.
- Trụ sở Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (1984) trường đại học Xây dựng.
- Nhà trẻ Hoa Hồng (1985) Bun-ga-ri thiết kế và xây dựng.
- Nhà thờ đạo Tin Lành Hà Nội (1985) KTS Lê Văn Lân.
- Quần thể thương vụ Liên Xô (1985) Liên Xô thiết kế và xây dựng.....

### ***Kiến trúc công nghiệp***

Là thời kỳ khôi phục những hậu quả của chiến tranh. Một số nhà máy xí nghiệp được sự giúp đỡ của nước ngoài như:

- Thiết bị điện Đông Anh (viện trợ của Hung ga ri),
- Nhà máy pin Xuân Hoà (viện trợ của Liên Xô).
- Nhà máy kéo sợi Hà Nội (viện trợ của Cộng hoà Liên bang Đức).
- Nhà máy bê tông Thịnh Liệt (Viện trợ của Ba Lan)..
- Nhà máy sửa chữa xe lửa Gia Lâm ( Viện trợ của Ba Lan), nhà máy bi khoá xích líp ( Viện trợ của Tiệp Khắc)...

Bên cạnh đó hàng loạt nhà máy xí nghiệp do ta thiết kế xây dựng như:

- Cơ khí giải phóng,

- Nhà máy khăn mặt, khăn tay;
- Dệt bạt 19/5;
- Cơ khí Mai Động (KTS Phạm Cao Nguyên, KTS Trần Đình An, KS Đoàn Văn Anh và tập thể Viện thiết kế công trình Hà Nội).

### ***Xây dựng nông thôn ngoại thành***

Năm 1978 Hà Nội mở rộng về phía Tây, nội thành có 4 quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng, và 11 huyện ngoại thành: Mê Linh, Sóc Sơn, Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Từ Liêm, Hoài Đức, Đan Phượng, Thạch Thất, Phúc Thọ, Ba Vì... Xây dựng nông thôn ngoại thành ở giai đoạn này lấy địa bàn huyện là cơ sở. Nội dung của quy hoạch xây dựng huyện là phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Các công trình công cộng và phục vụ sản xuất phân theo 3 cấp: toàn huyện, tiểu vùng kinh tế kỹ thuật và hợp tác xã. Quy hoạch đó, tạo ra mạng lưới các trung tâm huyện lỵ, các trung tâm tiểu vùng (3 đến 5 trung tâm mỗi huyện), các trung tâm xã (4 đến 5 xã mỗi tiểu vùng). Một trung tâm xã điển hình có khu ruộng nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (nếu có) hạ tầng kỹ thuật (đường sá, sân kho, trạm bơm), nhà trẻ, trường học, nhà văn hoá, trụ sở uỷ ban nhân dân ...

Từ 1982, các điểm đô thị, thị trấn đã được triển khai ở Đông Anh, Sài Đồng, Đức Giang, Nghĩa Đô, Cầu Giấy; Cầu Diễn, Trâu Quỳ. Các xã ven nội lọt vào nội thành được xem như những mảng xanh thấp tầng.

### ***Các công trình giao thông và đô thị***

Tiếp theo phục hồi ga Hàng Cỏ, ga Hàng Không Nội Bài với khung thép đơn giản đã nhanh chóng vận hành. Các bến xe Gia Lâm (ở phía Bắc) Giáp Bát (ở phía Nam) được xây dựng. Cùng với những tuyến giao thông được mở rộng, nổi bật hơn cả là việc đưa vào sử dụng cầu Thăng Long (năm 1985) sau 5 năm khẩn trương xây dựng với sự giúp đỡ của Liên Xô. Là chiếc cầu 2 tầng hiện đại, tầng dưới cho đường sắt và xe thô sơ, tầng trên rộng 20,5m cho 4 làn xe ô tô và 2 đường biên. Cầu dài 1.688m, với cả cầu dẫn đường ô tô dài 3.116m, đường sắt dài 5.503m, đường thô sơ dài 2.658m.

Để hỗ trợ cho cầu Long Biên bị hư hỏng nặng trong chiến tranh mới tạm chữa thông xe. Cầu Chương Dương dùng cho đường bộ được làm thêm cách đó không xa. Cầu Đuống và các cầu nội thành như Cầu Mới, Cầu Giấy được làm mới và mở rộng...

Cùng với cầu Thăng Long, một tuyến đường sắt dài 42km từ Bắc Hồng qua Phú Diễn đến Ngọc Hồi do Liên Xô giúp thiết kế và xây dựng.

### ***Cây xanh, công viên:***

Cây xanh đường phố, các vườn hoa có từ trước được gìn giữ khá tốt, các khu xây dựng mới đều được trồng cây kịp thời. Các vườn ươm Thụy Khuê, Cầu Diễn đóng vai trò tích cực. Công viên Thống Nhất, Công viên Thủ Lệ, vườn Bách Thảo đã là những địa chỉ gần gũi của người Hà Nội nghỉ ngơi, thư giãn, vui chơi và gặp gỡ,... Tiếc là ở Công viên Thống nhất khuôn viên dự kiến 50ha, chỉ mới thực hiện được khoảng 40ha, năm mươi năm sau vẫn không hề được mở rộng thêm mà còn bị lấn từ nhiều phía. Công viên Thủ Lệ dự kiến 46ha cũng chỉ mới thực hiện bước đầu được 29ha. Gần đây thành phố phải dành rất nhiều công sức giải tỏa lấn chiếm mới duy trì được diện tích ấy.

### ***Điện và cấp thoát nước:***

Từ nguồn điện cấp tại chỗ ( Yên Phụ) thời gian này đã hình thành mạng lưới quốc gia. Điện đã về đủ ở nông thôn. Tuy vậy chất lượng không ổn định, ở nội thành điện áp luôn sụt giảm và gián đoạn, tổn thất điện năng lớn.

Mạng cấp nước đã tăng hàng chục lần năm 1954, số nhà máy nước tăng đến 5 lần, vẫn chỉ đảm bảo hơn nửa yêu cầu.

Thoát nước: Hệ thống thoát nước cũ là chủ yếu, nước bẩn và nước mưa vẫn chung đường thoát. Đường ống làm thêm không được bao nhiêu. Những trận mưa lớn, có hơn 50 điểm ngập úng.

## **1.2. Các tỉnh phía Bắc**

### ***1.2.1. Giai đoạn 1945 – 1954***

Cuộc kháng chiến toàn quốc (lần thứ 1) theo lời kêu gọi:

*“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.*

*Bối cảnh xã hội:*

Sau 2 tháng cầm cự ở Thủ Đô, tháng 2/1947 TW rút ra chiến khu, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến “trường kỳ”, nhiều cơ quan ra vào tự do. Bước vào cuộc kháng chiến, các cơ quan đầu não của Chính phủ phải dời Hà Nội lên Việt Bắc. Tại đây các kiến trúc sư góp công xây dựng chiến khu, vùng tự do. Để dễ liên lạc, thời kháng chiến tổ chức kiến trúc- xây dựng phân theo các khu được chia thành các “liên khu”. Những ngôi nhà được dựng lên giản dị bằng tranh tre nứa lá, và cũng tại nơi đây đã diễn ra những sự kiện trọng đại của đất nước: Đại hội Thống nhất Việt Minh – Liên Việt, Đại hội Anh hùng – Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất, Đại

hội Đảng lần thứ hai. Không có điều kiện xây dựng lớn nên các hoạt động xây dựng chủ yếu là nhà tạm: Ổ, làm việc, hội trường, nhà ăn tập thể, kho tàng, trạm xã, câu lạc bộ văn hóa, lớp học... cho các cơ quan và đồng bào tản cư, các công trình quốc phòng... Các kiến trúc sư đem trí lực giúp cải thiện nơi sinh hoạt của đồng bào các dân tộc vùng chiến bằng những phòng triển lãm dã chiến, những chòi phát thanh thôn quê, những phòng họp nhỏ cho dân bản... Công trình được xây dựng vào thời gian này tuy đơn sơ nhưng gần gũi và tiện dụng.

*Ngành kiến trúc- xây dựng có nhiệm vụ:*

Cùng toàn dân tham gia “tiêu thổ kháng chiến”<sup>1</sup>. Kiến thiết phục vụ cho chiến khu và hoạt động ở vùng tự do. Trước hết là cầu, đường, rút đến đâu phá hoặc đào hào cắt đường đến đó. Dỡ và di chuyển hầu hết công xưởng, nhà máy, nhà cửa, trụ sở một số đô thị, khu đô thị phá sạch.

*Công trình tiêu biểu:*

- Tổ hợp công trình theo tổ hợp Đại hội Đảng II- Đảng Cộng Sản Đông Dương 2/1951 tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang: KTS Hoàng Như Tiếp
- Khu hội nghị TW 5 và 6 Đảng Lao động Việt Nam tại Việt Bắc: KTS Ngô Huy Quỳnh
- Hội trường tỉnh Lạng Sơn: KTS Nguyễn Văn Ninh, lúc đó là phòng chính phủ UBHCKC tỉnh Lạng Sơn

### **Ở các vùng tạm chiến**

“Phần do địa thế “cái răng lược” bất ổn định, phần do tập trung các công trình quốc phòng nên hầu như không xây dựng mới công trình kiến trúc có quy mô và giá trị lâu bền, chỉ có những hoạt động xây dựng nhỏ với kỹ thuật và vật liệu xây dựng địa phương truyền thống.

### **Hội nghị Kiến trúc sư Việt Nam đầu tiên:**

Tháng 4/1948 tại Thản Sơn- Liễu Sơn- Lập Thạch- Vĩnh Yên Bác Hồ gửi thư căn dặn nhiệm vụ Hội nghị:

Tập hợp lực lượng KTS cả nước thành một tổ chức xã hội quốc gia, thực hiện trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, xây dựng kiến thiết đất nước

“Nghề kiến trúc, nghề mà lúc nào cũng cần cho quốc kế dân sinh. Phải có kế hoạch thiết thực xây dựng ngay từ trong kháng chiến và cả sau khi kháng chiến thành công...”

Phân công cán bộ phụ trách ở các liên khu

---

<sup>1</sup> Phá bình địa tất cả các nhà gạch to lớn đồ sộ của tư nhân, cũng như cơ sở công cộng, Nhà Thờ, Đình, Chùa, đào đường đắp mô, phá cầu cống... để giặc đi đến đâu là vườn không nhà trống.

Mở lớp KTS đầu tiên trong kháng chiến (tiếp tục đào tạo sinh viên ở Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương đang dở dang.

Hội nghị này đánh dấu mốc ra đời tổ chức của giới KTS, “Đoàn KTS” tiền thân “Hội KTS Việt Nam” ngày nay. Và cũng là ngày được Chính phủ công nhân là “Ngày kiến trúc Việt Nam – 27/4”.

### **1.2.2. Giai đoạn 1954– 1986**

Chiến thắng Điện Biên Phủ, Hội nghị Genever lập lại hòa bình ở Đông Dương, tạm chia cắt hai miền.

Năm 1954 đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử, cách mạng của nhân dân ta giành độc lập tự do và chủ quyền dân tộc chuyển sang thời kỳ mới.

Hai miền với chế độ chính trị và xã hội hoàn toàn khác nhau:

- Miền Bắc giải phóng, nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ cơ bản kết thúc. Cách mạng Xã hội Chủ nghĩa bắt đầu.
- Miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ tiến tới giải phóng, thực hiện thống nhất nước nhà.

Các sự kiện lịch sử quan trọng vào ngày 10/10/1954 tiếp quản Thủ Đô, ngày 15/5/1954 quân viễn chinh rút khỏi Hải Phòng, đón tiếp người con của Thành đồng<sup>2</sup> ra Bắc tập kết.

Các kiến trúc sư được sự giúp đỡ của các nước Xã hội Chủ nghĩa với Nhiệm vụ:

- Khôi phục kinh tế (1955- 1957)
- Kế hoạch cải tạo và phát triển kinh tế (1958- 1960)
- Kế hoạch 5 năm lần 1 (1961- 1965)

Cả miền Bắc trở thành một công trường nhộn nhịp, khó khăn chồng chất nhưng sôi động hào hứng, sáng tạo biết bao kỳ tích, mang dấu ấn thời đại.

#### **1.2.2.1. Giai đoạn khôi phục kinh tế (1955- 1957):**

Nghị quyết TW 7 (3/1955) “Khôi phục kinh tế, nâng cao sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, đảm bảo cung cấp thời bình.... chuẩn bị xây dựng nước nhà...”

Trọng tâm của thời kỳ này là khôi phục lại hệ thống cầu đường, nhà cửa đô thị đã bị chiến tranh tàn phá hoặc tiêu thổ kháng chiến.

Từ năm 1957, chính sách “ưu tiên chủ yếu đầu tư vào việc phát triển công nghiệp nhẹ...”

**Một số công trình nhà máy được xây dựng đầu tiên của chính thể mới ở miền Bắc:**

- Nhà máy chè (Phú Thọ): Liên Xô

---

<sup>2</sup> Con em của các cán bộ Miền Nam được đưa ra Miền Bắc học tập, để sau hòa bình quay trở về phục vụ quê hương

- Diêm Thống Nhất
- Cơ khí Gia Lâm
- Nhà máy điện Thanh Hóa....

Xây dựng một số cơ sở đào tạo như:

Trường Nguyễn Ái Quốc- Hà Nội: (do nhu cầu đào tạo cán bộ chính trị cao cấp): KTS Nguyễn Ngọc Chân, Trần Hữu Tiềm)

Đại học Tổng hợp, Nông Lâm, Cao đẳng Mỹ thuật

Các trụ sở: Ủy ban Khoa học xã hội, Bộ Lâm nghiệp

Theo các khu nhà máy, xây dựng các khu nhà ở tập thể cho cán bộ công nhân viên: Khu tập thể Lương Yên, Kim Mã, trại gang, Đại La (nhà 1-2 tầng).

Ngành xây dựng trong giai đoạn này mới có khoảng 24 KTS, kỹ sư và dưới 80 kỹ thuật viên (nòng cốt lớp trung cấp khóa 7 kiến trúc từ cao đẳng giao thông công chính).

#### *1.2.2.2. Giai đoạn cải tạo và phát triển kinh tế 1958- 1960*

Là giai đoạn ban đầu xác lập quan hệ sản xuất theo hướng Xã hội Chủ nghĩa, phát triển nền kinh tế văn hóa của chế độ mới.

Mục tiêu kế hoạch năm: “đẩy mạnh sản xuất, phát triển nông nghiệp làm khâu chủ yếu nhằm giải quyết vấn đề lương thực.... và giải quyết phần lớn người tiêu dùng....”

Ngành xây dựng có các sự kiện

Tháng 4/1958 Bộ kiến trúc tách khỏi Bộ Thủy Lợi, bắt đầu thành lập các Sở, Ty, công trường. Hoạt động trường trung cấp kiến trúc Hà Đông (khóa 8, 9)

#### ***Các công trình sản xuất- công nghiệp:***

- Nhà máy điện Lào Cai 1957- 1959 (Liên Xô), Vinh 1957- 1959 (Liên Xô)
- Khu công nghiệp Việt Trì- Lâm Thao
- Bắt đầu phát triển vật liệu xây dựng như Bê tông Chèm (đúc cầu kiện đá An Dương, nhiều nhà máy gạch quy mô lớn)
- Công trình thủy nông lịch sử: Bắc Hưng Hải (Hưng Yên)

#### ***Các công trình dân dụng:***

- Trung tâm triển lãm Hải Phòng 1960: KTS Đoàn Văn Minh
- Rạp chiếu bóng Long Châu Sa -Việt Trì: KTS Vương Quốc Mỹ.
- Nhà hát Lam Sơn Thanh Hóa: Lê Đình Nhân

#### *1.2.2.3. Giai đoạn kế hoạch 5 năm lần thứ 1 (1961- 1965):*

- Nghị quyết Đại hội Đảng đề ra mục tiêu cho kế hoạch 5 năm: “Thực hiện một bước công nghiệp hóa- Xã hội Chủ nghĩa xây dựng bước đầu cơ sở

*vật chất và kỹ thuật Chủ nghĩa xã hội, đồng thời hoàn thành cải tạo XHCN...”*

Với sự giúp đỡ của các nước XHCN (Liên Xô, Trung Quốc) phát triển nông nghiệp và hàng tiêu dùng, bắt đầu quan tâm công nghiệp nặng.

Một số nhận xét của người nước ngoài: “*Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang trang bị cho mình một xương sống công nghiệp mạnh hơn bất cứ xương sống công nghiệp nào của những nước không cộng sản ở Đông Nam Á....*”

“*Một nền công nghiệp dân tộc đã hình thành ở Bắc Việt Nam, điều không thể có được dưới chế độ thực dân....*”.

Xu thế bắt đầu hình thành các “cụm công nghiệp”, theo nó là các cụm dân cư và là tiền đề phát triển các khu đô thị hoặc các đô thị mới.

Hoạt động quy hoạch- xây dựng phát triển

- Thực phẩm công nghiệp Việt Trì (Trung Quốc)
- Khu gang thép Thái Nguyên (TP Thủ phủ khu tự trị Việt Bắc).

Để đáp ứng nhu cầu phát triển kiến trúc- xây dựng cũng như quản lý đã:

- Tháng 9/1962 thành lập Ủy Ban Kiến trúc cơ bản nhà nước (tách khỏi Ủy Ban Khoa học nhà nước)
- Viện thiết kế được thành lập riêng
- Các văn bản pháp lý đầu tiên về tiêu chuẩn quy phạm thiết kế lần lượt được nghiên cứu và ban hành
- (trong đó có tiêu chuẩn hóa thiết kế- Modul 3M)
- Lớp KTS đầu tiên do Bộ kiến trúc mở (61) phụ trách: Nguyễn Cao Luyện, Nguyễn Nghi

Những công trình trọng điểm thời kỳ này:

***Công trình công nghiệp:***

- Thủy điện Thác Bà (Liên Xô) Yên Bái khởi công 1964
- Giấy Việt Trì,
- Pin Văn Điển, đường Vạn Điểm,
- Dệt Đông Xuân

Phục vụ nông nghiệp:

- Nhà máy Super Phosphat Lâm Thao (Liên Xô) 1959- 1962
- Nhà máy phân đạm Hà Bắc (Trung Quốc) 1960
- Mở rộng xi măng Hải Phòng 1964 (Rumani)

***Một số công trình dân dụng theo yêu cầu:***

- Các bệnh viện: Uông Bí, Vinh, Tuyên Quang
- Bảo tàng Việt Bắc (Thái Nguyên) 1962- 1963: KTS Hoàng Như Tiếp
- Nhà khách Hạ Long
- Nhà khách Bái Tử Long- Nguyễn Ngọc Chân (dành cho người nước ngoài)

- Tổ hợp trụ sở Khu Ủy- Ủy Ban hành chính Khu Tây Bắc (Son La) 1960-1961

*1.2.2.4. Thời kì chống chiến tranh phá hoại ở miền Bắc- Thống nhất đất nước 1965-1975:*

Kế hoạch 5 năm lần thứ I chưa hết hạn thì ngày 5/8/1964 “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ” dẫn tới việc Mỹ ném bom bắn phá miền Bắc, mục đích làm yếu hậu phương và ngăn cản sự tiếp viện cho miền Nam.

Trọng điểm đánh phá cá biệt là hệ thống đường giao thông huyết mạch, các nhà ga, bến cảng, sân bay. Các khu công nghiệp nhà máy điện, các công trình quốc phòng, trận địa... Nhiều Thị xã hầu như bị hủy diệt: Đồng Hới (Quảng Bình), Ninh Bình, Phủ Lý, Bắc Giang, Yên Bái, Sơn La, Thị trấn Hồ Xá (Vĩnh Linh), Hà Tu (Quảng Ninh) chỉ còn đồng gạch vụn.

Nhiệm vụ ngành kiến trúc- xây dựng là “vừa xây dựng vừa chiến đấu” – duy trì lực lượng lòng cốt (cho đào tạo tiếp ở nước ngoài, sơ tán ra vùng an toàn) nghiên cứu mẫu thiết kế điển hình, làm tiêu chuẩn,.. chuẩn bị cho sau này. Hợp tác với chuyên gia nước ngoài để trưởng thành.

Năm 1972 Mỹ phải ngừng ném bom miền Bắc. Ngành kiến trúc- xây dựng thuận lợi hơn trong việc tiếp tục sự nghiệp của mình, đồng thời gánh thêm nhiệm vụ phục hồi những gì đã bị tàn phá.

Năm 1973 Bộ kiến trúc với Ủy ban kiến trúc cán bộ nhà nước được nhập thành Bộ Xây Dựng.

a. Sự kiện trọng đại lịch sử quan trọng giai đoạn này năm 1969 Bác Hồ qua đời.

b. Một số thành quả thời kì này:

- Về quy hoạch xây dựng:

- Nghiên cứu quy hoạch Hà Nội mở rộng lên phía Bắc (Xuân Hòa, Vĩnh Yên)
- Sau 1972 cùng chuyên gia các nước nghiên cứu quy hoạch cho:  
Hà Nội (Liên Xô)  
Hải Phòng (Ba Lan)  
Nam Định, Phủ Lý (Rumani)  
Hòn Gai, Bãi Cháy (Hungari)  
Thái Bình (Bulgari)  
Bắc Giang (Triều Tiên)  
Đồng Hới (Cuba)  
Vinh (CHDC Đức)  
Thái Nguyên, Việt Trì (Trung Quốc)  
Thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn, cải tạo nhà ở nông thôn

***Các công trình công nghiệp trọng điểm:***

- Thủy Điện Thác Bà (1964- 1972)

- Nhiệt điện Uông Bí (đợt 2), Ninh Bình (Trung Quốc)
- Khu nhà máy cơ khí mỏ- Cẩm Phả (lớn nhất miền Bắc- Liên Xô giúp đỡ)

**Công trình nhà ở:**

Sau năm 1972 là thời kỳ phân do điều kiện kinh tế khá hơn, phần do chủ trương phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho cuộc sống gia đình.... nên tổ chức căn hộ theo hướng “khép kín”.

- Nhà theo mẫu thiết kế mới của Bộ Xây Dựng hướng dẫn Xuân Hòa, Việt Trì, Hải Phòng, Thái Nguyên, Hà Bắc, Vinh (khu Quang Trung 1974- 1980)

**Nhà nghỉ, khách sạn, nhà khách chuyên gia cho các khu công nghiệp**

- Nhà khách chuyên gia Vị Hoàng Nam Định: Trần Đức Nhuận
- Nhà khách Việt Trì: Trần Đức Nhuận
- Nhà khách Thái Nguyên: Nguyễn Trục Luyện

Nhà nghỉ, điều dưỡng cho TW, của công đoàn

- Các khu biệt thự TW ở Đồ Sơn, Bãi Cháy (Quảng Ninh), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Tam Đảo (Vinh Yên), Hồ Tây (Hà Nội).
- Nhà nghỉ công đoàn Bãi Cháy, Hạ Long (1970): KTS Trần Gia Khiêm
- Nhà điều dưỡng Sầm Sơn- Bộ Xây Dựng: P. Sỹ Chức (giai đoạn 2: Nguyễn Đăng Minh)

Tiếp tục xây dựng mới các bệnh viện:

- Bệnh viện nhi Hải Phòng- P. Sỹ Chức
- Bệnh viện Hải Hưng (500 giường) do hội đồng nhà thờ thế giới viện trợ trang bị đồng bộ năm 1972. Là bệnh viện đầu tiên hợp khối, xây dựng mới hoàn chỉnh: KTS Nguyễn Thúc Hoàng
- Các bệnh viện ở Hà Giang- Phạm Thị Ngọc Lai, Yên Mỗ (Ninh Bình): Nguyễn Trung
- Trại phong Quỳnh Lập (Nghệ An)

Công trình dân dụng công cộng:

- Trụ sở khu ủy Việt Bắc (KTS Vương Quốc Mỹ, Huỳnh Sum) khai thác bản sắc truyền thống dân tộc
- Nhà bảo tàng cổ vật ở Nam Định 1975 (KTS Nguyễn Cao Luyện). Công trình gần gũi với tình cảm dân tộc bằng những hình ảnh kiến trúc quê hương quen thuộc như mái đình, cầu đá, tượng đá; sắp đặt gần với sân vườn, hồ ao. Gần 30 năm sau xu hướng nghệ thuật này mới phát triển trong giới mỹ thuật. Bảo tàng Cổ vật là một điểm sáng, độc đáo, mới lạ, trở thành một điểm nhấn thú vị ở Nam Định với những người quan tâm đến mỹ thuật, kiến trúc, văn hóa. Có thể xem đây như tác phẩm đầu tiên của kiến trúc hiện đại Việt Nam theo xu hướng chủ nghĩa Biểu hiện, được đánh giá là một hành động mang tính cách

mạng, dũng cảm đột phá mở con đường mới cho kiến trúc hiện đại Việt Nam, con đường tạo hình trong kiến trúc.

#### 1.2.2.5. Kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1976- 1980)

Đại hội Đảng lần thứ IV:

Đại hội thống nhất- Quốc hội và Chính phủ thống nhất công ước:

Nhiệm vụ của kiến trúc- xây dựng:

*“Ngành xây dựng giữ vai trò cực kỳ quan trọng... tăng thêm tiềm lực cho các ngành kinh tế nhất là công nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi và các công trình phúc lợi xã hội... phải xây dựng nhanh nhà ở cho dân....”*

*“Việc xây dựng các khu công nghiệp, các thành thị phải tiến hành đồng bộ...”*

Thành quả thời kỳ này được biểu hiện:

**Về quy hoạch- xây dựng:**

- Đẩy mạnh quy hoạch xây dựng cấp Huyện, thí điểm 6 Huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An), Thọ Xuân (Thanh Hóa), Đông Hưng (Thái Bình), Nam Ninh (Nam Định), Tân Lạc (Hòa Bình)
- Quy hoạch các khu công nghiệp- đô thị: Phả Lại, Hòa Bình, Bỉm Sơn, Hoàng Thạch, lọc hóa dầu Tuy Hạ....

**Xây dựng các công trình công nghiệp:**

- Nhà máy xi măng Bỉm Sơn (1976- 1981)  
Xi măng Hoàng Thạch (1977- 1983)
- Nhà máy giấy Bãi Bằng- Việt Trì 1979 Thụy Điển
- Khởi công xây dựng thủy điện Hòa Bình 1979 Liên Xô  
Nhiệt điện Phả Lại (1980)
- Tháp truyền hình Tam Đảo- Vĩnh Yên 1976: thép, cao 96m, cốt 1250.

**Công trình dân dụng:**

- Nhà văn hóa thiếu nhi Thái Nguyên: Tạ Trường Xuân 1980
- Khách sạn Hữu Nghị Hải Phòng (cao tầng đầu tiên ở Hải Phòng): KTS Lương Anh Dũng- 1978

#### 1.2.2.6. Đại Hội Đảng V - Kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981- 1986)

*“Tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, các ngành then chốt, các sản phẩm quan trọng nhất....”*

Tích cực thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân, TW và địa phương cùng làm”

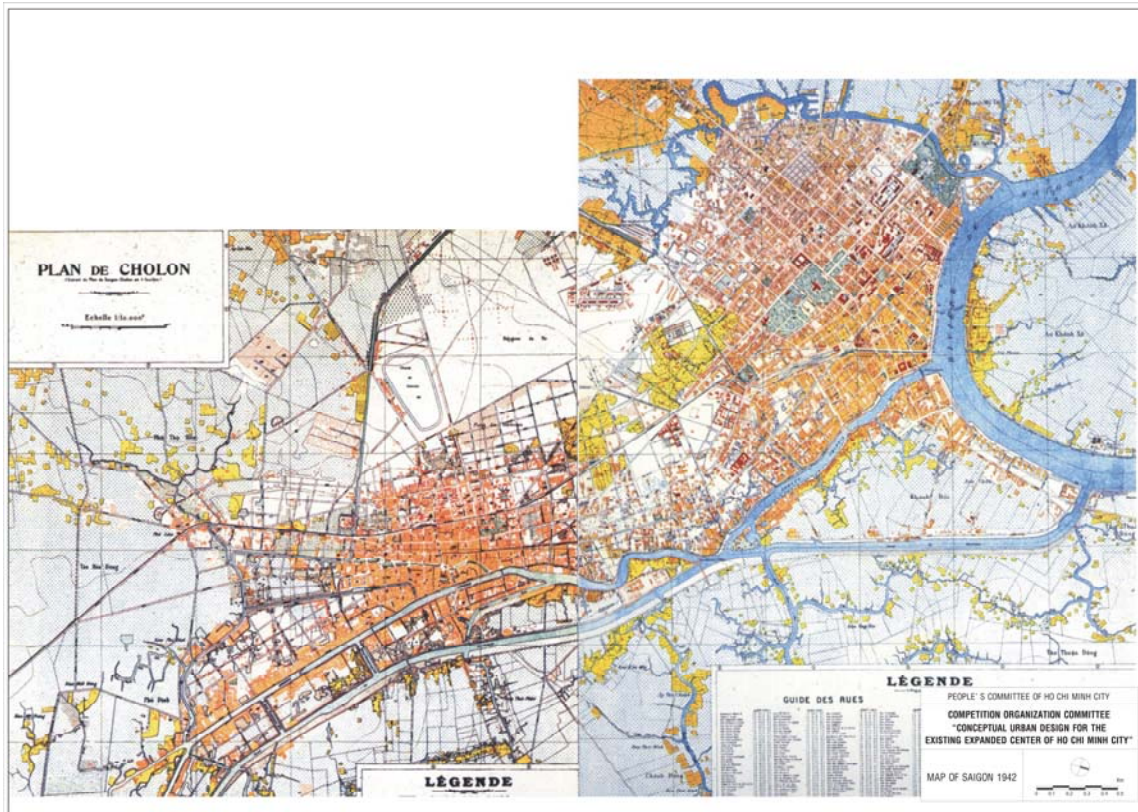
Một phần mở ra lối thoát cho việc đầu tư xây dựng cơ bản

- Quy hoạch xây dựng: quy hoạch Hà Nội 1982
- Một số công trình kiến trúc công nghiệp đã thực hiện:
  - Khởi công thủy điện Trị An
  - Xây dựng trạm vệ tinh “Hoa Sen” truyền hình

- Công trình dân dụng:
  - Bảo tàng Hùng Vương Phú Thọ 1985: Tạ Mỹ Duật, Vương Văn Lai (Hội KTS Việt Nam)
  - Nhà văn hóa Mỏ Quảng Ninh (công đoàn Nhật Bản tặng)
  - Khách sạn Hải Âu Đồ Sơn, Hải Phòng: Trần Gia Khiêm
  - Đại học Hàng Hải- Hải Phòng: L.V Dũng

## CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KIẾN TRÚC Ở PHÍA NAM GIAI ĐOẠN 1945-1986

### 2.1. Thành phố Hồ Chí Minh



Từ năm 1945 đến năm 1975, thành phố mở rộng về mặt dân số cũng như không gian sinh sống. Những thay đổi này có tác động trực tiếp đến đời sống, cơ cấu xã hội của nhiều khu vực khác nhau và đặc thù của thành phố.

Hiệp định Genève tháng 7-1954, đã công nhận nền độc lập của Việt Nam. Tuy nhiên, Sài Gòn - Chợ Lớn có quá ít thời gian để tận hưởng và tận dụng giai đoạn hòa bình này. Không lâu ngay sau cuộc "Chiến tranh Đông Dương" chống Thực dân pháp, là cuộc chiến thứ hai chống Mỹ, và thời kỳ này còn ghi dấu ấn mạnh mẽ hơn với sự tăng trưởng - đô thị. Thành phố trở thành mục tiêu chính của cuộc đối đầu - Việt và Mỹ. Hình ảnh các trực thăng cất cánh từ nóc tòa Đại sứ Mỹ và các xe tăng tông công Dinh Tổng Thống, là những hình ảnh ghi dấu ấn vào thập kỷ 70. Việc chấm dứt chiến tranh cũng đã mở màn cho một kỷ nguyên mới cho Thành phố : Đô thị Sài Gòn - Chợ Lớn, và các vùng thuộc Tỉnh Gia Định, nơi đã bị đô thị hóa trong những năm chiến tranh, kết hợp lại thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau độc lập, Thành phố phải gánh chịu một cuộc bùng nổ dân số đô thị. Dân số Thành phố Sài Gòn - tính luôn Chợ Lớn từ 1954 đến 1975 đã tăng từ 1,7 triệu lên khoảng 4 triệu dân, cùng với việc mở rộng đô thị về hướng Bắc và hướng Tây là sự gia tăng mật độ tại trung tâm Thành phố. Giai đoạn đô thị hóa "hậu đô hộ" có

đặc trưng là năng động nhưng không có tổ chức bởi động cơ của đô thị hóa có tính vội vàng, đôi phó.

Do tốc độ tăng trưởng và hậu quả của hai cuộc chiến liên tục, đã có những ý đồ về quy hoạch được gọi ra song luôn bị những "sáng kiến" cá nhân làm dập tắt. Hơn nữa, các ý đồ này còn rất hạn chế lý do vì chính quyền không thấy cần thiết phải có chiến lược hậu thuẫn và quản lý việc định cư lâu dài dân nhập cư từ nông thôn. Chính quyền đã nhận định sai khi cho rằng đa số dân lánh nạn sẽ trở về nông thôn sau cuộc chiến thứ 2.

### **2.1.1. Kiến trúc Sài Gòn giai đoạn 1945-1954**

#### *Bối cảnh xã hội:*

Sau khi tiếp nhận đất nước, miền Bắc bước đầu thực hiện xã hội chủ nghĩa. Miền Nam chào đón chính quyền Cách mạng, giữa Sài Gòn hoa lệ, ngày 24/8/1945 một kiến trúc sư người Bến Tre đã dựng lên một kỳ đài cao 15m ghi danh các vị ủy viên Ủy ban hành chính lâm thời chỉ trong một đêm. Trên tuyến đường Nguyễn Huệ mít ting chào mừng Cách mạng Tháng 8 để ra mắt chính phủ Cách mạng Lâm thời Nam bộ ngày 25/8/1945: KTS Huỳnh Tấn Phát (tốt nghiệp cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương).

Giai đoạn này dân các tỉnh ồ ạt về thành phố lánh nạn ngày càng nhiều. Nhà ổ chuột bắt đầu mọc lên ở các bãi đất hoang sinh lầy hay dọc theo kênh rạch.

Từ đầu những năm 1950, chính quyền Bảo Đại tuy cho xây dựng một số cư xá bình dân tại các thành phố như Đà Nẵng, Sài Gòn, nhưng không đủ đáp ứng đòi hỏi về nhà ở rất lớn của đoàn người tị nạn. Có một số công trình được xây dựng ở Sài Gòn như:

- Ngôi nhà “Sân thượng nở hoa” ở đường Phùng Khắc Khoan,
- Khu cư xá Lareymière trên đường Bà Huyện Thanh Quan với các khối công trình 4 tầng, có vườn cây, nhà để xe.

Kiến trúc Sài Gòn thời kỳ này còn rất thưa thớt, và hầu hết đều là các kiến trúc Pháp, do người Pháp xây dựng theo luật lệ nhà phố Decoux. Kiến trúc Sài Gòn được quy hoạch đô thị cho khoảng 2,5 triệu người, theo luật xây cất, vệ sinh, thẩm mỹ rất chặt chẽ nên bộ mặt Sài Gòn khi ấy khang trang, mang những nét đặc trưng rất riêng, là sự phối hợp giữa không gian nhiệt đới và kiến trúc kiểu Pháp.

Có mặt ở Việt Nam từ cả trăm năm, nên người Pháp nghiên cứu khí hậu, môi trường, thông hiểu nắng – gió – mưa nên khi xây dựng họ đã đưa ra hình thái kiến trúc tối ưu dành cho xứ nhiệt đới, dù rằng vật liệu để kiến thiết và xây dựng khi ấy không có nhiều chủng loại để lựa chọn (chủ yếu là gạch, đá và gỗ – PV).

Những đặc trưng kiến trúc trước 1954 rất dễ nhận dạng, với những điểm chung gồm cửa gỗ, nhiều cửa sổ lá sách, trần cao thoáng có lỗ thông hơi, có hành lang tạo không gian ngăn cách với tường chính của nhà, mái rộng che ra khoảng hành

lang để tránh nắng gió và tạo độ thông thoáng. Những ngôi nhà còn lại ở giai đoạn kiến trúc này như:

- Toà Giám mục trên đường Nguyễn Đình Chiểu,
- Nhà chú Hoà nay là bảo tàng Mỹ thuật ở Phó Đức Chính,

Các công trình công cộng khác có thể kể đến như:

- Trường Lê Hồng Phong (Pétrus Ký cũ),
- Trường Lê Quý Đôn...

### **2.1.2. Kiến trúc Sài Gòn từ 1954 – 1964**

#### ***Quy hoạch xây dựng***

Các hoạt động quy hoạch xây dựng thời kỳ này tái thiết tương đối ổn định (1954- 1963)

#### ***Kiến trúc công trình***

Kiến trúc Sài Gòn xưa quy hoạch khá rõ, với các khu vực nhà phố, nhà biệt thự, khu buôn bán... rất rõ rệt, cơ quan thẩm quyền cứ dựa vào những quy hoạch đó để xét duyệt và cấp phép xây dựng, không có chuyện xây dựng bừa bãi và tràn lan. Trong thời kỳ này, các kiến trúc Pháp do người Pháp thiết kế và xây dựng xuất hiện ít dần đi, thay vào đó là một thế hệ các kiến trúc sư người Việt được Pháp đào tạo chuyên ngành, tham gia vào xây dựng bộ mặt kiến trúc Sài Gòn như Phạm Văn Thân, Nguyễn Quang Nhạc, Trần Văn Đường, Phạm Gia Hiến... với các công trình theo trường phái Pháp, tuy không nhiều nhưng cũng dần hình thành nên những tên tuổi kiến trúc sư bản địa, làm nền tảng cho sự phát triển của kiến trúc sau này.

Cũng trong thời kỳ này, dân số Sài Gòn tăng nhanh do có một bộ phận di cư từ miền Bắc vào, và các luật lệ trong xây dựng và quy hoạch đô thị bớt khắt khe hơn so với thời trước 1954, do vậy việc xây dựng và quy hoạch diễn ra không đồng bộ, nảy sinh những phức tạp và tính mỹ quan của kiến trúc dần bị xem nhẹ.

Kiến trúc đô thị phía Nam phát triển tương đối ổn định. Ở Sài Gòn nhiều dinh thự, công sở cũ thời pháp được sử dụng lại.

- Trụ sở Bộ Ngoại giao,
- Học viện Quốc gia Hành chính,

Một số cơ sở đại học được cải tạo hoặc xây mới.:

- Làng đại học Thủ Đức là một cư xá dành riêng cho các giáo sư

Một số chùa chiền được xây dựng trong giai đoạn này:

- Chù Xá Lợi,
- Chùa Ấn Quang,
- Chùa Vĩnh Nghiêm

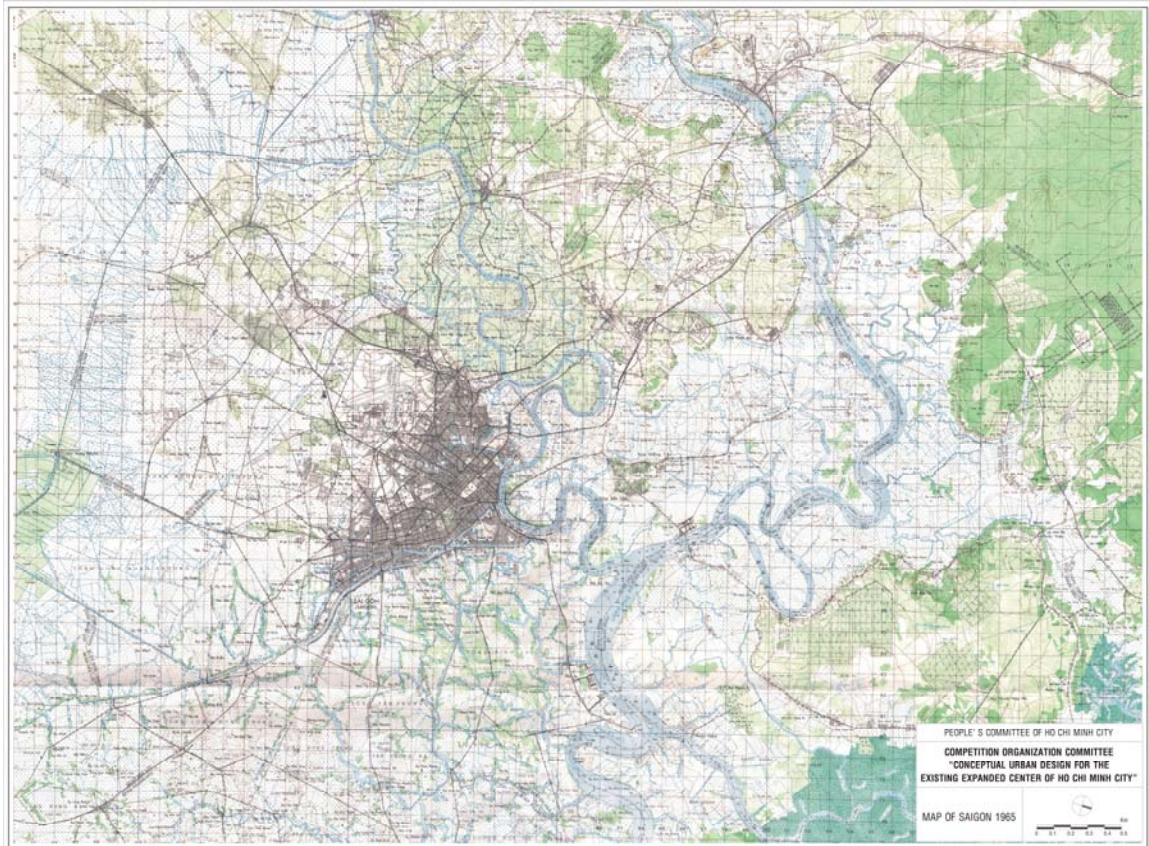
### **2.1.3. Kiến trúc Sài Gòn giai đoạn 1964 – 1975**

#### ***Quy hoạch xây dựng đô thị***

Quy hoạch xây dựng thời kỳ này phát triển nhanh, đa dạng nhưng thiếu ổn định (1964-1975)

Các kiến trúc sư miền Nam với sự giúp đỡ của các chuyên gia nước ngoài đã đề xuất nhiều phương án quy hoạch mở rộng Sài Gòn và xây dựng các đô thị khác từ những năm 1966.

Ở Sài Gòn, chính quyền tập chung xây dựng khu hành chính – ngoại giao ở hai bên đại lộ Thống Nhất (nay là đại lộ Lê Duẩn)



*Quy hoạch Sài Gòn năm 1965*

### ***Kiến trúc công trình***

Giai đoạn người Mỹ vào Sài Gòn, cũng là giai đoạn phát triển của vật liệu trong xây dựng, các loại hình kiến trúc bê tông đá rửa, nhà mái bằng, vuông thành thẳng cạnh trở nên một trào lưu kiến trúc của những năm 1960 – 1970. Thệ hệ kiến trúc sư được đào tạo tại Việt Nam và cả ở nước ngoài bắt đầu góp phần hình thành nên các trào lưu kiến trúc mới.

Có nhiều ý kiến cho rằng nhà mái bằng, vật liệu đá rửa của thời kỳ này là do ảnh hưởng Mỹ. Song cũng có ý kiến cho rằng người Mỹ chỉ tham gia vào xây dựng cầu đường, lo về quân sự, không tham gia trong quy hoạch kiến trúc của Sài Gòn, và cũng không có kiến trúc sư Mỹ nào xây dựng các công trình dân sự ở Sài Gòn.

Bộ mặt kiến trúc Sài Gòn thời điểm này thay đổi vì những lý do các kiến trúc sư trong nước tốt nghiệp, các kiến trúc sư học nước ngoài khi về nước mong muốn

đưa một nét mới vào kiến trúc xây dựng, tạo một phong cách kiến trúc lạ so với kiến trúc cũ. Cái mới này được học từ giáo trình, hình ảnh, sách báo ở các nước trên thế giới. Và kiến trúc mái bằng và phong trào dùng vật liệu đá rửa hình thành. Các kiến trúc sư tiêu biểu giai đoạn này có thể kể đến như Vũ Bá Đính, Tô Công Văn...

Không biết chính xác việc sử dụng vật liệu đá rửa vào kiến trúc Sài Gòn cũ bắt đầu từ khi nào, những ngôi nhà được xây vào năm 1960 ở ngã tư bây giờ là đường Phạm Ngọc Thạch và Nguyễn Đình Chiểu đã sử dụng chất liệu đá rửa cho công trình của mình.

Kiến trúc mái bằng trở thành phong trào cũng có nhiều lý do, phần vì là khác lạ so với kiến trúc kiểu Pháp, phần vì mái bằng để chủ nhân có thể dễ dàng coi nói, tăng thêm tầng khi có điều kiện, còn kiến trúc nhà kiểu Pháp dùng vật liệu chủ yếu bằng gỗ, mà gỗ hiếm dần nên việc thay thế vật liệu mới cho phù hợp là điều tất yếu. Các nhà kiểu Pháp tường quét vôi chỉ sau vài năm bị cũ, xuống màu, vật liệu đá rửa khi ấy đem lại nét mới lạ, bền lâu nên được ưa chuộng.

Nếu bỏ qua yếu tố phù hợp với môi trường và điều kiện thực tế ở xứ nhiệt đới, chính là những khiếm khuyết của nhà mái bằng như việc thoát nước không tốt, dễ ngấm nước vì chưa có vật liệu chống thấm tốt, đá rửa bền nhưng dễ bám bụi, gây rêu mốc... thì kiến trúc mái bằng và trang trí đá rửa là một sự thay đổi, cập nhật cái mới trong trào lưu kiến trúc của Sài Gòn xưa những năm 1960 – 1970.

Sau năm 1964 đáng kể chỉ có một số công trình được xây dựng như:

- Chung cư Thanh Đa (4000 căn hộ)
- Sân vận động Cộng hòa
- Dinh độc lập (1962-1966) KTS Ngô Viết Thụ được xây dựng trên nền dinh Norodom cũ,
- Thư viện Sài Gòn (1968- 1972): Nguyễn Hữu Thiện, Bùi Quang Hanh (được xây dựng trên nền khu nhà tù trung tâm từ thời Pháp bị phá bỏ)
- Bệnh viện Chợ Rẫy: KTS Takesato Nhật Bản
- Bệnh viện Vi Dân 1974: Trần Đình Quyền
- Đại học Y khoa Sài Gòn
- Cao ốc số 8 Nguyễn Huệ: Nguyễn Văn Nhâm
- Ngân hàng Thương Tín Sài Gòn: Nguyễn Quang Nhạc
- Khách sạn Caravelle 1950- 1960: KTS Masso

#### **2.1.4. Kiến trúc Sài Gòn giai đoạn 1976 -1986**

Từ năm 1975 trở đi thành phố Hồ Chí Minh mang dấu ấn thời kỳ mới với các công trình văn hóa, thi đấu thể thao:

- Nhà hát Hòa Bình,
- Nhà văn hóa quận 5,
- Nhà thi đấu Phan Đình Phùng

## **2.2. Các tỉnh phía Nam**

### **2.2.1. Giai đoạn 1945- 1954**

Giai đoạn này phía Nam hầu như không có xây dựng gì lớn. Từ đầu những năm 1950, chính quyền Bảo Đại cho xây dựng một số cư xá bình dân tại Đà Nẵng và Sài Gòn.

Ở nông thôn, do chiến tranh nên chỉ có những hoạt động xây dựng nhỏ với kỹ thuật và vật liệu truyền thống. Tại các vùng chiến khu, chỉ với lá dừa, tre gỗ, người phụ trách cơ quan truyền truyền Nam Bộ lúc ấy là KTS Huỳnh Tấn Phát đặc tạo dựng được những khu làm việc khang trang trong chiến khu.

### **2.2.2. Giai đoạn 1954 -1975**

#### ***Quy hoạch xây dựng***

Ở phía Nam, quy hoạch xây dựng đô thị phát triển 2 thời kỳ: thời kỳ tái thiết tương đối ổn định (1954- 1963) và thời kỳ phát triển nhanh, đa dạng nhưng thiếu ổn định (1964-1975).

Nhìn chung bộ mặt đô thị có những thay đổi lớn về quy mô, đồng thời cũng phát sinh nhiều mâu thuẫn và chênh lệch xã hội.

Tuy nhiên, do chiến tranh kéo dài nên nhiều chương trình xây dựng đô thị đã không thể trở thành hiện thực. Ở hai cảng Cam Ranh, Đà Nẵng được xây dựng lại để phục vụ mục đích quân sự. Chỉ ở Huế, Đà Lạt có thêm một số công trình du lịch văn hóa – xã hội. Còn lại 38 tỉnh lỵ và hàng trăm quận lỵ khác, các cơ quan hành chính và thương mại, các chợ trung tâm chỉ được sửa chữa, mở rộng và bổ sung trang thiết bị.

Quy hoạch xây dựng thời kỳ này chủ yếu nghiên cứu cho mục đích quân sự, phục vụ cai trị.

Các khu hành chính ngoại giao.

Quy hoạch các đô thị: Sài Gòn Chợ Lớn, Cam Ranh, Đà Nẵng, Huế, Cần Thơ, Đà Lạt, Pleiku, Buôn Mê Thuột, Vũng Tàu.

#### ***Kiến trúc công trình***

- *Xây dựng khu căn cứ kháng chiến của nhân dân miền Nam:*

Tuy kiến trúc thời chiến tạm thời cơ động... song cũng có một số khu được xây dựng ổn định:

- Khu căn cứ TW cục miền Nam (Chàng Riết Tây Ninh)
- Căn cứ bộ chỉ huy Quân ủy Miền (Lộc Ninh- sông Bé)
- Khu căn cứ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam (Tây Ninh)

- Khu đón khách quốc tế của Chính phủ Cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam (sau hội nghị Paris năm 1972, Đông Hà, Quảng Trị)
- Cột cờ ở bờ Bắc cầu Hiền Lương (giới tuyến tạm thời chia 2 miền) năm 1956 đã được dựng. đến đêm giáng sinh năm 1966 dựng cột mới 35m
- Cột cờ ở Đông Hà (1973) khi Thạch Hãn được giải phóng.

- *Kiến trúc xây dựng ở vùng tạm chiến phía Nam Việt Nam:*

Kiến trúc xây dựng vùng tạm chiến miền Nam cũng chìm nổi theo tác động chính trị xã hội.

Thời kỳ trước năm 1960, trong trạng thái âm mưu bội ước Tổng tuyển cử Thống nhất (theo Hiệp Định Paris) đàn áp Cộng sản của Chính quyền Ngô Đình Diệm, lập Ấp chiến lược.... hoạt động xây dựng lúc này phần lớn không kiến thiết gì mới.

Sau năm 1960, khi Mỹ ổn định vào miền Nam (thay thế Pháp) chính sách Thực dân mới được biểu hiện rõ rệt hơn.

Kiến trúc xây dựng đầu tư trước hết phục vụ cho chiến tranh và cai trị

Xây dựng hệ thống đường bộ (rộng, bê tông, rải nhựa)

Xây dựng nhiều sân bay (37/90 sân bay có đường băng kiên cố): sân bay Tân Sơn Nhất, sân bay Đà Nẵng

Hệ thống cho từng bến cảng (Sài Gòn, Cam Ranh, Đà Nẵng).

Các khu công nghiệp ra đời:

- Thủy điện Đa Nhim (1962- 1964) Nhật

Công trình thủy điện đầu tiên ở miền Nam.

- Nhiệt điện Thủ Đức, Cần Thơ, Đà Nẵng
- Khu kỹ nghệ Biên Hòa, Đồng Nai, 1963 đến 1975 đã có nhiều hơn nhà máy hoạt động

Các khu kỹ nghệ khác ở Đà Nẵng, Quảng Nam, Cần Thơ.... dệt, thực phẩm ở Sài Gòn....

- Khu xi măng Hà Tiên (1960- 1964, Pháp)

Các khu đại học:

- Đại học Thủ Đức, Cần Thơ
- Đại học Bách Khoa Đà Nẵng
- Đại học Sư Phạm Huế 1960: KTS Ngô Viết Thụ
- Đại học Y Huế....

Bệnh viện:

- Bệnh viện Đà Nẵng (CHLB Đức)
- Bệnh viện TW Huế 1973- 1975: Trần Đình Quyền

Khách sạn, trung tâm thương mại- tài chính bắt đầu được xây dựng và phát triển

- Khách sạn Hương Giang 1, Huế: Ngô Viết Thụ

- Các khu nghỉ, vui chơi của quân đội và chính quyền ở Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Lạt...
- Chợ Đà Lạt 1960- 1965: Huỳnh Kim Mãng
- Viện Hạt nhân Đà Lạt 1962- 1965: Ngô Viết Thụ

Công trình tín ngưỡng

- Nhà thờ Đức Mẹ đáng cứu thế Huế 1958: Nguyễn Mỹ Lộc

### ***Công trình nhà ở***

Ở miền Nam trong những năm đầu 1960 nhiều ngôi nhà trệt kiểu liền kề đã được xây dựng tại các khu vực Vườn Lài, Vĩnh Hội, Lý Nhân, Cầu Muối.. nhằm giải tỏa phục vụ quy hoạch. Một số cư xá bình dân khác được xây dựng để bán cho công chức, người thu nhập thấp. Tuy vậy các nhà ở này nhanh chóng bị lạc hậu. Xây dựng quy mô lớn về nhà ở thấp tầng và chung cư chỉ được thực hiện khi Tổng cục Gia cư được thành lập. Ngoài ra cũng còn nhiều khu nhà ở cao ốc khác do tư nhân xây dựng để phục vụ cho binh lính Mỹ, quan chức của bộ máy chiến tranh và chính quyền Sài Gòn.

Đặc biệt chung cư được xây dựng nhiều nhất từ năm 1968. Viện trợ nước ngoài đã thúc đẩy việc xây dựng nhà ở tại các khu Bàn Cờ, Ánh Quang, Nguyễn kim... những ngôi nhà này đều có tiện nghi thấp nên nhanh chóng bị biến thành loại nhà ổ chuột nhiều tầng.

- Trong số các khu chung cư, cư xá Thanh Đa bên sông Sài Gòn là tương đối hoàn chỉnh hơn cả. Trên diện tích 36ha có 31 tòa nhà 5 tầng với tổng số 4000 căn hộ (diện tích mỗi căn từ 53,5 đến 80 m<sup>2</sup>), bốn trường học, một chợ, một hí viện, các nhà hành chính, bưu điện, hộ sinh, bệnh xá và một sân vận động nhỏ.

Đa phần khối lượng nhà ở còn lại là do người dân tự bỏ vốn ra xây dựng hoặc được trợ giá của nhà nước, trong đó

- Làng đại học Thủ Đức có đến 672 biệt thự đơn và kép,
- Cư xá Phú Lâm có 600 nhà liền kề,
- Cư xá Kiến Thiết có 110 biệt thự.

Tại một số cư xá thuộc ngành ngân hàng – tài chính, ngoài số biệt thự sang trọng được thiết kế với nhiều kiểu dáng phong phú còn có nhà trẻ, trường học, có nhà họp và sân quần vợt. Thiết kế mới đã từ bỏ phong cách kiến trúc cổ điển thuộc địa Pháp để tiếp nhận phong cách hiện đại quốc tế với ngôn ngữ đa dạng, màu sắc, kết cấu và vật liệu mới, thích nghi với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm.

Có thể nhận thấy, bức tranh kiến trúc miền Nam thời kỳ trước giải phóng thể hiện rõ sự cách biệt giữa những khu xây dựng tiện nghi cao với các khu ổ chuột của đông đảo người lao động.

### ***2.2.3. Giai đoạn 1975 -1986***

*Bối cảnh xã hội:*

Là thời kỳ cực kỳ khó khăn, có thể nói là “thắt lưng buộc bụng” để xây dựng đất nước, phải hàn gắn khắc phục hậu quả chiến tranh cả hai miền, phải tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho Chủ nghĩa Xã hội, tiếp quản và cải tạo chuyên đổi kinh tế- xã hội miền Nam đồng nhất theo quan hệ Xã hội Chủ nghĩa. Trong lúc khủng hoảng Xã hội Chủ nghĩa Đông Âu ảnh hưởng đến sự giúp đỡ cho miền Bắc, chiến tranh biên giới ở phía Bắc và Tây Nam vừa tiếp tục bị phá hoại vừa bị phân tán ngắt quãng công cuộc tái thiết. Do nhu cầu lớn nhưng đáp ứng thấp, cơ chế kế hoạch hóa tập trung, bao cấp kéo dài bộc lộ những hạn chế. Kinh tế khó khăn, các nguồn viện trợ hoặc vay nợ bị cắt giảm đáng kể trong khi phương thức quản lý cũ không còn phù hợp. Thách thức đặt ra là cần tìm tòi lối thoát, và bước đầu có chuyên đổi: ND 25/CP năm 1981 kế hoạch hóa cơ sở cho chủ động kinh doanh (kế hoạch có 3 phần) nhằm kích thích sản xuất và nâng cao đời sống.

Đây cũng là thời kỳ sản sinh ra những ý tưởng quy hoạch xây dựng mạnh bạo, duy ý chí.

### ***Quy hoạch xây dựng đô thị***

Các đô thị miền Nam với nhiều nhà cửa, kho tàng, khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, hệ thống kết cấu hạ tầng gần như còn nguyên vẹn khi chiến tranh kết thúc, nay cần chỉnh trang và chuyên đổi sang cơ chế mới.

Ở miền Nam, tổ chức không gian quy hoạch và kiến trúc các đô thị có những bước đi theo hướng quốc tế. Lần đầu tiên các nhà quy hoạch nước ta đã tiếp thu và vận dụng một hệ thống nguyên lý quy hoạch tương đối hoàn chỉnh từ quy hoạch vùng, quy hoạch chung đến quy hoạch chi tiết. Có nhiều mô hình mới như đô thị vệ tinh, đô thị đối trọng, chùm đô thị, đô thị tuyến tính

Do nhu cầu phát triển xây dựng cơ bản nên cần tăng cường quản lý nhà nước nhiều hoạt động đã diễn ra:

- Năm 1979 thành lập Ủy ban Xây dựng cán bộ nhà nước do KTS Huỳnh Tấn Phát làm chủ nhiệm (sau đó là Đỗ Quốc Sam)
- Hoàn thiện hệ thống tổ chức ngành nghề và quản lý xây dựng ở phía Nam (chủ yếu các Sở Xây dựng các địa phương)
- Phát triển công nghệ thiết kế- xây dựng theo phương châm “Điển hình hóa thiết kế, công xưởng hóa cấu kiện, cơ giới hóa thi công”.

*Mục tiêu:* xây dựng nhanh, tiết kiệm vật liệu (xi măng, sắt thép, kính, gỗ và vật liệu nhập).

- Nghiên cứu ban hành (đến 1958) 14 tiêu chuẩn chung, 41 tiêu chuẩn thiết kế trong số 2/3 tiêu chuẩn quy phạm cấp nhà nước.

- Thiết kế mẫu

Thiết kế cho nông thôn: nhà văn hóa huyện, trường tiểu học, bệnh viện Huyện, nhà trẻ mẫu giáo.

Cho đô thị: mẫu nhà ở lắp ghép, mẫu nhà ở cho các giải pháp xây dựng khác nhau áp dụng cho địa phương.

Điền hình các bộ phận (phục vụ cho thiết kế).

***Về lĩnh vực kiến trúc- xây dựng:***

Ở miền Nam lúc này hầu như không xây dựng gì thêm mà chủ yếu tập chung vào việc sắp xếp lại quỹ nhà ở, giải phóng nhà trên kênh rạch và bắt đầu một thời kỳ dân tự xây ven lộ ở các tỉnh miền Nam Trung bộ và Vũng Tàu.

Một số công trình như:

- Nhà hát Hòa Bình quận 10 (1978) Thành phố Hồ Chí Minh: KTS Huỳnh Tấn Phát- Nguyễn Thành Thế
- Chuẩn bị hạ tầng khu dịch vụ dầu khí Vũng Tàu
- Nhà thờ Liên Khương Lâm Đồng 1980: Đ.V Nga

## CHƯƠNG III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KIẾN TRÚC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1986

Hàng ngàn năm lịch sử cùng các biến động của công cuộc dựng nước, giữ nước... ít nhiều cũng đã để lại các di sản cho dân tộc ta. Trong đó có di sản kiến trúc xây dựng, chứa đựng giá trị bản địa, giá trị giao thoa văn hóa giữa các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam. Cũng như với văn minh của một số quốc gia khác như Trung Quốc, Ấn độ, Đông Nam Á, các nước phương tây mà trực tiếp là Pháp. Năm 1945 – 1985, bốn mươi năm không dài so với lịch sử nhưng nó là thời kỳ mở đầu cho chế độ mới, ở miền Bắc sau chế độ DCCH là thời kỳ quá độ tiến lên CNXH vừa xây dựng vừa cùng miền Nam giải phóng đất nước. Và sau khi thống nhất đất nước ta lại phải hàn gắn vết thương chiến tranh, đây là thời kỳ thực sự khó khăn về mọi mặt đặc biệt là kinh tế.

Song với sự đồng lòng và quyết tâm của cả dân tộc, với phương châm của Đảng nhà nước “ không có gì quý hơn độc lập tự do, đến ngày thắng lợi, nhân dân ra sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn...” đã đóng góp và để lại cho đất nước nhiều giá trị, trong đó có giá trị về kiến trúc xây dựng mang tính lịch sử xã hội đáng trân trọng và ghi nhận.

### 3.1. Về xây dựng nói chung

Xuất phát từ đặc điểm chính trị kinh tế xã hội của thời kỳ tác động quyết định đến đặc điểm kiến trúc xây dựng, cụ thể:

#### 3.1.1. Mười năm đầu (1945-1955)

sau Cách Mạng tháng Tám thành công đất nước phải bước vào cuộc kháng chiến lần thứ nhất, chống thực dân Pháp còn chưa kịp kiến thiết gì thì phải cùng cả nước “ Tiêu thổ Kháng chiến” và nhiều kiến trúc bị tàn phá bởi chiến tranh.

Ngoài vùng tự do hay chiến khu đa phần là xây dựng các công trình tạm thời, bằng các vật liệu thô sơ, tại chỗ. Ở các vùng tạm chiến, với thể tranh chấp, chính quyền đô hộ cũng xây dựng hạn chế, chủ yếu sử dụng kiến trúc có sẵn, chỉ xây dựng mới các công trình cần thiết phục vụ cai trị phục vụ chiến tranh.

#### 3.1.2. Hai mươi năm tiếp theo (năm 1955- 1975)

Đất nước bị chia cắt với các thể chế chính trị khác nhau

- Miền Bắc:

Mười năm đầu là kế hoạch tạo dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật tối thiểu ban đầu cho nền kinh tế mới, trong đó chủ yếu là các công trình công nghiệp do các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ.

Mười năm tiếp theo, đất nước lại phải đối phó với chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Vì vậy xây dựng chủ yếu thời gian này là công trình phòng không, sơ tán.

Chiến tranh cũng đã phá hủy phần lớn thành quả mà mười năm trước đã tạo dựng, cho đến mãi sau này cũng không phục hồi hết được.

- Miền Nam:

Miền Nam có những biến động chính trị, một mặt lo ổn định cai trị (chuyển từ Pháp sang Mỹ) mặt khác lo đối phó với sự phát triển của mặt trận giải phóng miền Nam Việt Nam đấu tranh giành độc lập dân tộc - thống nhất đất nước.

Mặc dù có nhiều tiềm năng, nhưng những hoạt động xây dựng của thời kỳ này chủ yếu ở Sài Gòn, một số thành phố lớn hoặc có mục tiêu quân sự hoặc các khu quân sự với các khu công trình phục vụ cho người nước ngoài, chính quyền cai trị như công sở, nhà ở, nơi vui chơi, nghỉ mát, công trình thương mại, tài chính... và công trình phục vụ chiến tranh, doanh trại, kho tàng, cơ sở hạ tầng như sân bay, bến cảng, đường sá ... và một số công trình công nghiệp dịch vụ quân sự.

### ***3.1.3. Mười năm cuối (năm 1975- 1985)***

Thuận lợi là đất nước được thống nhất, tiềm năng góp về một mối ... nhưng cùng thời điểm này, cả hai miền đều hết nguồn viện trợ từ nước ngoài, phải tự học hoàn toàn. Trong lúc đó nhiệm vụ rất nặng nề: phục hồi cơ sở vật chất sau chiến tranh, xây dựng mới hệ thống công trình phúc lợi xã hội dân sinh cho miền Nam như công trình trường học, y tế, văn hóa địa phương... và tất nhiên cả một số công trình quốc gia cho một đất nước thống nhất.

Vì vậy kiến trúc xây dựng thời kỳ này vẫn ở trạng thái tiết kiệm, thắt lưng buộc bụng.

## **3.2. Về giá trị kiến trúc**

Như trên đã nêu tuy khó khăn mọi mặt, đặc biệt là kinh tế hạn chế, chiến tranh triền miên. Kiến trúc được xây dựng thời kỳ này không đa dạng thể loại, quy mô không lớn, suất đầu tư thấp, nhưng thành quả thì không phải không có, giá trị cao nhất là đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội lúc đó, đồng thời thể hiện rõ và trong thực bối cảnh đất nước.

Hoạt động kiến trúc xây dựng thời kỳ này cũng như giá trị đạt được, thể hiện ở một số khía cạnh sau:

### **3.2.1. Kiến trúc được xây dựng theo quy hoạch**

Tuy kinh tế xây dựng chưa phát triển, đô thị hóa còn thấp, công trình được xây dựng chủ yếu là ở các khu công nghiệp, các khu nhà ở công nhân hay khu chung cư trong đô thị, công trình cải tạo đô thị.

Ở miền Bắc với sự giúp đỡ của các nhà chuyên môn các nước XHCN, cùng lực lượng thiết kế quy hoạch nước ta đã bắt đầu triển khai lập cải tạo đô thị hoặc sau đó quy hoạch mở rộng một số đô thị phát triển, các khu công nghiệp lớn. Kiến trúc được triển khai theo quy hoạch và theo kế hoạch nhà nước.

### **3.2.2. Kiến trúc được định hướng phát triển**

Không thành văn bản nhưng kiến trúc ở miền Bắc thời kỳ này đã được định hướng khá rõ ràng, theo chiều hướng “hiện thực XHCN” được biểu lộ ở các góc độ:

#### **- Chủ trương đầu tư:**

Nhà nước tập chung ưu tiên phát triển cho các công trình công nghiệp và phục vụ công nghiệp. Các khu nhà ở tại các đô thị theo mô hình “tiểu khu nhà ở” với đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với các loại công trình nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, trạm y tế, dịch vụ tối thiểu như cửa hàng lương thực thực phẩm, nhà ăn, bách hóa ... Xây dựng hệ thống từ trung ương đến địa phương, công trình phúc lợi dân sinh như hệ thống bệnh viện các tuyến, trường học, nhà văn hóa, nhà nghỉ công đoàn ...

Là kiến trúc phục vụ kinh tế, phục vụ quảng đại nhân dân biểu thị tính ưu Việt của chế độ, đầy tính nhân văn.

#### **- Chất lượng kiến trúc**

Với điều kiện thực tế: suất đầu tư thấp, nhà nước bao cấp đầu tư và phân phối sử dụng vật liệu xây dựng và hoàn thiện khan hiếm, sản xuất ít chủ yếu là nhập , à ngoại tệ thì không có. Công nghệ thủ công, sau dần dần mới đi vào cơ khí hóa.

Trang thiết bị hầu như không có, không thang máy, không điều hòa không khí ...

Do đó phương châm thiết kế lúc đó, đồng thời cũng là mục tiêu chất lượng công trình là **“thích dụng, bền vững, kinh tế, đẹp (mỹ quan) trong điều kiện có thể”**.

Từ phương châm ta thấy yêu cầu rất rõ rằng kiến trúc phải đáp ứng và thể hiện giá trị trước hết là sử dụng. Cho nên có thể coi kiến trúc XHCN ở miền Bắc là “kiến trúc công năng” phản ánh hiện thực xã hội từ đầu vào, quá trình tạo dựng, đến đầu ra sử dụng.

Các nguyên lý thiết kế được bắt đầu bài bản, chuẩn mực, nhưng do cơ chế bao cấp, phân phối mà có sự phân cấp từ công trình cho đến phân cấp tiêu chuẩn nên nguyên lý được vận dụng một cách mềm dẻo, có mức độ thích ứng với mục tiêu đảm bảo tiện nghi tối thiểu, nhưng tối đa nhu cầu.

Về hình thức kiến trúc: kiến trúc công năng đơn giản, dễ nhận biết, phù hợp sử dụng bên trong, đường nét hiện đại ngay thẳng, chi tiết tối cần thiết không thừa. Hình khối kiến trúc sạch sẽ, sử dụng thủ pháp tạo bóng để làm phong phú hình ảnh.

Tuy nhiên không tránh khỏi sự đơn điệu do thấp tầng, nghèo nàn chủng loại vật liệu hoàn thiện, chủ yếu là sơn vôi, sau này có đá rửa, ốp gốm. do điển hình hóa theo mẫu nhà...

- Nghệ thuật kiến trúc càng bị hạn chế, nhất là trang trí ( cả bên ngoài, cả nội thất ) chiếu sáng nghệ thuật càng chưa dám nghĩ tới.

- Kiến trúc – xây dựng theo hướng CNH.

Xuất phát từ nhu cầu lớn, nhanh ( đối với nhà ở, công trình công nghiệp ) ngành xây dựng đã chú trọng thay đổi và phát triển công nghiệp theo hướng CNH “điển hình hóa thiết kế, công xưởng hóa cấu kiện, cơ giới hóa thủ công”. Đây là thời kỳ rầm rộ nhất về CNH xây dựng, từ cử người đi học tập, liên kết, thử nghiệm, sản xuất thực tế. Ví dụ như lắp ghép sandinô ( Cuba), tấm block ( triều tiên), tấm nhỏ ( CHDC Đức), tấm lớn ( Liên xô, Hà Nội )

Tiếp theo là bắt đầu nghiên cứu ứng dụng phân phối coffa trượt, hay nâng sàn đối với xây dựng nhà cao tầng.

### **3.2.3. Kiến trúc khí hậu – tạo bản sắc.**

Kiến trúc thời kỳ này cho dù ở miền Bắc hay miền Nam xuất phát từ thực tế khách quan, hay ý thức của người thiết kế khai thác kiến trúc dân gian... KTVN thể hiện tốt đặc thù khí hậu.

Hạn chế điều kiện đầu tư, thiết bị công nghệ nên kiến trúc phải đặt mục tiêu “thích ứng” khí hậu nhằm tạo môi trường tiện nghi tối đa cho con người (bằng cách khai thác lợi thế khí hậu tự nhiên như ánh sáng, gió mát, khắc phục bất lợi như gió bão, mưa lạnh, nắng nóng bức xạ ...)

Bằng các giải pháp kiến trúc như chọn hướng, tổ chức hành lang bên , thông gió tự nhiên , ánh sáng tự nhiên, sử dụng chi tiết kiến trúc để chắn nắng mưa hướng bức xạ, xử lý mái – tường bao che cách nhiệt, tạo bóng, tiếp cận thiên nhiên... hạn chế nhân tạo, tiết kiệm được năng lượng. Và đó phải chăng là những nội dung của kiến trúc Xanh ngày nay.

Cũng chính từ kiến trúc thích ứng khí hậu mà vẻ ngoài bộc lộ đưa hình ảnh kiến trúc của từng vùng miền, mà t gọi là có “Bản sắc”.

#### **3.2.4. Nhìn nhận riêng về kiến trúc ở Miền Nam.**

Ngoài những điểm chung về bối cảnh XH, các tác động ảnh hưởng đến KT-XD ở miền Nam có những nét riêng, do đối tượng và mục tiêu xây dựng, các công trình chủ yếu tập trung ở các đô thị lớn, các khu quân sự và phụ vụ cho phạm vi sử dụng có giới hạn. Do đó công trình có quy mô lớn được đầu tư khá hơn có đầu tư đa thành phần, có điều kiện kỹ thuật – công nghiệp, nguyên liệu thuận lợi... nên chất lượng cũng tốt hơn.

Chức năng của công trình cũng đa dạng và thiên về dịch vụ  
Ngoài các công trình công sở, nhiều khu nhà cao cấp, biệt thự, khách sạn nghỉ mát, nhà trường, khu vui chơi giải trí lớn, các tầng đại học...  
điểm đặc biệt là có đã có kiến trúc cao tầng ( 9-11 tầng ) với thang máy và CN – ĐHKK.

Cũng do ảnh hưởng phương tây , KT miền Nam theo xu hướng hiện đại, thượng công năng, và các nhà thiết kế quan tâm đến khí hậu nên kiến trúc tạo được đặc thù nhiệt đới.

#### **3.3. Về môi trường hoạt động**

Ở một góc độ nào đó, khi KTXD được nhà nước bao cấp và phục vụ cho XH cho cộng đồng thì từ “người chủ” là nhà nước cho đến “người thực hiện” là người thiết kế thi công công trình và người sử dụng đều chung mục đích là làm cho công trình hoàn thành tốt nhất vì vậy tạo nên được 1 môi trường hoạt động, quan hệ rất “thuận lợi và an lành”, tôn trọng lẫn nhau đặc biệt là tôn trọng chuyên môn.

KT đưa ra XD theo qh nhưng đồng thời theo kế hoạch nên được quan tâm, trách nhiệm các bên rõ ràng.

Tuy bao cấp nhưng kế hoạch hóa nên “cơ chế xin cho” lúc bấy giờ chưa biến thể phát triển. Lực lượng thực hiện ăn lương nên cuộc sống tuy chưa cao nhưng ổn định và yên tâm làm việc.

Quan hệ trong giới trên dưới rõ ràng, nhưng không hạn chế sáng tạo và phong cách, cá tính.

Các tổ chức thiết kế đều của nhà nước do đó sự hợp tác giúp đỡ nhau còn vô tư ( bổ sung, đào tạo nhân lực, hợp tác công việc ) nhu cầu xã hội càng phát triển, nhà nước phải quan tâm đến khả năng đáp ứng. Trong lĩnh vực KT – XD lực lượng chuyên môn được đi đào tạo nâng cấp, tiếp cận các thành tựu mới của các nước đi trước, của thế giới, nghiên cứu, vận dụng, tạo nên đội

ngũ chuyên sâu , chuyên môn hóa cao, trong hợp tác quốc tế được tôn trọng.

Tóm lại:

Giai đoạn 1945-1985 có 1 thời kì biến động đầy khó khăn, nhưng KT – XD vẫn hiện diện, đáp ứng nhu cầu XH 1 cách tốt đẹp.

Tuy khó nhưng ló cái khôn, nhiều công trình kiến trúc ở các giá trị khác nhau đã đánh dấu những mốc có ý nghĩa trong tiến trình phát triển nền kiến trúc – xây dựng nước nhà.

Giá trị nghệ thuật tuy chưa cao nhưng giá trị hiện thực nhân văn của 1 nền kiến trúc Chân – Thiện – Mỹ được tạo lập.

Phát huy nó trên nền tảng ngày càng thuận lợi về đầu tư, điều kiện kỹ thuật CN mới ... sẽ là xu hướng tốt và đúng cho con đường phát triển, kinh tế nước nhà.

## C. QUỸ KIẾN TRÚC

### CHƯƠNG I: CƠ SỞ XÁC ĐỊNH QUỸ KIẾN TRÚC VIỆT NAM

#### 1.1. Quỹ- quỹ kiến trúc

Nói đến “quỹ” là nói đến tập hợp các giá trị được xác định, đương thời khi nó được tạo nên, theo thời gian và tồn tại khi kiểm nghiệm

Quỹ kiến trúc bao gồm: không gian đô thị, nguồn cảnh quan (có tác động của con người), công trình kiến trúc, công trình khác nhưng có yếu tố kiến trúc có giá trị theo các tiêu chí được đặt ra, không những ở thời điểm được tạo nên, mà vẫn còn tồn tại và giữ được giá trị đến thời điểm kiểm nghiệm lại.

Quỹ kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945 – 1986 là các không gian đô thị - nông thôn được quy hoạch và thực hiện các cảnh quan tự nhiên có tác động của quy hoạch xây dựng hoặc cảnh quan nhân tạo hoàn toàn, các công trình kiến trúc, công trình khác nhưng có yếu tố kiến trúc ... có giá trị được xác định (theo tiêu chí đề ra) được tạo nên, được hình thành trong thời kỳ đó và tồn tại đến hôm nay “nguyên bản” hoặc đã biến đổi nhưng vẫn giữ được hình ảnh, giá trị gốc, cốt lõi xuất xứ có khả năng bảo tồn hoặc giữ gìn trong sự phát triển chung theo xu thế.

#### 1.2. Cơ sở xác định quỹ kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945- 1986:

- Dựa trên thành tựu của giới kiến trúc- xây dựng, của xã hội trong bước đường phát triển kiến trúc- xây dựng nước nhà giai đoạn 1945- 1986.

- Xác lập các tiêu chí để đánh giá và xếp loại giá trị vào hạng “quỹ” kiến trúc của thời kỳ đó.

Tiêu chí này được định ra từ điểm xuất phát của thời gian, bối cảnh bấy giờ về các tác động khách quan, đồng thời cũng phải trên cơ sở khoa học của bản chất kiến trúc về tác động chủ quan. Mặt khác nhìn nhận “quỹ” là của ngày hôm nay, nên không thể thiếu giá trị tồn tại của nó, có khả năng để bảo tồn hay khai thác phát huy trong xu thế phát triển chung.

- Nội dung chính của tiêu chí (mang tính đề xuất)

##### 1. *Giá trị kiến trúc*

Đáp ứng công năng sử dụng, tiên bộ

Kỹ thuật- công nghệ, phù hợp, mới

Nghệ thuật đẹp, tương thích (truyền thống và xu thế)

##### 2. *Giá trị lịch sử*

Có ý nghĩa lịch sử, đánh dấu mốc một thời kỳ lịch sử

Đáp ứng nhu cầu xã hội, có tác động mang tính định hướng xã hội

##### 3. *Mức độ tồn tại*

Khả năng bảo tồn, giữ gìn (ở góc độ xã hội, góc độ kiến trúc- quy hoạch xây dựng, chất lượng )

Khả năng sử dụng, phát huy hiệu quả

Từ các nội dung chủ yếu trên của tiêu chí, khi đánh giá giá trị cụ thể từng đối tượng, đặc biệt trong các đề án xử lý quỹ, cần chi tiết hóa để tương thích, đảm bảo chất lượng và có tính khả thi.

### **1.3. Nhìn nhận giá trị quỹ kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945-1986 từ góc độ nghệ thuật và phong cách kiến trúc**

Đất nước Việt Nam giai đoạn 1945 - 1986 đầy biến động với cuộc Cách mạng tháng Tám vĩ đại và tiếp theo là hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ oanh liệt nhưng vô cùng gian khổ, hiển nhiên không phải là giai đoạn thuận lợi cho việc xây dựng đất nước cũng như sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc. Chính vì thế rất khó để có tiếng nói chung trong sự nhìn nhận thành tựu của nghệ thuật kiến trúc ở thời kỳ này. Mặc dù vậy những người làm đề tài nghiên cứu chủ đề này không thể không tìm đến những cách nhìn nhận cùng với những quan điểm nhìn nhận về giá trị của quỹ kiến trúc có khả năng được sự đồng tình của đông đảo giới nghệ.

#### ***1.3.1. Kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954***

Sau Cách mạng tháng Tám, công cuộc xây dựng đất nước chưa được tiến hành bao nhiêu, nhân dân ta đã phải lao vào cuộc kháng chiến chống Pháp trong 9 năm. Giai đoạn này, nước ta chia ra làm hai vùng là vùng tự do và vùng tạm chiếm.

Ở vùng tự do, chính quyền nhân dân lãnh đạo kháng chiến và việc xây dựng chủ yếu làm bằng vật liệu tre nứa lá. Tuy nhiên, ngay trong kháng chiến gian khổ, chúng ta cũng làm nên những công trình đáp ứng được những nhu cầu trước nay chưa từng có bằng vật liệu không bền chắc như tre - nứa - lá. Đó là những hội trường chứa hàng ngàn người trong dịp các đại hội Đảng, đại hội văn nghệ toàn quốc; những nhà ăn tập thể rộng lớn, các nhà nghỉ của đại biểu đại hội, các lán trại cho quân đội, những công chào đẹp đẽ, nhà của Bộ Tư pháp ở Thái Nguyên, các đại sứ quán Liên Xô và trung Quốc ở Đại Từ...

Ở vùng tạm chiếm việc xây dựng không rầm rộ mà có tính chất nhỏ giọt, cầm chừng. Phong cách kiến trúc thời kỳ này ở các thành phố tạm chiếm là theo chủ nghĩa Công năng thô sơ: nhà gạch hình hộp, thường dùng mái bằng, ít trang trí. Nhà dân xây rất ít, các nhà tư sản xây dựng một số rạp chiếu bóng theo phong cách chủ nghĩa Công năng.

#### ***1.3.2. Kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975***

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, sau hiệp nghị Genève, nước ta bị chia thành hai miền mà ranh giới là vĩ tuyến 17.

##### ***1.3.2.1. Kiến trúc ở miền bắc***

Kiến trúc ở các tỉnh miền bắc trải qua mấy thời kỳ như sau:

a. Thời kỳ gỗ

Sau hiệp định Genève 1954, Chính phủ ta về tiếp quản thủ đô Hà Nội và miền bắc bước vào kiến thiết. Để nhanh chóng có những công trình kiến trúc đáp ứng ngay cho nhiệm vụ cấp bách, các kiến trúc sư từ chiến khu trở về đã sử dụng vật liệu chủ yếu là gỗ. Như công trình: Lễ đài và đài liệt sĩ được dựng lên trên quảng trường Ba Đình để phục vụ buổi lễ chào mừng Chính phủ về thủ đô là những kiến trúc đẹp, trang nghiêm đậm đà tính dân tộc; Nhà hát nhân dân tại trung tâm thủ đô là một công trình lớn bằng gỗ thỏa mãn trong một thời gian dài nhu cầu xem biểu diễn văn nghệ và hội họp lớn của nhân dân thủ đô. Nhiều khu nhà ở bằng gỗ được dựng lên để thỏa mãn nhu cầu ở cấp bách của công nhân viên chức các cơ quan trung ương và Hà Nội như khu nhà gỗ hai tầng ở bờ sông Hồng. Về nghệ thuật kiến trúc trong thời kỳ gỗ ta nhận thấy tính chất dân tộc rất đậm đà trong một số công trình đặc biệt như lễ đài Ba Đình của KTS. Nguyễn Văn Ninh, như các cổng chào ở khắp các tỉnh, thành phố.

Các công trình thời kỳ gỗ hầu hết đều còn đơn sơ và mộc mạc. Nhưng là bước khởi đầu, đánh dấu sự phát triển cho nền kiến trúc XHCN Việt Nam

b. Thời kỳ gạch

Bước vào chừng năm 60 - 70 một phong cách kiến trúc khác xuất hiện và lan rộng khắp các tỉnh thành miền Bắc, dựa trên cơ sở chịu lực chính là gạch. Kiến trúc thời kỳ này là một loại Tân cổ điển với các đặc điểm là đối xứng trang nghiêm, có bệ nhà, có hệ thống cột hoặc tường nẩy trụ vượt qua nhiều tầng theo kiểu đại - thức với bước cột đều đặn có mái đua, xê nô (máng nước mưa) và nhiều gờ chỉ. Phong cách kiến trúc thời kỳ này phản ánh tính chất ổn định của tư tưởng xã hội bằng hình khối đơn giản, chắc, khỏe, đối xứng. Trong lịch sử, mỗi khi một chế độ chính trị được thiết lập, trước khi tìm được cho mình một hệ thống ngôn ngữ riêng về nghệ thuật, người ta thường có xu hướng sử dụng một hệ thống có sẵn đã được thừa nhận là tốt đẹp để biểu hiện tư tưởng xã hội của mình.

Phong cách Tân cổ điển trong “thời kỳ gạch” ở nước ta chủ yếu lấy tinh thần cổ điển Hy Lạp - La Mã ở bố cục đối xứng, nhịp điệu hàng cột, phân vị ngang có bệ, có thân, có xê nô, nhưng lại không hề dùng hình thức hòi nhà tam giác (fronton). Phong cách Tân cổ điển này đơn giản, mộc mạc nhưng mạnh khỏe, đàng hoàng đúng tính chất một dân tộc vừa chiến thắng huy hoàng. Đó là những công trình trụ sở Tổng cục Thông kê, học viện Thủy Lợi của KTS Đoàn Văn Minh, trụ sở Đảng Nguyễn Ái Quốc, Trụ sở Ban trị thủy Sông Hồng - BXD của KTS Nguyễn Ngọc Chân, Hội trường Ba Đình của KTS Trần Hữu Tiềm và Nguyễn Cao Luyện, Bảo tàng Thái Nguyên của KTS. Hoàng Như Tiếp, Bệnh viện mắt Trung ương của KTS. Đoàn Ngọc...

### c. Thời kỳ nhà lắp ghép

Các thời kỳ của kiến trúc thật ra không có ranh giới rõ rệt mà bao giờ cũng có sự gối đầu. Ngay trong thời kỳ gạch đã xuất hiện một số cấu kiện bê tông cốt thép lắp ghép như các panen sàn, mái, cầu thang... Tiểu khu nhà ở Kim Liên được xây dựng bằng cấu kiện bê-tông cốt thép lắp ghép dưới sự hướng dẫn của kiến trúc sư Triều Tiên tiếp đến các thực nghiệm lắp ghép tấm nhỏ ở khu nhà ở Trương Định, Yên Lãng Hà Nội rồi đến lắp ghép tấm lớn ở tiểu khu Văn Chương của nhóm các nhà kiến trúc Trương Tùng, Phạm Sĩ Liêm, Nguyễn Bá Tùng, Nguyễn Thế Tú đã bắt đầu nở rộ một thời kỳ lắp ghép. Từ kinh nghiệm ở Văn Chương, kiểu nhà 5 tầng lắp ghép tấm lớn được nhanh chóng nhân rộng ra ở Hà Nội tạo thành những tiểu khu nhà ở Trung Tự, Khương Thượng, Thành Công...

Về mặt quy hoạch đô thị thì trong thời kỳ này Viện Quy hoạch Đô thị Bộ Xây dựng dưới sự lãnh đạo của KTS. Hoàng Như Tiếp chủ trương áp dụng “lý thuyết tiểu khu” (tức là lý thuyết Family’s neighbourhood của Clarence Perry) và đã tạo ra rất nhiều tiểu khu nhà ở tại Hà Nội và nhiều thành phố khác trên miền Bắc.

### d. Thời kỳ khung bê-tông cốt thép

Lắp ghép tấm lớn cũng như kết cấu gạch đều hạn chế khẩu độ, các không gian kiến trúc bị cứng khó thay đổi theo sự biến động của nhu cầu sử dụng nên kết cấu khung bê-tông cốt thép được áp dụng rộng rãi từng bước một. Thời kỳ này có những công trình tốt như các nhà nghỉ Công đoàn Đồ Sơn, Bãi Cháy của KTS. Trần Gia Khiêm, Cung thiếu nhi Hà Nội của KTS Lê Văn Lân, khách sạn Thái Nguyên của KTS Nguyễn Trục Luyện...

#### 1.3.2.2. Kiến trúc ở miền Nam

Trong giai đoạn 1954 - 1975, chính quyền Sài Gòn xây dựng không nhiều. Một số công trình có giá trị như những khách sạn trên đường Hàm Nghi, Nguyễn Huệ ở Sài Gòn, khách sạn Cầu Vòng, Imex Saigon... Đáng chú ý nhất là Dinh Độc Lập (nay là Hội trường Thống Nhất) do KTS. Ngô Viết Thụ thiết kế, xây dựng trên địa điểm Dinh Norodom cũ và Thư viện khoa học do KTS. Nguyễn Hữu Thiện thiết kế mang tính chất hiện đại nhưng có màu sắc dân tộc. Nói chung những công trình lớn thực sự chỉ được thực hiện từ 1965 đến 1975 nhất là từ 1970 và hầu hết theo phong cách chủ nghĩa Công năng châu Âu có hình hộp với năm nguyên tắc thiết kế của Le Corbusier.

Ở miền Nam, kết cấu khung bê-tông cốt thép được sử dụng phổ biến và xây dựng nhiều nhà cao tầng nhất là ở Sài Gòn. Bệnh viện chợ Rẫy có kết cấu khung thép lợp kính, có hệ thống nan chớp nhôm toàn bộ mặt kính lớn ở mặt nhà là một công trình do Nhật Bản làm, có phong cách chủ nghĩa Công năng gần gũi với kiểu hộp kính thép của Mies van der Rohe.

### **1.3.3. Kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1975 - 1986**

Sau khi thống nhất đất nước, nhịp độ xây dựng được đẩy lên một bước. Khắp trong nước xây dựng nhiều công trình công cộng như bệnh viện, nhà trẻ, trường học, nhà thi đấu thể thao, câu lạc bộ, nhà hát, hội trường... như Cung văn hóa hữu nghị Việt Xô ở Hà Nội, Cung văn hóa công nhân mỏ ở Hòn Gai, nhà thi đấu TDTT Hàng Đẫy Hà Nội, khách sạn Thăng Lợi, khách sạn Giảng Võ...

Về phương diện xây dựng nhà ở thì tiếp tục sự nghiệp lắp ghép trong giai đoạn trước thống nhất, năm 1975 Bộ Xây dựng đưa ra mẫu nhà ở khung lắp ghép nhiều tầng, sau đó xây dựng khu ở lắp ghép Thanh Xuân và áp dụng mẫu nhà chung cư nhiều tầng có giếng trời ở một số khu nhà ở tại Hà Nội khiến cho những công trình này đa dạng, phong phú hơn trước.

Ở miền Nam, công cuộc xây dựng sôi nổi hơn. Nhiều công trình phục vụ công việc được xây dựng như bệnh viện Nhà Bè 100 giường, nhà trẻ quận 11 thành phố Hồ Chí Minh, nhà thi đấu TDTT 4000 chỗ ở quận 3, nhà hát Hòa Bình ở quận 10, câu lạc bộ khu văn hóa quận 5, hội trường tỉnh ủy Hậu Giang...

Về phong cách nghệ thuật kiến trúc, thời gian này cả hai miền đều theo phong cách hiện đại của chủ nghĩa Công năng châu Âu, các ngôi nhà chủ yếu là hình hộp chữ nhật, lấy lôgic công năng làm yếu tố quyết định, ít trang trí. Nói chung các công trình đơn giản khúc chiết và khỏe khoắn.

### **1.4. Xếp hạng và phân loại quỹ kiến trúc**

Xuất phát từ đặc thù lịch sử như trên đã trình bày, kiến trúc ở giai đoạn 1945-1986 được hình thành và phát triển không trên cùng 1 bối cảnh và điều kiện, do đó việc nhìn nhận giá trị quỹ không nên đánh đồng trên 1 bình diện và 1 tiêu chí đồng nhất cứng nhắc.

Với nội dung của tiêu chí chung, nhưng mức độ và tư tưởng giữa các nội dung sẽ khác nhau, tương thích với “môi trường” của kiến trúc lúc hình thành, cũng như giá trị tác động tiếp theo đối với xã hội.

Vì vậy xếp hạng và phân loại quỹ kiến trúc thời kỳ này có thể chia tách:

- Quỹ kiến trúc ở miền Bắc (Xã hội Chủ nghĩa)
- Quỹ kiến trúc ở miền Nam
- Quỹ kiến trúc ở vùng chiến khu kháng chiến

- Xếp hạng “quỹ” kiến trúc:

Mục đích của việc xác định quỹ, không chỉ *đánh giá và tôn vinh* (như việc đánh giá và xếp hạng của di tích văn hóa) mà có ý nghĩa quan trọng hơn là để gìn giữ “*chứng tích 1 thời*” của sự phát triển liên tục nên kiến trúc- xây dựng nước nhà

*qua các thời kỳ lịch sử*, hay cụ thể hóa là sưu tập gìn giữ “hiện vật gốc” cho bảo tàng kiến trúc Việt Nam

Từ đó, việc xếp hạng “quỹ” không chỉ đơn thuần ở giá trị về kiến trúc- nghệ thuật- kỹ thuật- môi trường cảnh quan.... mà còn xếp hạng ở khả năng bảo tồn- phát triển- phát huy giá trị tiếp theo.... từ đó có định hướng ứng xử thích hợp

- Phân loại “quỹ”:

Đều là “quỹ kiến trúc” nhưng do đặc thù như trên đã trình bày, nên khi đánh giá hay định hướng ứng xử cần phân loại để dễ dàng nghiên cứu xem xét đảm bảo chất lượng, đồng thời có giải pháp tương ứng khả thi vào cuộc sống.

Có thể phân thành các nhóm như sau:

a. Nhóm không gian kiến trúc cảnh quan:

Không gian đô thị- nông thôn được quy hoạch và thực hiện

Cảnh quan mới được tạo lập (nhân tạo) như: quảng trường, công viên....

Cảnh quan thiên nhiên có tác động quyết định của bàn tay con người, như các hồ đập thủy nông, thủy điện.....

b. Nhóm công trình kiến trúc:

Tổ hợp công trình- công trình đơn chiếc với các chức năng khác nhau như công nghiệp, dân dụng....

Công trình kỹ thuật- nghệ thuật có yếu tố kiến trúc như tượng đài, tháp, cầu....

## **THỐNG KÊ DANH MỤC DỰ KIẾN QUỸ KIẾN TRÚC VIỆT NAM THỜI KỲ 1945 -1986**

HỘI KTS VIỆT NAM

VIỆN KIẾN TRÚC

Dự kiến

“QUỸ” KIẾN TRÚC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945- 1986

STT	TÊN CÔNG TRÌNH ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN	TÁC GIẢ	ĐẶC ĐIỂM	GIÁ TRỊ					TÌNH TRẠNG khả năng bảo tồn		
					Lịch sử - văn hóa	KT-QH	Kỹ thuật Công nghệ	Nghệ thuật	Tiên tiến	Không	Có	
											Toàn bộ	1 phần
<b>I</b>	<b>CÔNG TRÌNH ĐẶC BIỆT</b>											
1	Nhà sàn Bác Hồ Ba Đình – Hà Nội	1958	KTS Nguyễn Văn Ninh	Theo mẫu nhà sàn Bác ở chiến khu Việt Bắc. Thiết kế - thi công trong một tháng sàn gỗ, lợp ngói, vệ sinh ngoài nhà. Khuôn viên nhà sàn nằm trong vườn cây Phủ Chủ tịch	×	×	×	×			×	
2	Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh Ba Đình - Hà Nội	Thi công 1973 - 1975	Liên Xô Mêzenxep Ixakovich	Lăng kết hợp với lễ đài. Lễ đài phụ có khoảng 1000 chỗ quảng trường ô cỏ 3,2 ha vật liệu xây dựng góp từ mọi miền tổ quốc. Vật liệu đá ốp được nhập từ Liên Xô Sử dụng kỹ thuật công trình đảm bảo bền vững và an toàn thi hài Bác.	×	×	×	×	×		×	

3	Dinh độc lập Sài Gòn (Hội trường Thống Nhất)	1962 - 1966	KTS Ngô Viết Thụ	Kiến trúc hiện đại – phù hợp với kiến trúc truyền thống nhiệt đới. Quy mô lớn nhất thời bấy giờ. Được xây 3 tầng, bằng bê tông cốt thép và kính (xây dựng trên nền dinh Norodom cũ đã bị phá bỏ) Quy hoạch hoàn chỉnh cảnh quan đẹp	×	×	×	×	×		×	
<b>II KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ</b>												
4	Quảng Trường Ba Đình Hà Nội	1975	Việt Nam- Liên Xô Quảng trường Ixakovich	_ Từ các nút giao thông của các tuyến phố trở thành 1 quảng trường chính trị quốc gia, chức năng kết hợp Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lễ đài, đường duyệt binh diễu hành, quảng trường (3,2 ha với 168 ô cỏ) tập chung quần chúng. _ Với quy hoạch hiện tại phát triển trở thành nơi giao lưu văn hóa cộng đồng, du lịch, tham quan. _ Là Quảng trường độc nhất được xác lập thời kỳ này	×	×	×	×	×		×	
5	Khu tượng đài Lênin- Ba		Liên Xô KT- Ixakovich	Trên Khu đất vườn hoa “canh nông” cũ	×	×	×	×	×		×	

	Đình, Hà Nội		Tượng	Đơn giản, hiện đại, ấn tượng. Xứng đáng là món quà tặng của lịch sử								
<b>III CẢNH QUAN KIẾN TRÚC</b>												
6	Công viên Thống Nhất, Hà Nội (1 thời gian đổi tên là công viên Lênin)	1958-1960	Quy hoạch: Đàm Trung Phường Công cũ và cầu: Nguyễn Ngọc Diệm Công mới: Lê Văn Lân	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Là công viên to lớn, hoàn chỉnh đầu tiên và sớm nhất của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa</li> <li>_ Với hình thức lao động Xã hội Chủ nghĩa (Cán bộ công nhân viên chức)</li> <li>_ Quy mô 50ha, có 2 hồ nước đẹp là hồ 7 mẫu &amp; 3 mẫu hai bên</li> <li>_ Là quần thể khu môi trường, cảnh quan phía nam trung tâm thành phố</li> </ul>	×	×		×			×	
7	Công viên Thủ Lệ, Cầu Giấy, Hà Nội		KTS Lê Văn Lân và Trần Quý Khâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Quần thể hồ Thủ Lệ, Đền Voi Phục, 1 phần có tổ chức vườn thú</li> <li>_ Là nơi sinh hoạt cộng đồng (đặc biệt trẻ em) giá trị</li> </ul>	×	×		×			×	
8	Đường “Thanh Niên”, Hồ Tây- Hà Nội	1958-1960		<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Mở rộng đường Cổ Ngư cũ, ghép nối 2 hồ Tây &amp; Trúc Bạch, bên cạnh quần thể đền Quán Thánh, chùa</li> </ul>	×	×		×			×	

				<p>Trần Quốc..... trở thành điểm nghỉ ngơi, sinh hoạt cộng đồng, du lịch đẹp nhất Hà Nội</p> <p>_ Là khu vực môi trường cảnh quan tây bắc thành phố</p> <p>_ Công trình là công sức lao động XHCN của học sinh, sinh viên</p>								
9	Thủy điện Thác Bà, Yên Bái	1964-1972	Liên Xô	<p>_ Là thủy điện đầu tiên phục vụ cho Thủ Đô và đồng bằng sông Hồng, điều chỉnh lũ</p> <p>_ Có hồ và cảnh quan đẹp, trở thành nơi phục vụ du lịch sinh thái</p>	×	×		×	×		×	
10	Thủy điện Hòa Bình Sông Đà, Hòa Bình Lắp sông Đà lần 1 năm 1983 Lắp sông Đà lần 2 năm 1986	1979	Liên Xô (800 chuyên gia)	<p>_ Hàng đầu về độ phức tạp, thứ 5 thế giới về công trình ngầm (nhà máy ở trong núi) quy mô thế kỷ.</p> <p>_ Hồ chứa rộng gần 1km, dài 230km tưới tiêu, chống lũ hạ lưu</p> <p>_ Thủy sản, khai thác du lịch</p> <p>_ Nơi đào tạo đội ngũ Việt Nam ⇒ tự lực</p>	×	×	×	×	×		×	

				đảm nhận kế tiếp								
11	Thủy điện Trị An, sông Đồng Nai	1983-1988	Liên Xô	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Tại chiến khu D</li> <li>_ Công trình có ý nghĩa lịch sử, cảnh quan công trình đầu tiên ở miền Nam do chế độ ta xây dựng</li> </ul>	×	×		×	×		×	
12	Thủy điện Đa Nhim	Năm 1962-1964	Nhật Bản	Thủy điện đầu tiên ở miền Nam của chế độ cũ xây dựng- cảnh quan đẹp, ồng dẫn	×	×	×	×	×		×	
13	Đập thủy nông Bắc Hưng Hải (Hưng Yên)	Năm 1958-1960		Công trình thủy nông lớn nhất và đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (đại công trường XHCN)	×	×		×				×
14	Hồ thủy nông Núi Cốc Thái Nguyên			<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Công trình thủy nông trung du, nhân tạo có cảnh quan đẹp</li> <li>_ Trở thành nơi du lịch nghỉ ngơi</li> </ul>	×	×	×	×			×	
<b>IV</b>	<b>CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP</b>											
15	Nhà máy chè Phú Thọ	1955	Liên Xô	Hình ảnh kiến trúc công nghiệp đầu tiên: sạch sẽ, đẹp đẽ, tiện nghi cho công nhân mang tính chất đồng bộ	×	×	×					×
16	Nhà máy điện	1957-	Liên Xô	Nhà máy đầu tiên của								

17	Lao Cai Nhà máy điện Uông Bí, Quảng Ninh	1959	Liên Xô	chế độ ta xây dựng mới, phục vụ khu công nghiệp  Công trình trọng điểm CN 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965) 1973 hoàn thành đợt Là công trình phục vụ thời chiến	×	×	×						×
18	Nhiệt điện Ninh Bình	Năm 1969- 1974	Trung Quốc		×	×							×
19	Nhiệt điện Phả Lại, Hải Dương	1980- 1986		_ lớn vị trí thứ 10 Đông Nam Á _ sử dụng CN sạch bụi (lọc bằng tĩnh điện), ống khói cao 105m.	×	×	×						×
20	Khu công nghiệp Việt Trì, Lâm Thao- Vĩnh Phúc	1959- 1962	Liên Xô	Phục vụ nông nghiệp (Suppe Phốt Phát, phân lân lớn nhất bảy giờ)	×	×							×
21	Khu gang thép Thái Nguyên	Năm 1966	Trung Quốc	_ Quy mô 300ha  _ Khu công nghiệp nặng quy mô đầu tiên Việt Nam, phát triển thành đô thị sau này	×	×	×						×
22	Khu cơ khí Cẩm Phả, Quảng Ninh	Năm 1977- 1978	Liên Xô	Cơ khí mở quy mô nhất và hiện đại nhất miền Bắc bảy giờ	×	×	×						×

23	Khu kỹ nghệ Biên Hòa, Đồng Nai	1963	Sonadezi quản lý	Quy mô 511ha. Đến năm 1975 đã có 62/95 nhà máy hoạt động- Khu công nghiệp của miền Nam cũ	×	×	×						×
24	Nhà máy xi măng Bim Sơn, Thanh Hóa	1976-1985	Liên Xô (300 chuyên gia)	_ Công nghiệp ướt _ Nhà máy sản xuất xi măng lớn đầu tiên, xây dựng mới đông bộ, phát triển khu đô thị	×	×	×						×
25	Xi măng Hoàng Thạch, Hải Dương	1977-1983	Đan Mạch (Thiết bị)	_ Công nghiệp khô _ Nhà máy sản xuất xi măng lớn đầu tiên, xây dựng mới và đồng bộ	×	×	×						×
26	Nhà máy bê tông Chèm, Hà Nội			Nhà máy đầu tiên sản xuất cầu kiện xây dựng (công nghiệp hóa xây dựng) phát triển, nòng cốt lâu dài	×	×	×						×
27	Nhà máy xi măng Hà Tiên-Pháp mở rộng	Năm 1960-1964-1978		_ Công nghiệp khô _ Cơ sở sản xuất xi măng lớn nhất, hiện đại ở miền Nam	×	×	×						×
28	Nhà máy dệt 8/3	1960-1965		Được xây dựng từ nguồn vốn góp trái phiếu của phong trào phụ nữ.	×	×							×

29	Nhà máy in Tiền Bộ, Hà Nội		CHDC Đức	Nhà máy in lớn nhất miền Bắc (xây dựng trên đất nhà tù cũ)	×	×	×					×
30	Nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phú	1979- 1983	Thụy Điển	_ Nhà máy giấy lớn nhất, hiện đại nhất mang tầm quốc tế lúc đó. _ Phát triển đồng bộ- khu đô thị	×	×	×					×
31	Tháp truyền hình Tam Đảo, Vĩnh Yên	1976	Thiết kế: viện thiết kế Xây lắp: công ty lắp máy- bộ xây dựng	Cao 96m, cột 1250m, là công trình biểu tượng đẹp	×	×	×	×			×	
32	Công trình đài hoa sen, Vĩnh Yên		Nguyễn Đức Cần	Công nghệ truyền hình mới, thu vệ tinh	×	×	×	×			×	
<b>V</b>	<b>NHÀ Ở</b>											
33	Khu nhà tập thể Hàm Tử Quan- Hà Nội (Khu tập thể bờ sông)	Năm 1958	Trần Hữu Tiềm	Nhà ở cho cán bộ công nhân viên cq mới xây dựng (cho cán bộ tiếp quản), nhà gỗ 2 tầng tường chèn gạch, lợp ngói, thang bên khu phụ chung	×	×	×					×
34	Khu tập thể	1960	Nguyễn Ngọc	_ Trên đất nghĩa địa Tây cũ, 6ha. Là khu	×	×						×

	Nguyễn Công Trứ, Hà Nội		Diện	nhà tập thể gia đình đầu tiên 4 tầng (xây gạch, lợp ngói) _ Nhà kiểu đơn nguyên, căn hộ 20-24m <sup>2</sup> , chung khu phụ, tương đối đầy đủ hạ tầng xã hội (nhà ăn, bách hóa, cửa hàng lương thực thực phẩm, mẫu giáo).								
35	Khu tập thể Kim Liên, Hà Nội (giai đoạn 1)	Năm 1959-1963	_ Quy mô 24ha/140, giai đoạn 1 gồm: Khu A (nhà chuyên gia)	_ Mô hình “tiểu khu nhà ở” Xã hội Chủ nghĩa đầu tiên _ Quy mô 24ha/140, giai đoạn 1 gồm: Khu A (nhà chuyên gia) Khu B (B1- B14) _ Đồng bộ từ đầu tư, thiết kế quy hoạch, công trình, xây dựng Đồng bộ cả hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội _ Mô hình cư trú mới ở đô thị đáp ứng hiện tại đồng thời phù hợp định phát triển _ Căn hộ ghép (bán khép kín) 18-22 m <sup>2</sup> đơn nguyên, hành lang bên thông thoáng.	×	×	×	×	×			×

				<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Nhà 4 tầng, công nghiệp thí điểm block ít thép, sàn cánh chim (thiết kế Triều Tiên), mái 2 lớp chống nhiệt</li> <li>_ Môi trường cảnh quan rộng thoáng, hồ, cây xanh, sân thể thao, vườn hoa.... kang trang</li> <li>_ Có khu xử lý nước thải riêng</li> <li>_ Được Bác Hồ đến thăm 1960 (định hình cơ bản)</li> <li>_ Các khu C, D.... tiếp theo tuân thủ quy hoạch nhà mẫu kiến trúc khác.</li> </ul>								
36	Tiểu khu nhà ở Trung Tự, Hà Nội	Sau 1972	Viện thiết kế nhà ở Hà Nội mẫu TL KTS Phạm Sỹ Liêm, Trương Tùng	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Quy m ô 15ha, đồng bộ như khu Kim Liên</li> <li>_ Mở đầu công nghiệp hóa xây dựng của Hà Nội</li> <li>_ Lắp ghép tấm lớn của Việt Nam nghiên cứu. Công trình nhà 5 tầng, có hành lang bên, đơn nguyên</li> <li>_ Căn hộ khép kín 21, 24, 25 m<sup>2</sup></li> <li>_ Cầu thang có vệt dặt xe</li> </ul>	×	×	×					×

				<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Mô hình này đã được ứng dụng tiếp theo cho khu Khương Thượng, Thành Công, Giảng Võ....</li> </ul>									
37	Khu nhà ở Giảng Võ, Hà Nội	1976-1982		<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Quy mô 18ha, đồng bộ như khu Trung Tự</li> <li>_ Sử dụng phương pháp đào hố đắp nền tại chỗ hố, tạo được cảnh quan đẹp, cạnh khu trung tâm triển lãm quốc gia</li> <li>_ Nhà 5T, mẫu TL-71, TL-73</li> <li>_ Trong khu ở có nhà ở cao tầng (11 tầng) đầu tiên ở Hà Nội 1975 do KTS Huỳnh Thanh Xuân thiết kế</li> </ul>	×	×	×	×	×				×
38	Khu nhà ở Thanh Xuân Bắc (giai đoạn 1) Hà Nội	1978-1980	Liên Xô, Viện thiết kế Bộ Xây Dựng Mẫu. KTS Ngô Quang Sơn	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Khu chung cư đầu tiên đồng bộ áp dụng lắp ghép tấm lớn (Việt Nam và Liên Xô hợp tác) TC 6m<sup>2</sup>/người</li> <li>_ Có tính đến chống động đất</li> <li>_ Nhà 5T, đơn nguyên, căn hộ độc lập khép kín</li> <li>_ Cấu kiện chủ yếu do nhà máy bê tông Xuân</li> </ul>	×	×	×	×	×				×

39	Khu nhà ở công nhân dệt Nam Định			Mai cung cấp	×	×						×
40	Khu nhà ở Quang Trung Vinh -Nghệ An	1974-1980	CN CHDC Đức	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ “Tiểu khu nhà ở” đồng bộ áp dụng công nghiệp tầm vừa</li> <li>_ Kiến trúc của khu nhà ở thoáng mát, phù hợp khí hậu địa phương</li> </ul>	×	×	×		×			×
41	Khu nhà ở Ngoại Giao Đoàn Vạn Phúc- Hà Nội Vạn Phúc 1	1965-1970	KTS Nguyễn Trục Luyện Nguyễn Kim, Nguyễn Văn Oanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Khu nhà cho người nước ngoài (các Đại Sứ Quán) tiêu chuẩn cao, ở theo kiểu Châu Âu, căn hộ 3-4 phòng. Nhà 4 tầng</li> <li>_ Kiến trúc đẹp, hiện đại phù hợp khí hậu</li> </ul>	×	×	×	×	×			×
42	Cư xá Thanh Đa, Sài Gòn	1968-1972	TC gia cư Bộ GTCC Sài Gòn	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Quy mô 36ha, 30 nhà 5T (gồm 4000 căn)</li> <li>_ Đồng bộ khu nhà ở cho nhân viên chính quyền Sài Gòn (trường học, chợ, HC, bưu điện, hộ sinh, TT...)</li> <li>_ Bê tông toàn khối, có sân trong ghép giữa 2 nhà</li> </ul>	×	×						×

43	Làng ĐH Thủ Đức			Khu biệt thự cao cấp (> 670 biệt thự) cho các giáo sư, giảng viên	×	×		×				×
<b>VI TRƯỜNG HỌC</b>												
44	Trường Nguyễn Ái Quốc (Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) Hà Nội	1957-1960	KTS Nguyễn Ngọc Chân, Trần Hữu Tiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Là quần thể 1 trường cao cấp đồng bộ và lớn thời bấy giờ</li> <li>_ Công trình cao 2-3 tầng, Hội trường lớn, nhà gạch, thi công thủ công, đổ vì kèo bê tông tại chỗ</li> <li>_ Quy hoạch phù hợp phát triển lâu dài</li> </ul>	×	×	×	×				×
45	Học viện Thủy Lợi Hà Nội	Năm 1958	KTS Đoàn Văn Minh	Tổ hợp trường Đại học quy mô đồng bộ, đặc thù chuyên ngành nhà 5 tầng, gạch là chủ yếu, quy hoạch hoàn chỉnh, phát triển lâu dài	×	×		×				×
46	Đại học Nông Lâm											
47	Đại học Bách Khoa Hà Nội	Năm 1961-	Liên Xô	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Khu Đại học mới do Liên Xô thiết kế</li> </ul>	×	×	×	×				×

	(Khu đất Việt Nam học xá cũ)	1965		đồng bộ, hiện đại thời bấy giờ _ Theo lối kiến trúc chuyên thể								
48	Đại học Sư Phạm Hà Nội Nhà chính (giai đoạn sau)		KTS Hà Đức Linh	_ Nhà cao tầng đầu tiên trong khu _ Sử dụng hoàn thiện đá rữa.	×	×	×	×				×
49	Khoa Pháp Đ H Sư Phạm Hà Nội	Năm 1984	Pháp	_ Tổ hợp kiến trúc thấp tầng, phân tán nổi nhà cầu _ Môi trường cảnh quan phù hợp khí hậu, kiến trúc mới	×	×	×	×				×
50	Đại học Hàng Hải Hải Phòng (giai đoạn 1)		KTS Lương Anh Dũng	Tổ hợp công trình đồng bộ đặc thù chuyên ngành, là công trình có kiến trúc hiện đại lúc bấy giờ	×	×						×
51	Đại học Y khoa Sài Gòn				×	×						×
52	Đại học Thủ Đức											
53	Đại học Cần Thơ											
54	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng				×	×	×	×				×
55	Đại học Sư phạm Huế	Năm 1960	KTS Ngô Viết Thụ	_ Quy hoạch khác lạ, ấn tượng, kiến	×	×	×	×	×		×	

56	Trường Tiểu học, Trung học các tiểu khu nhà ở Kim Liên, Trung Tự hoặc xây dựng trong nội thị			trúc phù hợp khí hậu, hiện đại lúc bấy giờ _ Sử dụng bê tông cốt thép- kết cấu mới  Theo đúng nguyên lý, tiêu chuẩn, vẫn phù hợp hiện nay	×	×	×						×
57	Trường PTCS Angieri Khu nhà ở Thanh Xuân, Hà Nội	1980	KTS Cao Xuân Lê	_ Thay đổi không gian _ Kiến trúc hiện đại, có đặc tính	×	×							×
58	Trường THPT Amsterdam cũ	1984	KTS Nguyễn Văn Thành		×	×							×
59	Nhà trẻ, mẫu giáo các tiểu khu nhà ở đồng bộ hoàn chỉnh Kim Liên, Trung Tự	Từ 1960		Theo đúng nguyên lý, tiêu chuẩn, vẫn phù hợp với nhu cầu sử dụng của ngày nay	×	×	×						×
<b>VII</b>	<b>NHÀ LÀM VIỆC</b>												
60	Trụ sở Tổng cục thống kê, Ba Đình, Hà Nội (Bộ Kế hoạch & Đầu tư)	1960	KTS Đoàn Văn Minh	Nhà gạch 5 tầng, hình cong tạo đế	×	×							×

61	Trụ sở Ban Trị thủy sông Hồng, Hà Nội (Trụ sở Bộ Xây dựng)	1958-1960	Nguyễn Ngọc Chân	_ Xây dựng trên bãi rác thành phố _ Cảnh công viên Thống Nhất _ Nhà A (1958-1960), Nhà B (1960- 1962) 4 tầng _ Nhà nổi (1972)	×	×							×
62	Trụ sở Ủy ban Khoa học Xã hội, Trần Xuân Soạn Hà Nội				×	×							×
63	Trụ sở Bộ Lâm Nghiệp, Lò Đúc, Hà Nội		Trung Quốc		×	×							×
64	Viện Khoa học Việt Nam (giai đoạn 1), Nghĩa Đô, Hà Nội		Liên Xô	Kiến trúc hiện đại, phù hợp khí hậu, cao 2-3 tầng (Các viện chuyên ngành xây dựng sau đều do Việt Nam thiết kế)	×	×							×
65	Tổ hợp Trụ sở Khu Ủy Việt- Bắc		KTS Vương Quý Mỹ, Huỳnh Sam		×	×							×
66	Tổ hợp trụ sở khu Tây Bắc – Sơn La	Năm 1960 - 1961			×	×							×

67	Ngân hàng Việt Nam Thương Tín, Sài Gòn		KTS Nguyễn Quang Nhạc		×	×	×						×
68	Viện hạt nhân Đà Lạt, Lâm Đồng	Năm 1962-1965	KTS Ngô Viết Thụ	Cơ sở hạt nhân đầu tiên, có kiến trúc đặc thù	×	×	×	×	×				×
<b>VIII NHÀ KHÁCH CHUYÊN GIA- KHÁCH SẠN</b>													
69	Nhà khách Hạ Long, Bãi Cháy, Quảng Ninh		KTS Vương Quốc Mỹ	Nhà khách 7 buồng, theo địa hình vách núi	×	×							×
70	Nhà khách Bái Tử Long, Quảng Ninh		KTS Nguyễn Ngọc Chân	Cho khách nước ngoài	×	×							×
71	Nhà khách chuyên gia vị hoàng- Nam Định		KTS Trần Đức Nhuận	Nhà chuyên gia khu Công nghiệp dệt Nam Định	×	×							×
72	Nhà khách chuyên gia Việt Trì		KTS Trần Đức Nhuận	Cho chuyên gia khu Công nghiệp Việt Trì	×	×							×
73	Nhà khách Thái Nguyên		KTS Nguyễn Trục Luyện	Cho chuyên gia khu gang thép	×	×							×
74	Nhà khách Thái Bình		KTS Huỳnh Lâm	Nhà khách chuyên gia (Nhà khách khu tự trị Việt Bắc)	×	×							×

75	Nhà nghỉ Công đoàn BXD, Sầm Sơn, Thanh Hóa Nhà nghỉ công đoàn		KTS Phạm Sỹ Chức		×	×						×
76	Bãi Cháy, Quảng Ninh	Năm 1970	KTS Trần Gia Khiêm	Công trình cao 5- 6 tầng, hiện đại, theo địa hình ven núi, có cảnh quan đẹp	×	×	×	×				×
77	Nhà nghỉ công đoàn Đà Lạt		KTS Đặng Việt Nga	Kiến trúc đặc thù, hòa nhập cảnh quan	×	×		×				×
78	Nhà khách Liễu Giai, Hà Nội	Năm 1973-1975	KTS Diêu Công Tuấn	_ Nhà Khách bổ sung cho khu Bắc Bộ phủ _ Công trình bị cắt xén do thiếu kinh phí 5/7 tầng	×	×						×
79	Nhà khách chính phủ (mở rộng Bắc bộ Phủ) Ngô Quyền, Hà Nội			_ Lần đầu được trang trí mặt ngoài kiến trúc dung vật liệu gốm								
80	Khu biệt thự TW Hồ Tây			Biệt thự cho khách của nhà nước & TW	×	×		×				×
81	Khu biệt thự Đồ Sơn, Hải Phòng Biệt thự 17, 18, 19, 20		KTS Trương Chí Lượng, Nguyễn Đức Cần	Biệt thự cho lãnh đạo nhà nước, TW nghỉ và làm việc	×	×		×				×
82	Ks. Hải Âu I Ks. Hải Âu II		KTS Vương	_ Nhà nghỉ cho cán bộ hội nghị và	×	×		×				×
					×	×		×				×

83	Khách sạn Thăng Lợi, Hồ Tây	Năm 1975	Quốc Mỹ, Trần Gia Khiêm  _ CuBa _ KTS. _ Quintana _ Tr. Đức Duyệt _ Nguyễn Huỳnh	chuyên gia TW  _ Được gọi là khách sạn hoàn chỉnh, đẳng cấp đầu tiên xây dựng mới _ Công trình phân tán, hài hòa môi trường cảnh quan _ Quà tặng của Chủ tịch Cuba Fidel Castro	×	×	×	×	×			×	
84	Khách sạn Hữu nghị Hải Phòng	Năm 1978	KTS Lương Anh Dũng	_ Mở rộng kết hợp nhà cũ _ Cao tầng (12) đầu tiên Hải Phòng, hiện đại thời bấy giờ	×	×	×	×					×
85	Khách sạn Hương Giang, Huế		KTS Ngô Viết Thụ	Phân tán, thấp tầng, hòa nhập môi trường cảnh quan bờ sông Hương	×	×	×	×				×	
86	Khách sạn Canavelle Sài Gòn	Năm 1950-1960	KTS Masso	Công trình cao tầng, hiện đại thời bấy giờ	×	×						×	
87	Khách sạn Palacce Nguyễn Huệ, Sài Gòn	1950-1960		Công trình cao 15 tầng. Khách sạn cao nhất Sài Gòn trước năm 1975, Công trình đầu tiên có bể	×	×	×	×				×	

				boi trên mái. Là công trình có kiến trúc hiện đại thời bấy giờ								
<b>IX</b>	<b>CÔNG TRÌNH Y TẾ</b>											
88	Bệnh viện Ưng Bí 1			Bệnh viện có 150 giường, bệnh viện miền núi hoàn chỉnh đầu tiên phục vụ cho khu công nghiệp	×	×						×
89	Bệnh viên đa khoa Hải Hưng, Hải Dương	Năm 1972-1975	KTS Nguyễn Thúc Hoàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Bệnh viện tuyến tỉnh 500 giường</li> <li>_ Công trình hoàn chỉnh đồng bộ đầu tiên, xây dựng nhanh, hiện đại, theo nguyên lý quốc tế</li> <li>_ Là công trình hợp khối đầu tiên</li> <li>_ Được Hội đồng nhà thờ thế giới viện trợ trang thiết bị y tế</li> </ul>	×	×	×					×
90	Bệnh viện đa khoa Yên Mô, Ninh Bình	Năm 1972-1975	KTS Nguyễn Trung	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Bệnh viện tuyến huyện 200 giường</li> <li>_ Công trình hoàn chỉnh, đồng bộ đầu tiên</li> <li>_ Hội đồng nhà thờ thế giới viện trợ</li> </ul>	×	×	×					×

91	Bệnh viện nhi Hải Phòng	Năm 1975	KTS Phạm Sỹ Chức	trang thiết bị y tế Bệnh viện chuyên khoa Nhi hoàn chỉnh, đồng bộ đầu tiên	×	×	×						×
92	Bệnh viện Đông y Hà Nội		KTS Nguyễn Châu Loan	Bệnh viện chuyên khoa Đông Y hoàn chỉnh, đồng bộ	×	×							×
93	Bệnh viện đa khoa Thanh Nhân, Hà Nội	Năm 1982	KTS Trần Thị Ninh	Bệnh viện đa khoa tuyến quận hoàn chỉnh đồng bộ đầu tiên Hà Nội	×	×							×
94	Bệnh viện Phụ sản Hà Nội	Năm 1979	Liên Xô	Quà tặng của Hội Phụ nữ dân chủ thế giới	×	×							×
95	Bệnh viện nhi TW- Hà Nội (Ô lớp panmơ)	Năm 1975	Thụy Điển	_ Quà tặng của Thủ tướng Thụy Điển _ Bệnh viện hiện đại, đồng bộ hoàn chỉnh hợp khối cao tầng đầu tiên (8T). 5000 giường _ Trên khu trũng, đất lấp lấy từ công trường xây dựng Lăng Bác	×	×	×		×				×
96	Bệnh viện Chợ Rẫy- Sài Gòn		Nhật Bản Takeo Sato	Công trình hợp khối, hiện đại (công nghiệp, vật liệu)	×	×	×		×				×

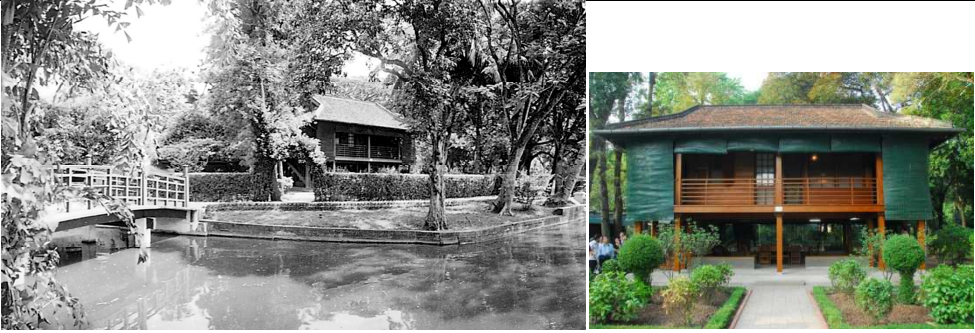


97	Bệnh viện Vì Dân	Năm 1974	Trần Đình Quyền	cao tầng chất lượng cao	×	×	×						×
98	Bệnh viện TW Huế	1973-1975	Trần Đình Quyền	Hiện đại, phù hợp cảnh quan Thành Phố	×	×	×						×
X	<b>CÔNG TRÌNH VĂN HÓA- DỊCH VỤ</b>												
99	Triển lãm quốc gia Giảng Võ, Hà Nội (giai đoạn đầu)	Năm 1976	KTS Vương quốc Mỹ	Nhà trung tâm Khẩu độ lớn đầu tiên	×	×	×						×
100	“Nhà hát” Lam Sơn, Thanh Hóa		KTS Lê Đình Nhân	Công trình văn hóa cấp tỉnh quy mô, ta thiết kế xây dựng	×	×							×
101	Nhà văn hóa thiếu nhi Hà Nội	Năm 1974-1977	KTS Lê Văn Lân	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Trên đất Âu Trĩ viên cũ</li> <li>_ Đoàn thanh niên</li> <li>_ Tiệp Khắc ủng hộ trang thiết bị</li> <li>_ Là công trình hiện đại bấy giờ, đẹp, phù hợp môi trường cảnh quan, phù hợp khí hậu, chức năng tốt, cao 5 tầng, có thang máy đầu tiên (xây dựng mới)</li> </ul>	×	×	×	×	×			×	
102	Cung văn hóa hữu nghị Việt Xô	Năm 1985	Liên Xô Ixakovich	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Công đoàn Liên Xô tặng (mẫu)</li> <li>_ Công trình đồng</li> </ul>	×	×	×	×	×			×	




				bộ, hiện đại, quy mô bảy giờ (1200 chỗ) _ Có kiến trúc đặc thù								
103	Nhà văn hóa thiếu nhi Thái Nguyên	Năm 1980	KTS Tạ Trường Xuân	Là công trình hiện đại bảy giờ ở địa phương	×	×						×
104	Nhà văn hóa công nhân Hòn Gai-Quảng Ninh		Nhật	Công đoàn Nhật Bản tặng	×	×	×		×			×
105	Bảo tàng Mỹ thuật Quốc Gia- Hà Nội	Năm 1968-1970	Họa sĩ: Nguyễn Đỗ Cung	Công trình hiện đại truyền thống	×	×	×	×			×	
106	Bảo tàng Hồ Chí Minh, Ba Đình, Hà Nội		Liên Xô Ixakovich	_ Trong tổ hợp khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Ba Đình Hà Nội _ Công trình hiện đại, đặc thù (cả về trưng bày, cả về kiến trúc)	×	×	×	×	×		×	
107	Bảo tàng Việt Bắc Thái Nguyên	Năm 1962-1963	KTS Hoàng Như Tiếp	_ Khu tự trị Việt Bắc cũ _ Công trình hiện đại, bản sắc môi trường cảnh quan đẹp	×	×	×	×			×	
108	Bảo tàng Hùng Vương, Phú Thọ	Năm 1985	KTS Tạ Mỹ Duật, Vương	Trong khu di tích đền Hùng, công trình nhỏ, hiện đại	×	×		×	×		×	

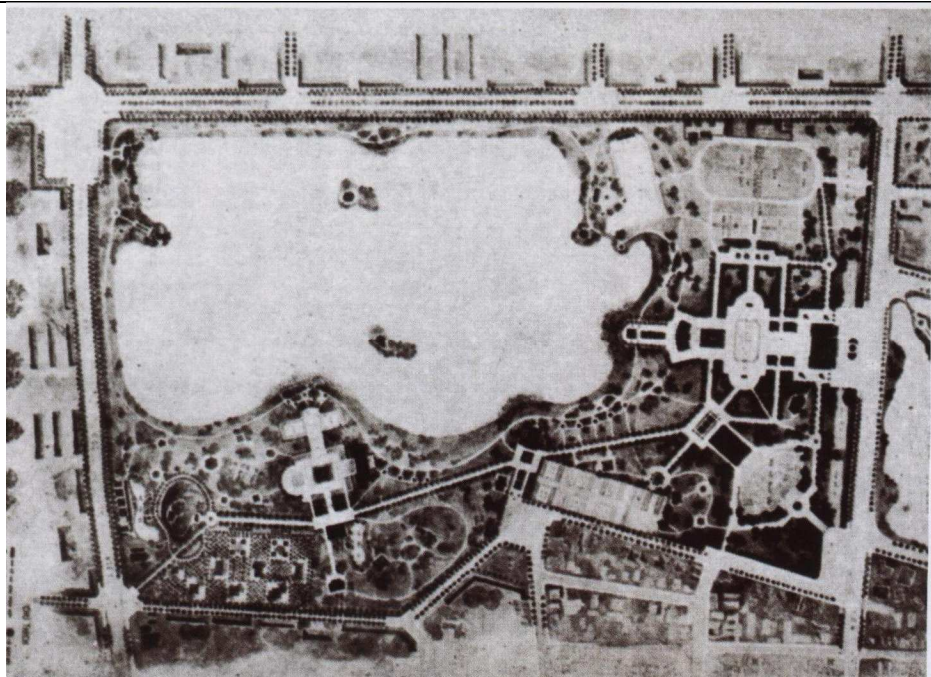
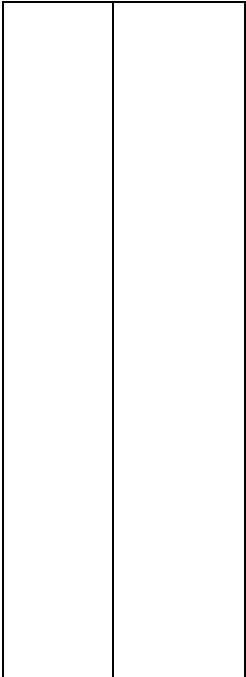
109	Bảo tàng Cổ vật – Nam Định	Năm 1970	Văn Lai KTS Nguyễn Cao Luyện	Là công trình mở đầu cho trường phái biểu hiện ở trong nước.	×	×	×	×	×		×	
110	Bưu điện trung tâm Hà Nội	Năm 1975	KTS Nguyễn Kim	<ul style="list-style-type: none"> <li>_ Công trình được mở rộng trên khu đất cũ, nhà chính nằm trên móng công trình cũ, cao 5 tầng</li> <li>_ Là công trình đàn đầu tiên ứng dụng kết cấu vỏ móng, tạo không gian lớn (vòm 13,5m)</li> <li>_ Trang bị được CHDC Đức viện trợ</li> </ul>	×	×	×					×
111	Nhà hát Hòa Bình Q10 TP. Hồ Chí Minh	Năm 1978 - 1980	KỸ Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Thành Thê	Là công trình mới hiện đại bằng gỗ	×	×	×					×
112	Thư viện quốc gia Sài Gòn	Năm 1968-1972	KTS Nguyễn Hữu Thiện, Bùi Quang Hanh	Trên đất nhà tù cũ, hiện đại, hợp khối cao tầng, phù hợp khí hậu, khai thác truyền thông	×	×	×	×			×	

113	Chợ Đà Lạt	Năm 1960- 1965	KTS Huỳnh Kim Mảng	Công trình phù hợp với địa hình, kiến trúc đơn giản, hiện đại								
114	Chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn	Năm 1964- 1971	KTS Nguyễn Bá Lăng	Là công trình có quy mô, sử dụng bê tông cốt thép thay gỗ	×	×	×	×				×
115	Nhà thờ Đức mẹ Hàng cửi thế Huế	Năm 1958	KTS Nguyễn Mỹ Lộc	Kiến trúc độc đáo, khai thác tính bản địa	×	×	×	×				×
116	Nhà thờ Liên Khương, Lâm Đồng	Năm 1980	Đặng Việt Nga	Kiến trúc hiện đại, theo trường phái phá thể	×	×		×				×

# HÌNH ẢNH CÔNG TRÌNH QUY KIẾN TRÚC GIAI ĐOẠN 1945 -1986




Số công trình	Tên công trình	Hình ảnh
<b>I</b>		
<b>CÔNG TRÌNH ĐẶC BIỆT</b>		
1	Nhà sàn Bác Hồ Ba Đình – Hà Nội	
2	Lăng chủ tịch Hồ Chí Minh Ba Đình - Hà Nội	
3	Dinh độc lập Sài Gòn (Hội trường Thống Nhất)	




<b>II</b>		<b>KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ</b>
4	Quảng Trường Ba Đình Hà Nội	
5	Khu tượng đài Lênin-Ba Đình, Hà Nội	
<b>III</b>		<b>CẢNH QUAN KIẾN TRÚC</b>
6	Công viên Thống Nhất, Hà Nội	


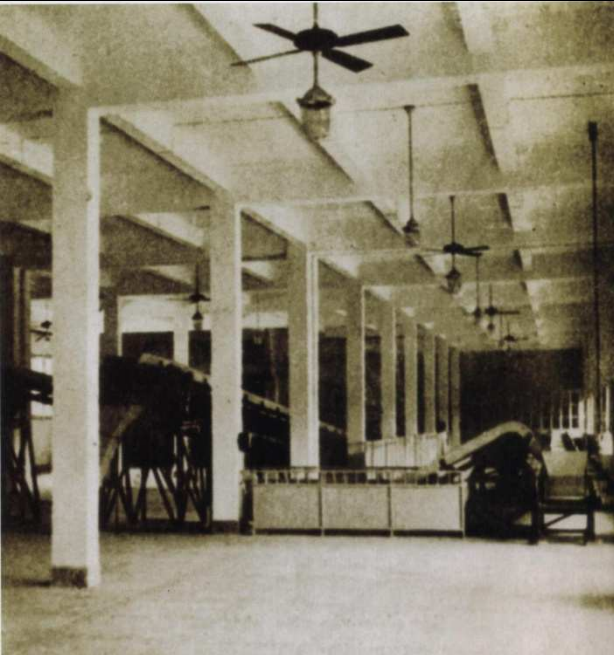
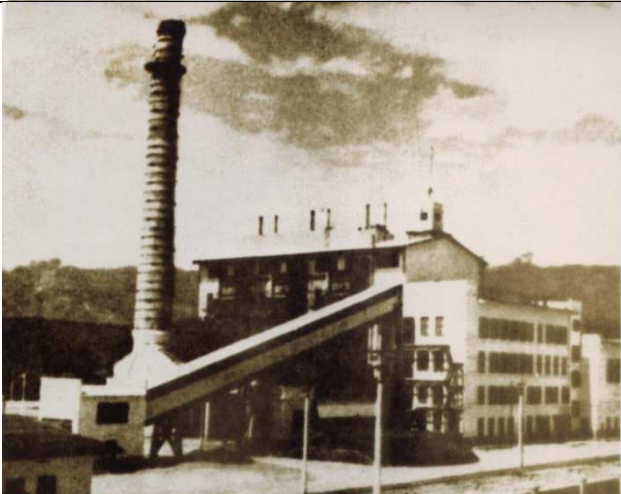






7  
Công viên  
Thủ Lệ,  
Cầu  
Giấy,  
Hà Nội


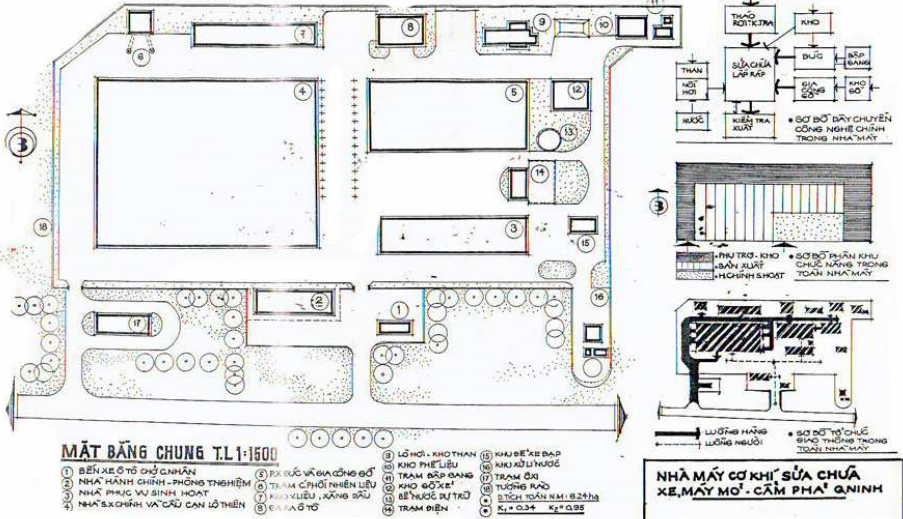





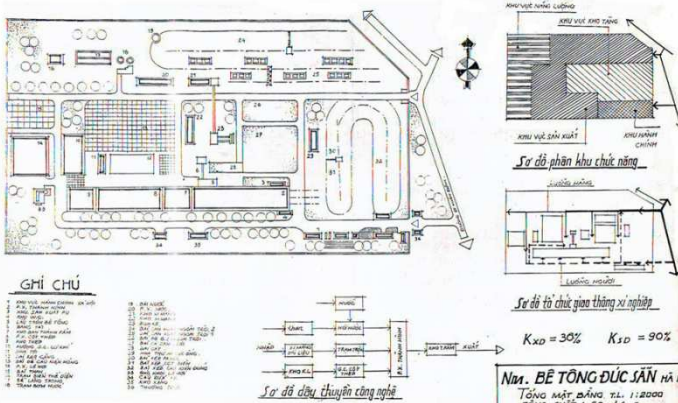

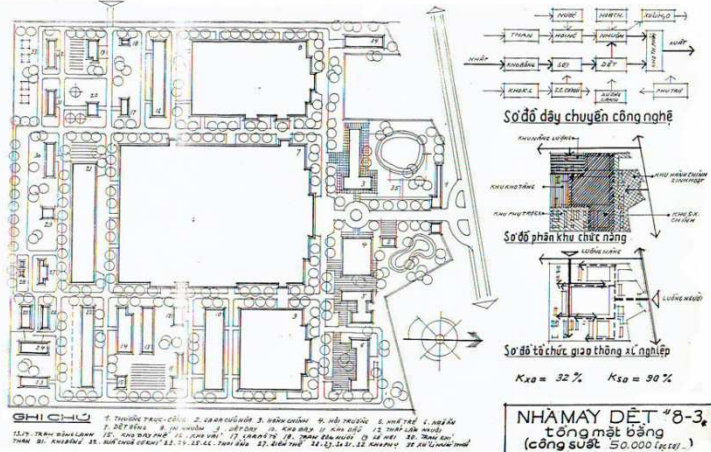
<p>8</p>	<p>Đường “Thanh Niên”, Hồ Tây- Hà Nội</p>	
<p>9</p>	<p>Thủy điện Thác Bà, Yên Bái</p>	
<p>10</p>	<p>Thủy điện Hòa Bình Sông Đà, Hòa Bình</p>	




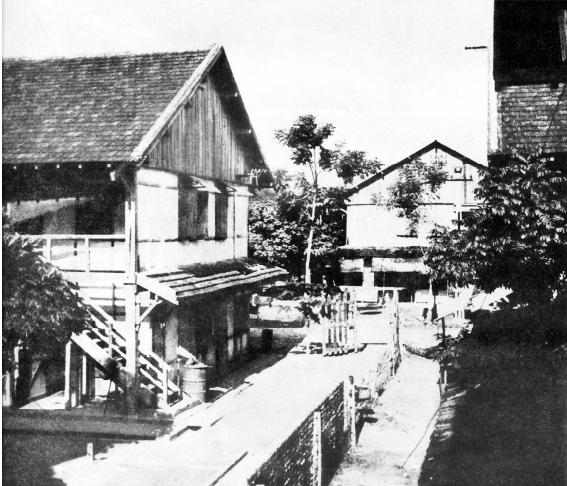
<p>11</p>	<p>Thủy điện Trị An, sông Đồng Nai</p>	
<p>12</p>	<p>Thủy điện Đa Nhim</p>	
<p>13</p>	<p>Đập thủy nông Bắc Hưng Hải (Hưng Yên)</p>	

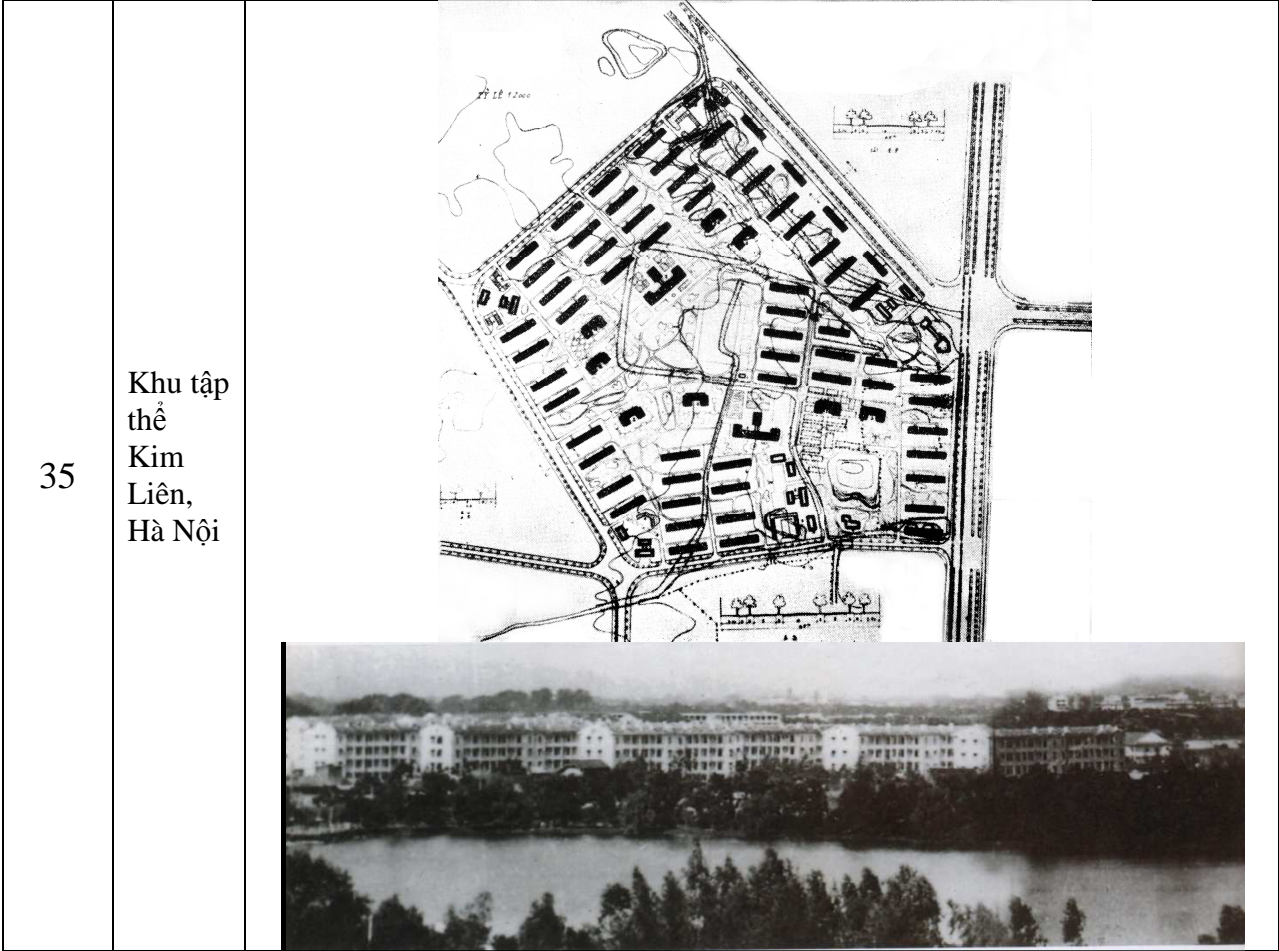
14	Hồ thủy nông Núi Cốc Thái Nguyên	
<b>IV</b>		<b>CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP</b>
15	Nhà máy chè Phú Thọ	
16	Nhà máy điện Lao Cai	

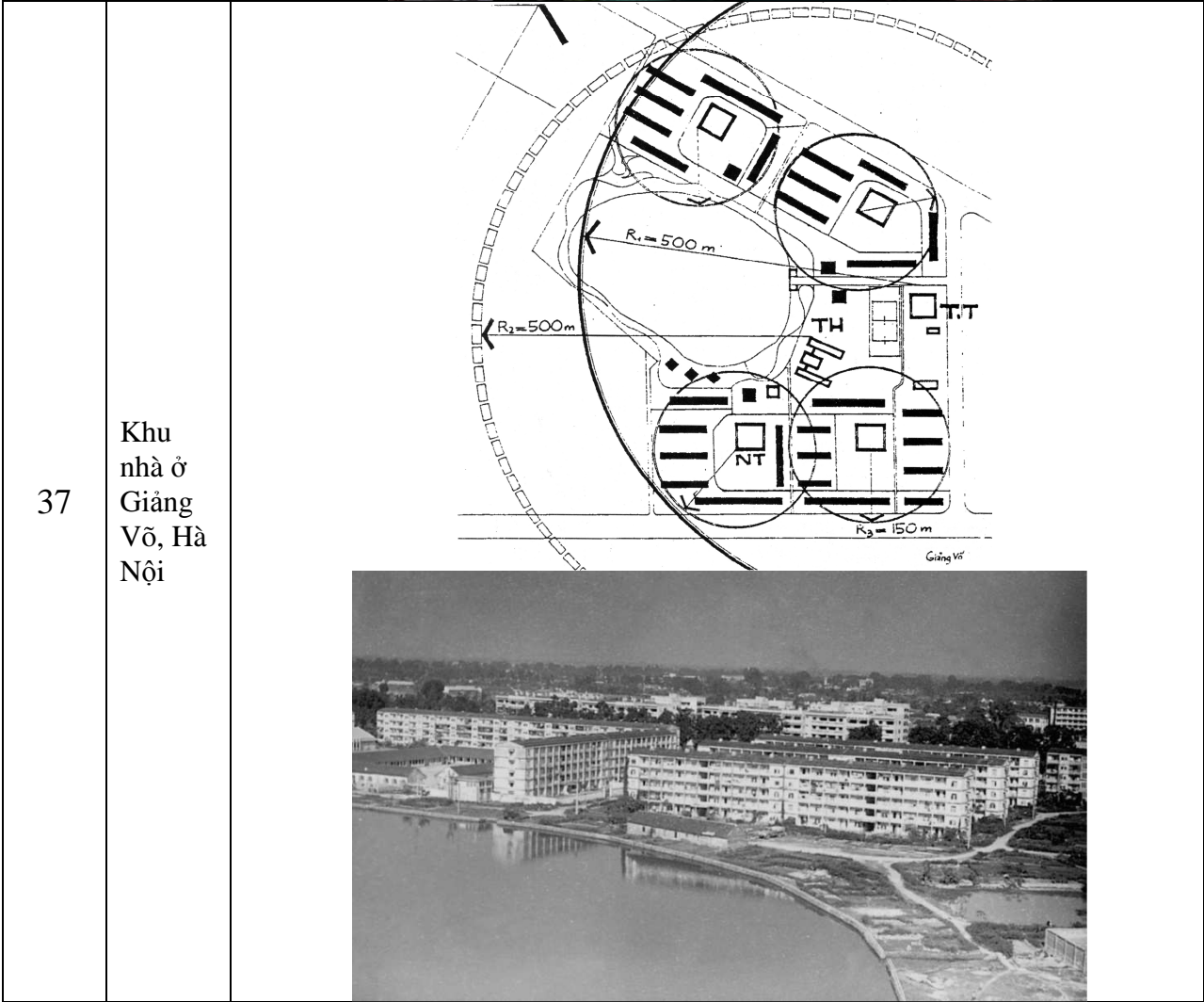
17	Nhà máy điện Uông Bí, Quảng Ninh	
18	Nhiệt điện Ninh Bình	
19	Nhiệt điện Phả Lại, Hải Dương	
20	Khu công nghiệp Việt Trì, Lâm Thao-Vĩnh Phú	

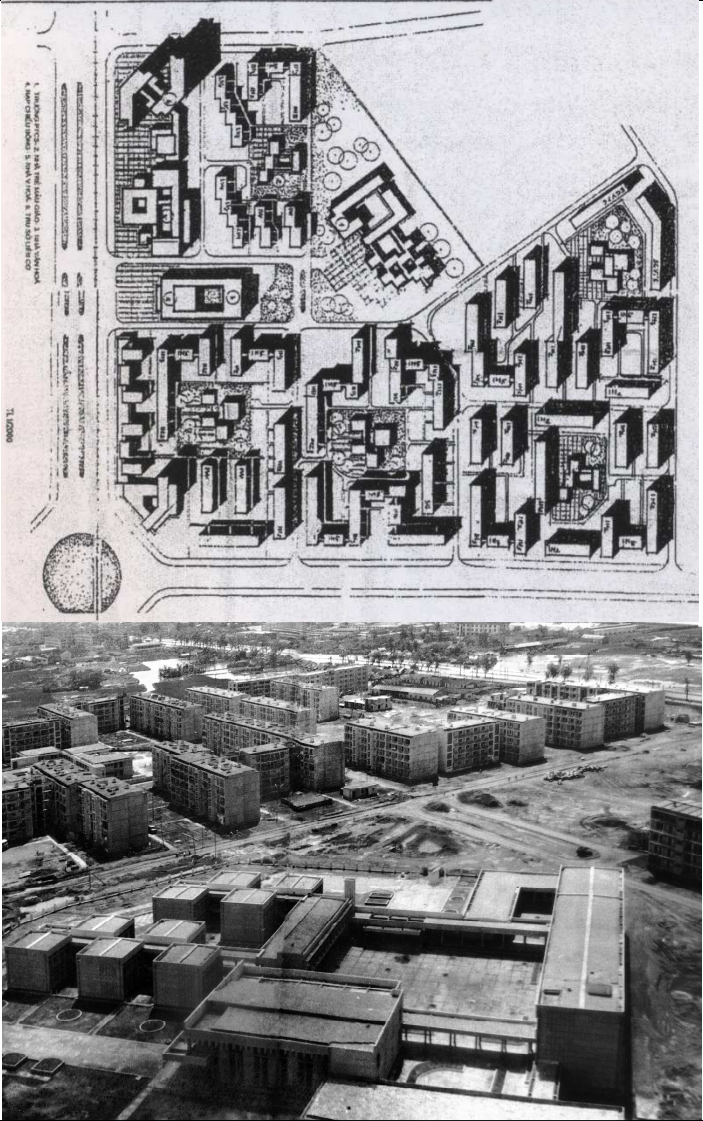

21	Khu gang thép Thái Nguyên	
22	Khu cơ khí Cẩm Phả, Quảng Ninh	 <p><b>MẶT BẰNG CHUNG T.L.1-1500</b></p> <p>     ① BẾN XE Ô TÔ CHỖ GIỮ XE      ② NHÀ HÀNH CHÁNH - PHÒNG TẬP HÈM      ③ NHÀ PHỤC VỤ SINH HOẠT      ④ NHÀ SX CHẾNH VÀ CÁN CÁN LỖ THÈN      ⑤ PHÒNG VỮNG VÀ GIẢ CÔNG ỚT      ⑥ TRẠM CẤP NƯỚC NHÈN LƯU      ⑦ KHO YẾU - KINH DỮ      ⑧ CÁN LẮG TỖ      ⑨ LỒ HỒI - KHO THAN      ⑩ KHO THÈN LỮU      ⑪ TRẠM BẾP ỚNG      ⑫ KHO BỐ XE LẮP      ⑬ BỂ NƯỚC SỬ THỬ      ⑭ TRẠM ĐIỆN      ⑮ KHU BẾ XE BẮP      ⑯ KHO XỬ NƯỚC      ⑰ TRẠM ỚNG      ⑱ TRƯỜNG KANG      ⑳ BẾCH TỎAN N.M. (8.24) h      ㉑ K<sub>1</sub> = 0.34 K<sub>2</sub> = 0.98   </p> <p><b>NHÀ MÁY CƠ KHÍ SỬA CHỮA XE, MÁY MƠ. CẨM PHẢ, QUẢNG NINH</b></p>
23	Khu kỹ nghệ Biên Hòa, Đồng Nai	
24	Nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Thanh Hóa	


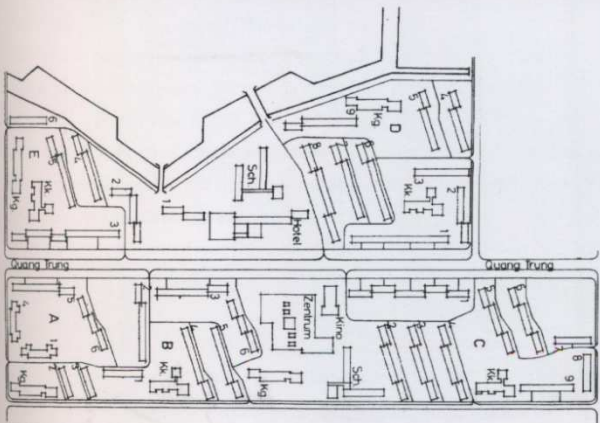
<p>25</p>	<p>Xi măng Hoàng Thạch, Hải Dương</p>	
<p>26</p>	<p>Nhà máy bê tông Chèm, Hà Nội</p>	 <p><b>GHI CHÚ</b></p> <p>1. Khu vực nhà máy 2. Khu vực nhà ở 3. Khu vực trường học 4. Khu vực bệnh viện 5. Khu vực công viên 6. Khu vực sân vận động 7. Khu vực trung tâm thương mại 8. Khu vực trung tâm văn hóa 9. Khu vực trung tâm thể thao 10. Khu vực trung tâm y tế 11. Khu vực trung tâm giáo dục 12. Khu vực trung tâm nghiên cứu 13. Khu vực trung tâm sản xuất 14. Khu vực trung tâm quản lý 15. Khu vực trung tâm bảo trì 16. Khu vực trung tâm vận chuyển 17. Khu vực trung tâm năng lượng 18. Khu vực trung tâm thông tin 19. Khu vực trung tâm an ninh 20. Khu vực trung tâm môi trường 21. Khu vực trung tâm xã hội 22. Khu vực trung tâm văn nghệ 23. Khu vực trung tâm thể thao 24. Khu vực trung tâm y tế 25. Khu vực trung tâm giáo dục 26. Khu vực trung tâm nghiên cứu 27. Khu vực trung tâm sản xuất 28. Khu vực trung tâm quản lý 29. Khu vực trung tâm bảo trì 30. Khu vực trung tâm vận chuyển 31. Khu vực trung tâm năng lượng 32. Khu vực trung tâm thông tin 33. Khu vực trung tâm an ninh 34. Khu vực trung tâm môi trường 35. Khu vực trung tâm xã hội 36. Khu vực trung tâm văn nghệ 37. Khu vực trung tâm thể thao 38. Khu vực trung tâm y tế 39. Khu vực trung tâm giáo dục 40. Khu vực trung tâm nghiên cứu 41. Khu vực trung tâm sản xuất 42. Khu vực trung tâm quản lý 43. Khu vực trung tâm bảo trì 44. Khu vực trung tâm vận chuyển 45. Khu vực trung tâm năng lượng 46. Khu vực trung tâm thông tin 47. Khu vực trung tâm an ninh 48. Khu vực trung tâm môi trường 49. Khu vực trung tâm xã hội 50. Khu vực trung tâm văn nghệ</p> <p><b>Sơ đồ dây chuyền công nghệ</b></p> <p><math>K_{XD} = 30\%</math>   <math>K_{SD} = 90\%</math></p> <p><b>Nhà BÊ TÔNG ĐÚC SẴN HÀ N</b> TỔNG MẶT BẰNG T.L: 1:2000 CÔNG SUẤT: 1.50 m<sup>3</sup>/giờ</p>
<p>27</p>	<p>Nhà máy xi măng Hà Tiên</p>	
<p>28</p>	<p>Nhà máy dệt 8/3</p>	 <p><b>GHI CHÚ</b></p> <p>1. Khu vực nhà máy 2. Khu vực nhà ở 3. Khu vực trường học 4. Khu vực bệnh viện 5. Khu vực công viên 6. Khu vực sân vận động 7. Khu vực trung tâm thương mại 8. Khu vực trung tâm văn hóa 9. Khu vực trung tâm thể thao 10. Khu vực trung tâm y tế 11. Khu vực trung tâm giáo dục 12. Khu vực trung tâm nghiên cứu 13. Khu vực trung tâm sản xuất 14. Khu vực trung tâm quản lý 15. Khu vực trung tâm bảo trì 16. Khu vực trung tâm vận chuyển 17. Khu vực trung tâm năng lượng 18. Khu vực trung tâm thông tin 19. Khu vực trung tâm an ninh 20. Khu vực trung tâm môi trường 21. Khu vực trung tâm xã hội 22. Khu vực trung tâm văn nghệ 23. Khu vực trung tâm thể thao 24. Khu vực trung tâm y tế 25. Khu vực trung tâm giáo dục 26. Khu vực trung tâm nghiên cứu 27. Khu vực trung tâm sản xuất 28. Khu vực trung tâm quản lý 29. Khu vực trung tâm bảo trì 30. Khu vực trung tâm vận chuyển 31. Khu vực trung tâm năng lượng 32. Khu vực trung tâm thông tin 33. Khu vực trung tâm an ninh 34. Khu vực trung tâm môi trường 35. Khu vực trung tâm xã hội 36. Khu vực trung tâm văn nghệ</p> <p><b>Sơ đồ dây chuyền công nghệ</b></p> <p><b>Sơ đồ phân khu chức năng</b></p> <p><b>Sơ đồ tổ chức giao thông xí nghiệp</b></p> <p><math>K_{XD} = 22\%</math>   <math>K_{SD} = 90\%</math></p> <p><b>NHÀ MÁY DỆT "8-3"</b> tổng mặt bằng (công suất 50.000 (g锭/...) )</p>

29	Nhà máy in Tiên Bộ, Hà Nội	
30	Nhà máy giấy Bãi Bằng, Vĩnh Phú	
31	Tháp truyền hình Tam Đảo, Vĩnh Yên	
32	Công trình đài hoa sen, Vĩnh Yên	
<b>V</b>	<b>NHÀ Ở</b>	
33	Khu nhà tập thể Hàm Tử Quan- Hà Nội	





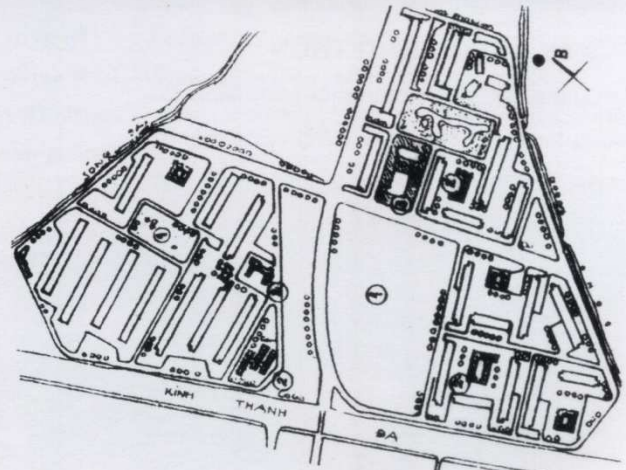
<p>38</p>	<p>Khu nhà ở Thanh Xuân Bắc, Hà Nội</p>	
<p>39</p>	<p>Khu nhà ở công nhân dệt Nam Định</p>	

40	Khu nhà ở Quang Trung Vinh - Nghệ An	  <p data-bbox="1170 831 1317 1003"><i>Hình ảnh (trên) và mặt bằng tổng thể (dưới) khu nhà ở Quang Trung, Vinh, Nghệ An (1974 - 1980) do KTS Cộng hòa Dân chủ Đức thiết kế</i></p> <p data-bbox="1170 1024 1317 1129">Photos (above) and the overall surface (lower) housing Quang Trung, Vinh City, Nghe An</p>
----	--------------------------------------	---

41	Khu nhà ở Ngoại Giao Đoàn Vạn Phúc-Hà Nội Vạn Phúc 1	
----	--	--

42

Cư xá  
Thanh  
Đà, Sài  
Gòn






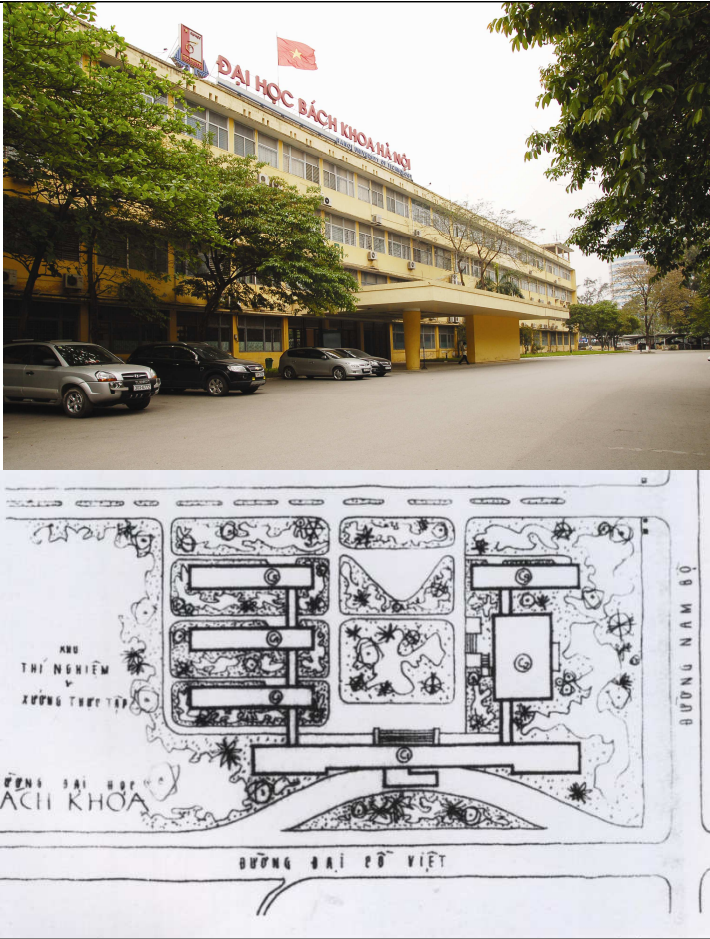


Mặt nhà (ảnh trên) và mặt bằng (ảnh dưới) cư xá Thanh Đà - TP Hồ Chí Minh (1968-1972).

43



Làng  
ĐH  
Thủ  
Đức






VI		TRƯỜNG HỌC	
44	Trường Nguyễn Ái Quốc (Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) Hà Nội		
45	Học viện Thủy Lợi Hà Nội		
46	Đại học Nông Lâm		

<p>47</p>	<p>Đại học Bách Khoa Hà Nội</p>	 <p>The image for row 47 consists of two parts. The top part is a photograph of a large, multi-story yellow building with a red flag on top, identified by the text 'ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI' on its facade. Several cars are parked in front of the building. The bottom part is a hand-drawn site plan of the university campus. The plan shows several rectangular buildings arranged in a grid-like pattern, surrounded by trees and walkways. Key features labeled include 'KHU THÍ NGHIỆM XƯƠNG THỰC TẾ' (Experimental Area for Tissue Bone), 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA' (Hanoi University of Science and Technology), and the surrounding streets 'ĐƯỜNG NAM BỘ' (Southern Road) and 'ĐƯỜNG SÀI PÒ VIỆT' (Vietnam Saipho Road).</p>
<p>48</p>	<p>Đại học Sư Phạm Hà Nội</p>	 <p>The image for row 48 is an aerial photograph of the Hanoi Pedagogical University campus. It shows a large, white, multi-story building with a prominent central courtyard. The courtyard features a circular fountain and is surrounded by trees and walkways. The text 'TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI' is visible on the building's facade.</p>
<p>49</p>	<p>Khoa Pháp ĐH Sư Phạm Hà Nội</p>	 <p>The image for row 49 shows a traditional-style walkway with a tiled roof and wooden pillars, overlooking a body of water. The walkway is part of the Faculty of Law at Hanoi Pedagogical University. In the background, modern university buildings are visible.</p>



50	Đại học Hàng Hải Phòng	
51	Đại học Y khoa Sài Gòn	
52	Đại học Thủ Đức	
53	Đại học Cần Thơ	
54	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	



55	Đại học Sư phạm Huế	
56	Trường Tiểu học, Trung học các tiểu khu nhà ở Kim Liên, Trung Tự ...	
57	Trường PTCS Angieri Khu nhà ở Thanh Xuân, Hà Nội	
58	Trường THPT Amsterdam cũ	
59	Nhà trẻ, mẫu giáo	




	tiểu khu nhà ở	
60	Trụ sở Tổng cục thống kê, Ba Đình, Hà Nội	
61	Trụ sở Ban Trị thủy sông Hong, Hà Nội	
62	Trụ sở Ủy ban Khoa học Xã hội Tòa soạn Hà Nội	
63	Tòa soạn Bộ Lâm Nghệ Lò Đúc, Hà Nội	
64	Viện Khoa học	



	Việt Nam	
65	Tổ hợp Trụ sở Khu Ủy Việt-Bắc	
66	Tổ hợp trụ sở khu Tây Bắc – Sơn La	
67	Cao ốc Ngân Hàng. Số 8 Nguyễn Huệ- Sài Gòn	
68	Viện hạt nhân Đà Lạt, Lâm Đồng	
<b>VIII</b>	<b>NHÀ KHÁCH CHUYÊN GIA- KHÁCH SẠN</b>	
69	Nhà khách Hạ Long, Bãi Cháy, Quảng Ninh	
70	Nhà	



	khách Bái Tử Long, Quảng Ninh	
71	Nhà khách chuyên gia vị hoàng-Nam Định	
72	Nhà khách chuyên gia Việt Trì	
73	Nhà khách Thái Nguyên	

74	Nhà khách Thái Bình	
75	Nhà công đoàn Tam Đảo, Vĩnh Yên	
76	Nhà nghỉ công đoàn Bãi Cháy, Quảng Ninh	
77	Nhà nghỉ công đoàn Đà Lạt	
78	Nhà khách Liễu Giai, Hà Nội	





79	Nhà khách chính phủ	
80	Khu biệt thự TW Hồ Tây	
81	Khu biệt thự Đồ Sơn, Hải Phòng	
82	Ks. Hải Âu	





<p>83</p>	<p>Khách sạn Thăng Lợi, Hồ Tây</p>	
<p>84</p>	<p>Khách sạn Hữu nghị Hải Phòng</p>	
<p>85</p>	<p>Khách sạn Hương Giang, Huế</p>	



86	Khách sạn Canave lle Sài Gòn	
87	Khách sạn Palacce Nguyễn Huệ, Sài Gòn	
<b>IX</b>	<b>CÔNG TRÌNH Y TẾ</b>	
88	Bệnh viện Ưông Bí 1	



89	Bệnh viện đa khoa Hải Hưng, Hải Dương	
90	Bệnh viện đa khoa Yên Mô, Ninh Bình	
91	Bệnh viện nhi Hải Phòng	
92	Bệnh viện Đông y Hà Nội	



<p>93</p>	<p>Bệnh viện đa khoa Thanh Nhàn, Hà Nội</p>	
<p>94</p>	<p>Bệnh viện Phụ sản Hà Nội</p>	
<p>95</p>	<p>Bệnh viện nhi TW- Hà Nội</p>	




96	Bệnh viện Chợ Rẫy-Sài Gòn	
97	Bệnh viện Vi Dân	
98	Bệnh viện TW Huế	
<b>X</b>	<b>CÔNG TRÌNH VĂN HÓA- DỊCH VỤ</b>	
99	Triển lãm quốc gia Giảng Võ, Hà Nội	

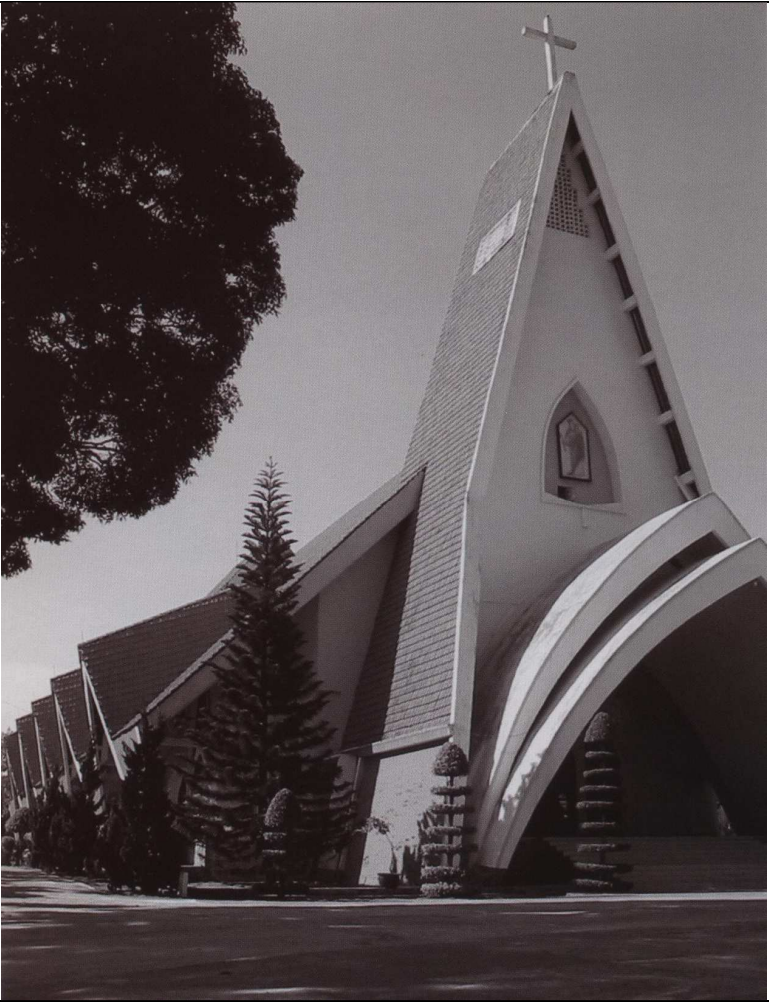
<p>100</p>	<p>“Nhà hát” Lam Sơn, Thanh Hóa</p>	
<p>101</p>	<p>Nhà văn hóa thiếu nhi Hà Nội</p>	
<p>102</p>	<p>Cung văn hóa hữu nghị Việt Xô</p>	
<p>103</p>	<p>Nhà văn hóa thiếu nhi</p>	

	Thái Nguyên	
104	Nhà văn hóa công nhân Hòn Gai-Quảng Ninh	
105	Bảo tàng Mỹ thuật Quốc Gia- Hà Nội	
106	Bảo tàng Hồ Chí Minh, Ba Đình, Hà Nội	

<p>107</p>	<p>Bảo tàng Việt Bắc Thái Nguyên</p>	
<p>108</p>	<p>Bảo tàng Hùng Vương, Phú Thọ</p>	
<p>109</p>	<p>Bảo tàng Cổ vật – Nam Định</p>	

110	Bưu điện trung tâm Hà Nội	
111	Nhà hát Hòa Bình Q10 TP. Hồ Chí Minh	
112	Thư viện quốc gia Sài Gòn	

<p>113</p>	<p>Chợ Đà Lạt</p>	
<p>114</p>	<p>Chùa Vĩnh Nghiêm Sài Gòn</p>	
<p>115</p>	<p>Nhà thờ Đức mẹ Hằng cứu thế Huế</p>	

116	Nhà thờ Liên Khương, Lâm Đồng	
-----	---	---

## CHƯƠNG II: ĐỊNH HƯỚNG BẢO TỒN VÀ GÌN GIỮ VÀ PHÁT TRIỂN “QUỸ KT” 1945-1986

### 2.1. Thực trạng “Quỹ Kiến trúc” ở thời điểm hiện nay

Sau 30 năm đổi mới, đất nước phát triển đột biến nên kinh tế chuyển đổi cơ bản từ kế hoạch hóa sang thị trường, xây dựng và sở hữu kiến trúc không còn chỉ của nhà nước, mà còn mở rộng ra nhiều thành phần, kể cả ở nước ngoài.

Dân số phát triển, đô thị hóa tăng nhanh, nhu cầu con người phát triển và cũng thay đổi theo hướng chất lượng cao và đa dạng hơn. Thành tựu khoa học công nghệ thế giới trong bối cảnh giao lưu hội nhập tạo điều kiện cho KTNN nhiều thuận lợi đổi mới và tiếp cận xu thế chung.

Thực trạng từ quy hoạch đô thị cũng như KT cứ phát sinh nhiều bất cập để thích ứng hiện tại buộc phải “xử lý”

Cơ chế quản lý nhà nước đối với qh – kt được nói lỏng, KT biến thành “hàng hóa” và người sở hữu có quyền định đoạt, kể cả KT thuộc “quỹ”

Khi ĐT phát triển và ngày càng mở rộng về quy mô, cấu trúc quy hoạch xây dựng phải thay đổi, mà trước hết là di dời các khu công nghiệp ra ngoài vì : KT cũ hoặc phá bỏ để xd công trình chức năng mới, hoặc cải tạo cơ bản không còn dáng dấp xưa và cũng thay đổi chức năng sử dụng.

Nhiều công trình cũ, chức năng vẫn phù hợp so với quy mô nhỏ (nhưng có đất rộng) hình thức ít thẩm mỹ, xuống cấp mọi phương diện nên cũng phá bỏ để xây dựng theo yêu cầu mới.

Ngay những công trình có ý thức “giữ” vẫn muốn cải tạo, không những thay đổi không gian và nội thất bên trong cho thích ứng với đòi hỏi của con người với điều kiện CN thiết bị mới, mà còn thay đổi cả phần hoàn thiện bên ngoài nhà với những vật liệu hiện đại, thời trang ... làm mất đi “nguyên gốc”, công trình có thể đẹp hơn song giá trị lịch sử sẽ không còn nữa.

Đối với các khu công trình lớn như các khu bệnh viện, các trường học, các khu nhà ở tập thể ( chung cư cũ )... thì trong quá trình phát triển đã phá bỏ hoặc cải tạo từng công trình đơn lẻ, thậm chí xây mới xen cấy... công trình cao tầng hiện đại ( tương phản với bối cảnh chung ) chưa kể các nơi tự phát của người dân.

Chiến tranh đã kết thúc 40 năm, chưa kể thời kỳ chống pháp thì đã 60 năm những kt trong chiến khu vừa quá lâu rồi vừa là công trình tạm nên hầu hết hư hỏng, ở những khu “di tích được xếp hạng” thì hầu hết “phục lại”, giá trị thực không còn, mà chỉ là còn “hình ảnh” mà thôi.

### 2.2. Định hướng bảo tồn gìn giữ quỹ kiến trúc 1945 – 1986 trong sự phát triển chung xã hội cũng như phát triển kiến trúc

Kiến trúc Việt Nam giai đoạn 1945 – 1986 có ý nghĩa to lớn đối với XH

một thời, có những giá trị nhiều mặt đối với lịch sử phát triển nền KTVN.

Rất cần thiết, và càng cấp bách khi thời gian trôi đi và XH thờ ơ, muốn xóa dấu vết ! Thức tế đã bị xóa mất dần.

Để “cứu vớt” những gì còn lại, phải được bắt đầu từ định hướng mang tính pháp lý.

- Có chủ trương về việc gìn giữ và bảo tồn quỹ kiến trúc với thời gian kỳ này, bằng các thể chế, nghiên cứu quyết định danh mục “quỹ”, tổ chức quản lý... ở trung ương và các địa phương.

- Có các đồ án cụ thể, kèm theo cơ chế chính sách ( kể cả giải pháp nếu có ) đối với từng quỹ, từng dạng thuộc sở hữu.
- Nghiên cứu phân hạng “quỹ” và phân mức độ bảo tồn gìn giữ thích ứng tình hình hiện trạng cũng như khả năng thực hiện.

Có kế hoạch triển khai, thí điểm, kế hoạch tài chính, tổ chức v.v

## D. KẾT LUẬN

Có những vật thể có thể tìm lại, làm lại được nhưng thời gian trôi đi không bao giờ có lại được giá trị ban đầu của nó, đặc biệt những vật thể có liên quan đến ý nghĩa lịch sử xã hội, trong đó có kiến trúc, một thời ở miền Bắc được gọi là kiến trúc XHCN.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, niên hạn sử dụng của các kiến trúc này đã hết hoặc về cuối đường của nó, với điều kiện hạn chế mọi mặt đầu tư, tạo dựng, sử dụng theo tiêu chuẩn tối thiểu bây giờ và với phương châm “thích dụng, bền vững, kinh tế, đẹp trong điều kiện có thể”, kiến trúc cũng như người làm nên kiến trúc đã làm trọn sứ mệnh mà xã hội giao cho, đáp ứng công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho phát triển kinh tế, đời sống dân sinh, phục vụ Cách Mạng giải phóng đất nước.

Thời gian trôi đi, xã hội phát triển và cơ chế kinh tế thay đổi cơ bản, nhu cầu con người cùng đòi hỏi khác hẳn trong điều kiện địa vị nâng cao vượt bậc. Giá trị kiến trúc cũ với xuất phát điểm hiện tại hầu như bị mâu thuẫn quá nhiều, không chỉ không đáp ứng công năng sử dụng mà cả giá trị nghệ thuật của nó cũng không được chấp nhận, vì vậy xu thế ( và cả thực tiễn ) “phá bỏ” hoặc “cải tạo cơ bản” đối với kiến trúc cũng đang và sẽ tiếp tục xảy ra.

Sự thay đổi của qui trình tiến hóa là tất yếu gìn giữ hay bảo tồn giá trị hay 1 phần giá trị của quá khứ là cần thiết, nó biểu hiện văn minh cũng như đạo lý của thế hệ đi sau đối với lịch sử, nhưng “thế nào” và “cái gì” là vấn đề nan giải, nhất là trong cơ chế thị trường hiện nay.

Đề tài giúp cho xã hội, đặc biệt cho ngành và chính quyền bước đầu nhìn nhận được các giá trị của kiến trúc thời kì 1945-1986 một cách khách quan và cầu thị, làm tiền đề cho quyển sách về chủ trương gìn giữ, bảo tồn các giá trị ấy và ít nhất cũng “phanh” đưa cao hoạt động tự phát hủy hoại đi những kiến trúc mà đưa vào loại “quỹ” kiến trúc của đất nước một thời đáng trân trọng. Đồng thời cũng làm tiền đề cho các bước nghiên cứu tiếp theo về các giải pháp cho từng đồ án cụ thể.

Tầm quan trọng và tính cấp bách, đặt lên vai các nhà quản lý trọng trách đối với lịch sử.

Các nhà chuyên môn đã và đang nhận thức được trách nhiệm của mình, họ đã và đang nghiên cứu đánh giá, lưu lại cho các thế hệ kế tiếp các thành tựu của sự phát triển nền kiến trúc nước nhà, trong đó có giai đoạn 1945- 1986 ... nhưng dường như mới chỉ dừng lại trên hồ sơ- bản vẽ mà chưa có những nghiên cứu hay quy chế cụ thể. Vì vậy xã hội có trách nhiệm đối với việc gìn giữ- bảo tồn “hiện vật” thật, cũng là minh chứng cho sự cố gắng của giới kiến trúc- quy hoạch xây dựng một thời đã qua đáng trân trọng.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Kinh tế Việt Nam 1945-2000.** Đặng Phong (2005), tập II, 1955 -1975 NXB Khoa học xã hội;
2. **Con người và tư tưởng thời bao cấp.** Vương Trí Nhàn. Thời báo kinh tế Sài Gòn;
3. **Thăng Long - Hà Nội mười thế kỷ đô thị hóa.** PGS. KTS Trần Hùng, PGS. TS.KTS Nguyễn Quốc Thông. NXB Xây dựng 1995;
4. **Thế hệ kiến trúc sư đầu tiên.** Hội Kiến trúc sư Việt Nam. NXB Văn hóa thông tin 2008;
5. **Nửa thế kỷ kiến trúc Việt Nam.** Hội Kiến trúc sư Việt Nam. Nhà xuất bản Thời đại 2010;
6. **55 năm kiến trúc Hà Nội.** Hội Kiến trúc sư Việt Nam, KTS Lê Văn Lân. NXB Thời đại 2010.
7. **Sài Gòn 1698 – 1998, Kiến trúc – Quy hoạch.** UBND thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Lãnh sự Pháp tại TP Hồ Chí Minh. NXB thành phố Hồ Chí Minh 1997;
8. **Kỷ yếu khoa học 25 năm Hội Kiến trúc sư thành phố Hồ Chí Minh.** Hội Kiến trúc sư thành phố Hồ Chí Minh (2008);
9. **Luật di sản Văn hóa số 28/2001/QH10;**
10. **Công ước di sản quốc tế, Văn kiện Nara về tính xác thực (1994)**
11. **Quy hoạch xây dựng các đô thị Việt Nam.** Bộ Xây dựng. NXB XD Hà Nội 1999;
12. **Quan hệ giữa quy hoạch vùng lãnh thổ và quy hoạch xây dựng đô thị.** KTS Hoàng Như Tiếp. NXB KH & KT Hà Nội 1978.
13. **Đô thị Việt Nam trong thời kỳ quá độ.** NXB Thế Giới 2006;
14. **Đề tài nghiên cứu Nhận diện, bảo tồn và phát huy giá trị các công trình Kiến trúc là di sản Giai đoạn 1954 -1986 tại nội đô Hà Nội.** Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội, TS. KTS Đào Ngọc Nghiêm 2012.
15. **Lịch sử ngành Xây dựng Việt Nam.** NXB Xây dựng 2008